

26
INDO-CHINOIS
695

NAM-PHONG TÙNG-THƯ

PHẠM QUỲNH *Chủ-nhiệm*



VĂN-HỌC NƯỚC PHÁP

PHẠM QUỲNH

soạn



XUẤT-BẢN TẠI
ĐÔNG-KINH ẤN-QUÁN
Phố hàng Gai, số 80-82, Hà-nội.
1927

NAM-PHONG TÙNG-THƯ

Chữ quốc-ngữ ngày nay đã phổ-thông khắp trong nước, có thể dùng làm cái lợi-khí để truyền-bá sự học trong dân-gian.

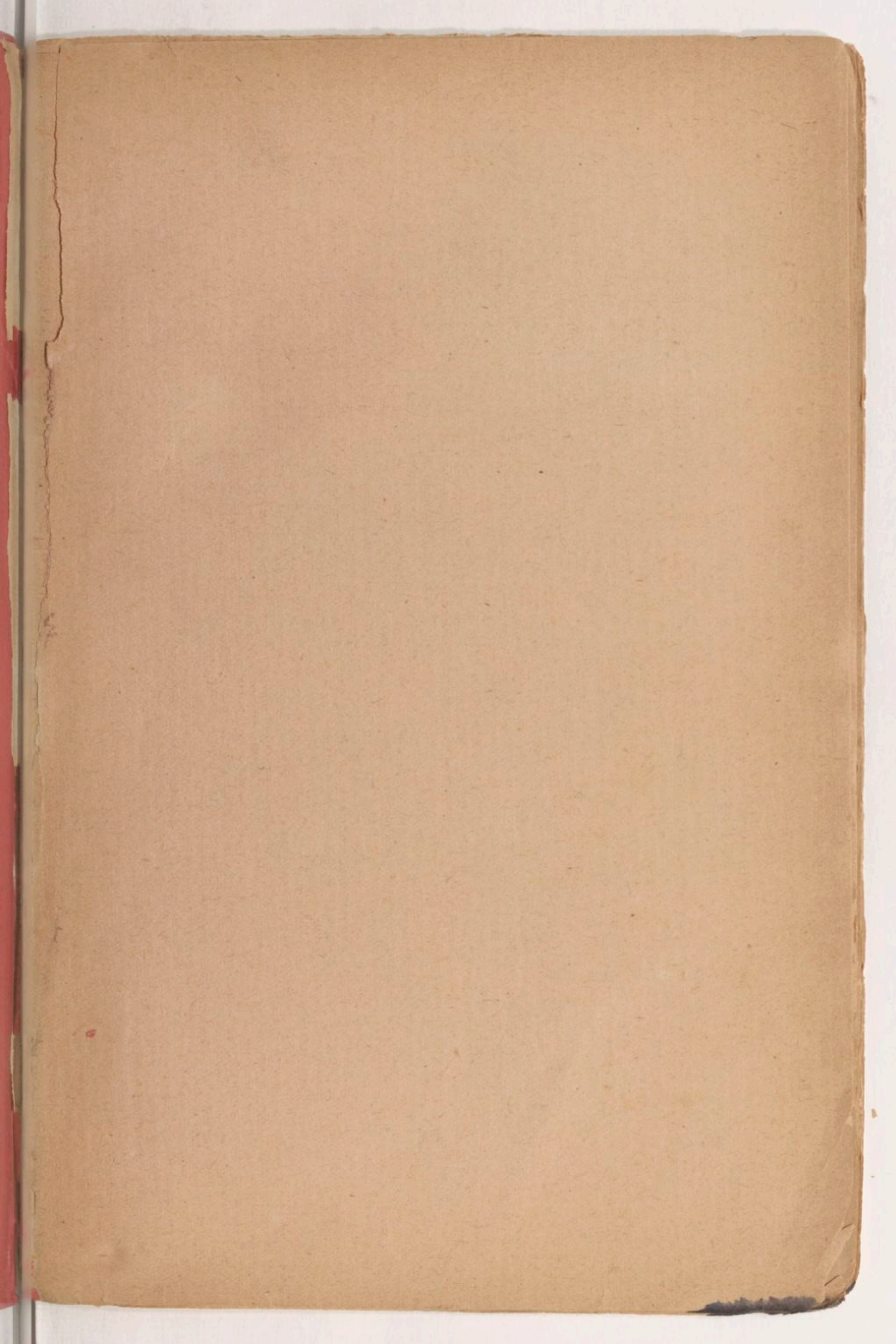
Kể sách quốc-ngữ gần đây xuất-bản cũng đã nhiều, nhưng ngoài những sách giáo-khoa để dùng trong các trường sơ-học, phần nhiều là những sách thơ-văn, tiểu-thuyết; tuy cũng có quyền có giá-trị, bổ-ích cho quốc-văn, song vẫn là sách « văn-chương chơi », không giúp gì cho việc truyền-bá sự học. Mà việc này chính là việc cần-cấp ngày nay.

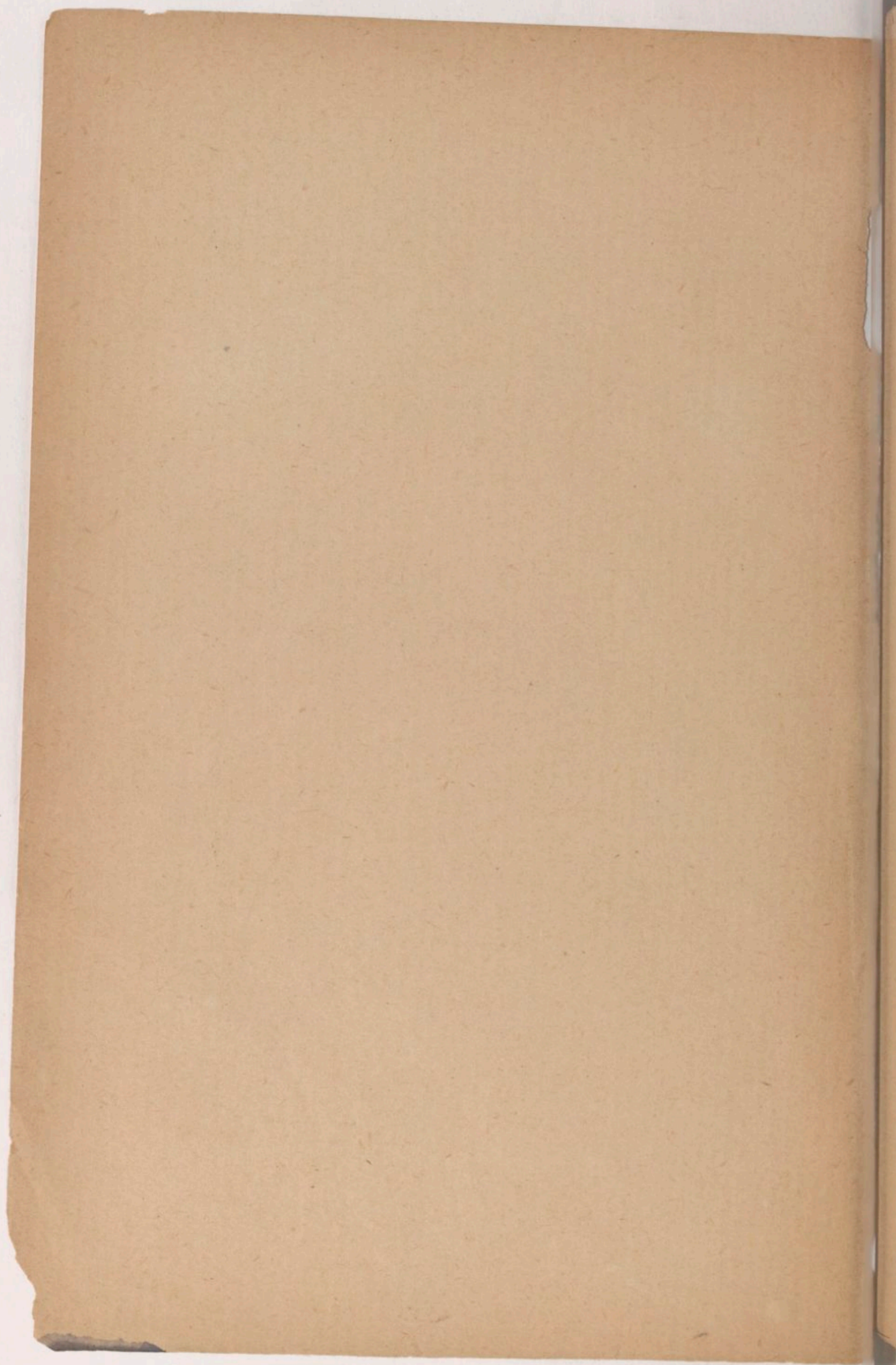
Nho-học mỗi ngày một tàn, tây-học đâu có lẫn-lời mà ngôn-ngữ bất-đồng, văn-tự sai-biệt, cũng khó lòng phổ-cập trong dân-gian. Phổ thông-tri-thức trong nước ta gần đây có phần sút kém cũng là bởi lẽ đó.

Vậy ngày nay thế-lát phải dùng chữ quốc-ngữ làm cái lợi-khí để giới-thiệu các học-thuật tư-tưởng Đông Tây cho phần nhiều quốc-dân được biết, ngõ hầu giúp cho cái trình-độ tri-thức trong nước ngày một cao hơn lên.

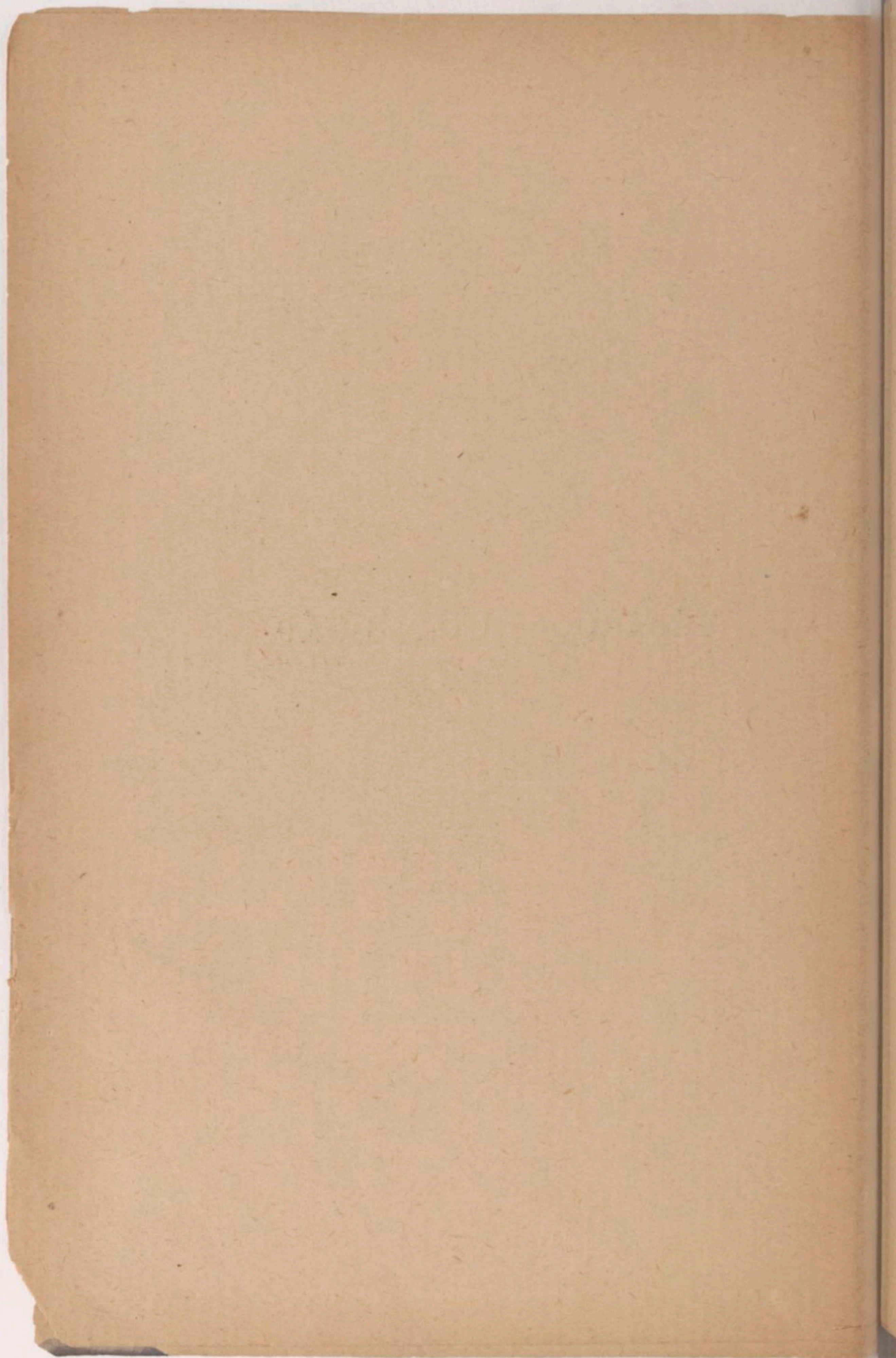
Bộ « Nam-Phong Tùng-Thư » này mở ra là muốn theo đời cái mục-dịch đó.

Cái chi chúng tôi là muốn giúp cho phần nhiều người Việt-Nam ta, không cần phải





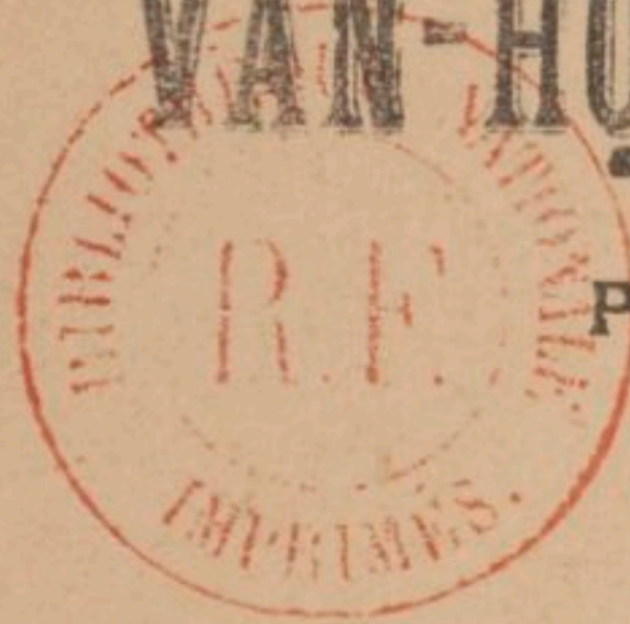
VĂN-HỌC NƯỚC PHÁP



NAM-PHONG TÙNG-THƯ

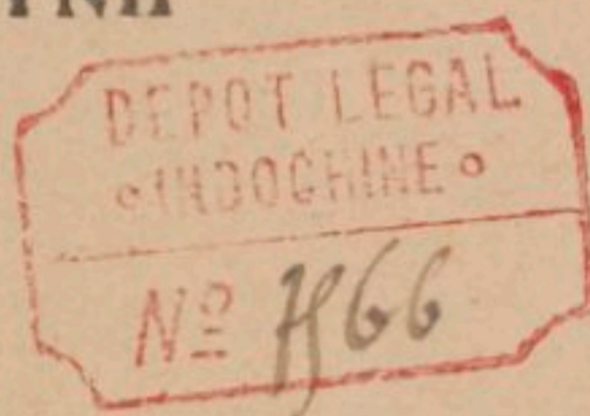
PHẠM QUỲNH *Chủ-nhiệm*

VĂN-HỌC NƯỚC PHÁP



PHẠM QUỲNH

soạn

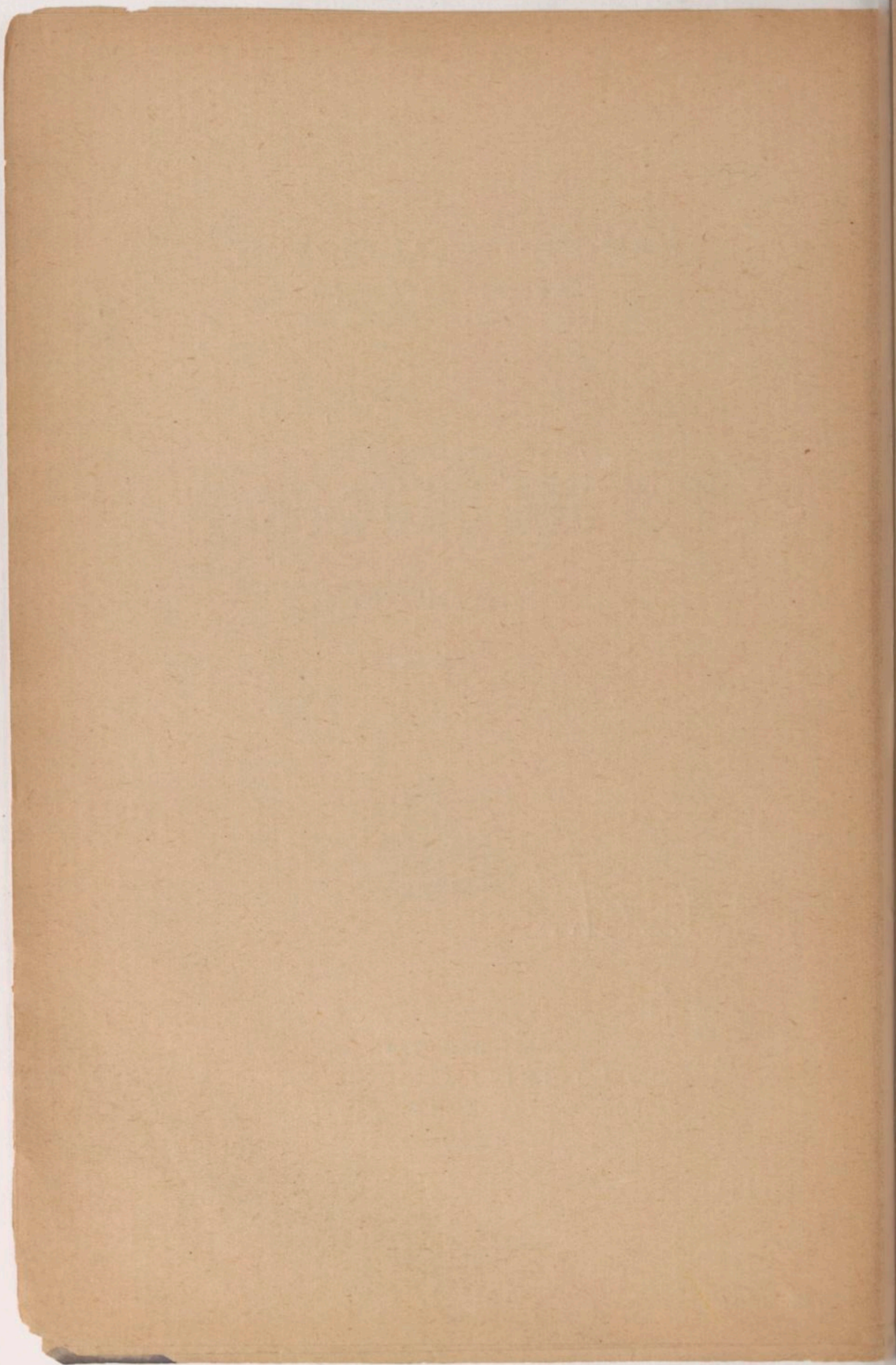


80 Ind. - Ch.

695

XUẤT-BẢN TẠI
ĐÔNG-KINH ẤN-QUÁN
Phố hàng Gai, số 80-82, Hà-nội.

1927



L'étude de la littérature française n'est pas seulement une merveilleuse école d'art, de goût exquis et de mesure, de délicatesse et de clarté, mais elle se hausse à la dignité d'une école des sciences morales et politiques.

CHARLES SAROLEA
Professeur d'Esthétique
à l'Université d'Edimbourg

★
★ ★

Văn-chương Pháp không những là một trường học để dạy người ta biết thẩm-mĩ, biết chuộng những cách điều-hòa, phong-nhã, sáng-sủa, tinh-vi ; lại có cái giá-trị cao-quí làm một trường học luân-lý chính-trị cho người đời nữa.

VĂN-HỌC NƯỚC PHÁP

(Pháp-quốc văn-học đại-quan) (1)

Một hôm tôi có tiếp một ông nho cũ, ngẫu-nhiên nói đến chuyện văn-chương, lại tình-cờ nói đến văn-chương Pháp. Nghe thấy ba chữ « văn-chương Pháp », ông có ý sửng-sốt lấy làm lạ, hỏi :

— Tây họ cũng có văn-chương sao ?

— Có chứ ! Văn-chương họ hay lắm.

Ông đưa hàm, « hừ ! » một cái, ra dáng không tin, lại hỏi :

— Thế họ có thơ không ? Thơ họ có vần có điệu, có hay bằng thơ « chữ ta » không ?

— Họ cũng có thơ ; thơ họ cũng có vần có điệu, và cũng có ý-tử hay như thơ chữ Hán.

Ông lại đưa hàm, « hừ ! » cái nữa, vẫn ra ý không tin.

Rồi ông phán một câu rằng :

— Văn « chữ ta », thơ « chữ ta » hay lắm, hay lắm ! ...

(1) Bài này tác-giả diễn-thuyết ở Hội Trí-tri Hà-nội ngày thứ năm 24 *Novembre* 1921.

Ông không nói hết câu, nhưng nghe cũng hiểu ý ông rằng: « Văn-chương chữ ta hay lắm, nhưng mà những phùng học chữ tây như các bác không thể hiểu được, và chữ tây của các bác đâu có văn-chương cũng chẳng đời nào bằng! »

Những ông nho « cao-thượng » quá như thế, chắc ngày nay không còn mấy nữa, và đâu còn có lẽ cũng tự riêng trong bụng không phục rằng chữ tây có văn-chương, nhưng không lộ ra ngoài một cách rõ-ràng như vậy. Về mười mười-lăm năm trước thời phần nhiều nhà nho ta — đây là tôi nói những ông nho « đặc », không có đọc tân-thư, đọc báo tàu — vẫn yên trí rằng trong gầm trời duy có chữ nho là thâm-thúy, còn chữ tây chẳng qua là một món đồ giao-thiếp, đồ ứng-đối, bắt-đắc-dĩ phải theo thời mà học, chứ không có lẽ có văn-chương nghĩa-lý gì được. Các cụ tưởng thế quyết là sai rồi, nhưng mà nghĩ cho kỹ cũng không nên trách các cụ. Ừ, tự mình không biết chữ tây, nhưng trong nhà có con em đi học chữ tây, về nhà hỏi học những cái gì thì chỉ thấy chúng nó kêu như cuốc kêu mùa hè những là: « con lừa, con la, cái áo của cha tôi, cái quần của mẹ tôi », với lại những: « chén cà-phê, cốc sữa bò », chữ nghĩa lần-thần như thế thời phỏng còn có văn-

chương nghĩa-lý gì nữa ? Lại thấy những ông nọ thầy kia, đã đồ thế này thế khác, mà hỏi đến sách-vở nghĩa-lý của Tây, thường cũng ấp-a ấp-úng, nói chẳng thành câu, thời trách nào các cụ không yên trí rằng chữ tây tuyệt-nhiên không biết văn-chương là cái gì.

Nhưng mà gần đây trong phái tây-học đã có nhiều người biết bỏ cái lối học giao-thiệp ứng-đối cũ mà chuyên về đường khảo-cứu suy-xét, học cho biết nghĩa-lý, chứ không phải học để thuộc giãm ba câu tiếng tây mà thôi. Lại nhờ có chữ quốc-ngữ làm cái cơ-quan để diễn-dịch truyền-bá những văn-chương hay, tư-tưởng lạ của các bậc danh-nhân bên qui-quốc, khiến cho những hàng trí-thức trong quốc-dân bây giờ, dù về phái tân-học, dù về phái cựu-học, không còn ai là có cái ý-kiến hẹp-hòi như ông nho cổ tôi mới thuật chuyện vừa rồi. Như các ngài đây đã vui lòng đến nghe tôi diễn-thuyết, chắc cũng đều biết rằng chữ Pháp có văn-chương và văn-chương Pháp là một thứ văn-chương có giá-trị to trong thế-giới. Chủ-ý tôi diễn-thuyết bữa nay, chính là muốn giải để các ngài rõ cái giá-trị ấy thế nào, và văn-chương Pháp đã qua bao nhiêu trình-độ mới có được cái giá-trị như thế, nghĩa là bày cho các ngài xem như một cái biểu « nhất-lãm » về văn-học Đại-Pháp từ khi mới thành-

lập cno đến tận bây giờ. Tôi lập-ý như thế cũng tự biết rằng đánh bạo quá, vì muốn gồm cả một cuộc văn-học rất phồn-thịnh, rất phong-phú như văn-học nước Pháp đã thịnh-hành trong một khoảng thời-gian tới năm sáu trăm năm, vào một bài diễn-thuyết sơ-lược trong một vài giờ đồng-hồ, thật là một việc khó-khăn có một : trước hết người diễn-thuyết phải thuộc đầu bài lắm, mà đầu bài đây là gì ? là cả văn-chương nước Pháp từ đời xưa đến đời nay, tưởng dầu ông bác-sĩ bực đầu cũng không có thể tự-phụ là thuộc hết được ; sau nữa lại phải có cái tài cai-quát khéo mới có thể thu đúc cả cái vật-liệu phong-phú như thế vào một bài diễn-thuyết nhỏ, vắn-tắt mà súc-tích, lời ít mà ý nhiều, lại rõ-ràng khúc-chiết cho người nghe dễ hiểu ; thật là khó quá, tôi cũng tự-lượng biết rằng làm một việc to lớn quá sức, song cũng đánh bạo thử làm, hoặc có khuyết-điểm — mà chắc là khuyết-điểm nhiều —, xin các ngài rộng lượng.

* * *

Nhà nho ta sở-dĩ không sẵn lòng công-nhận văn-chương tây, không những bởi không biết chữ tây, lại là bởi cái quan-niệm về văn-chương của người Đông-phương với người

Tây-phương khác nhau lắm, tựa-hồ như phản-đối hẳn. Bởi khác nhau nên thường không hiểu nhau. Vậy trước khi thuật về lịch-sử văn-chương Pháp, tôi hãy xin giải qua về hai cái quan-niệm ấy thế nào. Ta gọi là câu văn hay ấy là câu văn bóng-bẩy rườm-rà. Tây gọi là câu văn hay ấy là câu văn thiết-thực giản-ước. Văn ta chuộng ở lời nhiều, lời phải cho đẹp, đọc cho vui tai êm miệng, càng kêu càng ròn, càng tron-chu lưu-loát bao nhiêu thì càng cho làm hay. Ý bất-tất phải mới lạ gì, miễn là lời cho văn-vẻ, dễ nghe, thế là hay. Và có lẽ càng lấy những ý-tưởng thông-thường, ai cũng công-nhận, ai cũng hiểu cả, mà phô-diễn ra văn-chương lại càng dễ nghe lắm. Văn tây thì không thế, văn tây không chuộng ở lời, mà chuộng lời với ý cho xứng nhau, lời để diễn ý, hề diễn được hết ý cho rõ-ràng khúc-chiết, thế là văn hay, chứ không ưa những lời phù-hoa bóng-bẩy, và thứ nhất là kỵ những câu khẩu-đầu, câu sáo cũ. Văn ta với văn tàu hề càng dùng nhiều chữ sẵn càng hay, càng thuộc nhiều điển cũ càng nền. Văn tây thời phải theo liền với tư-tưởng, tư-tưởng mới-mẻ thì lời văn cũng phải mới-mẻ, mà văn có mới-mẻ mới là văn hay, vì mỗi người tư-tưởng một cách khác, lời nói dùng để diễn cái tư-tưởng ấy không thể giống nhau

được, không thể dùng những chữ cũ của cổ-nhân, những câu sáo của công-chúng mà nói cho hết được. Thành ra văn tàu văn ta hề càng lưu-loát dễ nghe bao nhiêu càng hay, mà văn tây lại càng mới-mẻ thiết-thực bao nhiêu càng hay.

Một nhà phê-bình văn-học Pháp đã nói rằng: « Phàm văn-chương có hai cách, một cách có thể gọi là « diễn-đạt » (*expression*), một cách gọi là « phổ-thông » (*intelligibilité*). « Diễn-đạt » là lấy một cái trạng-thái đặc-biệt của sự-vật mà diễn-dịch nó ra một cách thật đúng; « Phổ-thông » là lấy những cái lý-tưởng thông-thường của công-chúng mà phô-diễn nó ra một cách dễ nghe. » (*Il y a deux tendances en littérature. L'une de ces tendances a pour objet l'expression, l'autre l'intelligibilité. L'une s'efforce de traduire de la manière la plus efficace un aspect particulier des choses, l'autre d'interpréter de la façon la plus commode des notions admises.* — F. BALDENSPERGER, *La Littérature.*)

Theo như cái lý-thuyết ấy thì văn tây có thể cho là thuộc vào hạng văn « diễn-đạt », mà văn tàu văn ta ngày xưa là vào hạng văn « phổ-thông ». Văn tây thuộc vào hạng văn « diễn-đạt » là bởi vì trọng nhất lấy thiết-thực, diễn cái ý nào thì cho hết ý, tả cái cảnh nào thì cho hết cảnh, lời với ý đi với nhau

chậm-chạp, không thái-quá, cũng không bắt-cập. Văn tàu văn ta thuộc vào văn « phổ-thông » là trọng ở lời lẽ chải-chuốt trơn-chu, dễ nghe lưu-loát, thế nào cho người ta đọc lên hiểu ngay, lấy làm vui tai êm miệng. Bởi hai cái quan-niệm về văn-chương khác nhau như thế, nên người Tây xét văn tàu cho là nhiều lời ít ý, có vỏ không ruột, hay đem những cái tư-tưởng phổ-thông tầm-thường mà mặc cho cái áo văn-chương hoa-mĩ quá ; người Tàu người ta xét văn tây thời lại cho là trúc-trắc khó nghe, hoặc lẫn-thần lời-thôi, hoặc thật-thà ngo-ngằn, không chịu cho là có văn-chương. Thí-dụ như muốn tả người đàn bà đẹp, văn tây tả không bài nào giống bài nào, mỗi bài tả ra một cách, mỗi cách có một cái vẻ đẹp riêng, mà cách nào cũng hiển-nhiên như thực ; văn ta thì trăm bài đến chín mươi chín bài nói đến mắt phượng, mày ngài, môi son, má phấn, da tuyết, tóc mây, vân, vân..., toàn là những câu sáo sẩn để tả người đàn-bà, thành ra người đẹp nào cũng như người đẹp nào, theo một cái kiểu-mẫu chung, ai ai cũng đều công-nhận.

Tôi đọc các ngài nghe hai đoạn văn tây như sau này, đủ biết hai lối văn-chương đó khác nhau thế nào. Hai đoạn này là trích ở sách *Madame Bovary*, là một bộ tiểu-thuyết tả-thực

trứ-danh trong văn-chương Pháp, của ông GUSTAVE FLAUBERT làm ra. Ông tả một ngày hội đấu-xảo canh-nông (*comice agricole*) ở nhà quê. Đoạn trên là ông giả-nghĩ bài diễn-thuyết của quan sở-tại đến khai hội đấu-xảo, lời-lẽ thật là lưu-loát, văn-chương hoa-mĩ, mà tư-tu ởng thời rất là thấp-hẹp, bần-cùn, tầm-thường, vô-vị, vậy mà người nghe lấy làm thích-chí lắm. Trước quan còn tán-tụng công-đức Nhà nước đã khai-hóa cho dân mới được thái-bình thịnh-vượng như thế, khác nào cũng như những câu « Na-mô » của người mình tán-tụng các qui-quan Đại-Pháp, v.. v..., rồi ngài kết mấy câu rất hùng-hồn (!) về công-đức nghề nông, nói rằng (đây là lời diễn-thuyết của quan) :

« ... Qu'aurais-je à faire, Messieurs, de vous démontrer ici l'utilité de l'agriculture? Qui donc pourvoit à nos besoins? Qui donc fournit à notre subsistance? N'est-ce pas l'agriculteur? L'agriculteur, Messieurs, qui ensemençant d'une main laborieuse les sillons féconds des campagnes fait naître le blé, lequel broyé est mis en poudre au moyen d'ingénieux appareils, en sort sous le nom de farine et, de là, transporté dans les cités, est bientôt rendu chez le boulanger, qui en confectionne un aliment pour le pauvre comme le riche. N'est-ce pas l'agriculteur encore qui engraisse, pour nos vêtements, ses abondants troupeaux dans les pâturages? Car comment nous vêtirions-nous, car comment nous

nourririons-nous sans l'agriculteur? Et même, Messieurs, est-il besoin d'aller si loin chercher des exemples? Qui n'a souvent réfléchi à toute l'importance que l'on retire de ce modeste animal, ornement de nos basses-cours, qui fournit à la fois un oreiller moelleux pour nos couches, sa chair succulente pour nos tables, et des œufs? Mais je n'en finirais pas, s'il fallait énumérer les uns après les autres les différents produits que la terre bien cultivée, telle qu'une mère généreuse, prodigue à ses enfants. . . »

Dịch-nghĩa. — « Thừa các ngài, tôi tưởng
« chẳng cần phải giải rõ các ngài mới hiểu
« nghề nông có ích-lợi là dường nào. Sự cần-
« dùng của ta, ai lo-liệu cho ta? Đồ ăn uống
« của ta, ai cung-cấp cho ta? Chẳng phải là nhà
« nông dư? Nhà nông kia, ra công khó nhọc,
« gieo luống ruộng cấy, làm cho mọc thành
« cây lúa mì, lúa này dùng những máy-móc
« khôn-khéo giã ra thành phấn, gọi tên là bột,
« bột ấy tải ra các nơi thành-thị, giao về cho
« nhà hàng bánh, chế thành một thứ đồ ăn,
« người giàu người nghèo đều phải dùng cả.
« Lại chẳng phải nhà nông kia chăn nuôi
« những đàn cừ béo ở trong những đồng cỏ
« non, để lấy lông chiên làm áo mặc cho ta
« dư? Vì không có nhà nông thì ta lấy gì mà
« mặc, ta lấy gì mà ăn? Mà cần chi phải thí-
« dụ những sự xa-xôi như thế? Ai là người
« không thường nghĩ đến sự ích-lợi vô-cùng

« của con vật nhỏ mọn kia, nó làm một cái
 « trang-sức cho sân cho vườn ta, nó vừa cho
 « ta lông nó để làm gối êm cho ta nằm,
 « thịt nó để làm đồ ăn ngon cho ta ăn, lại
 « cho ta trứng nữa? Nhưng mà tôi kể thế
 « là nhiều rồi, không thể nói được hết những
 « sản-vật của cái đất qui-báu kia nhờ tay nhà
 « nông cày cấy cung-cấp cho ta như người mẹ
 « hiền đẻ của cho con cái, v. v. »

Các ngài nghe đoạn diễn-thuyết đó có hay không? có phải là văn-chương lắm không? Thật là trơn-chu, lưu-loát, dễ hiểu, dễ nghe lắm.

Các ngài lại nhận giọng văn đó, có phải chính là giọng văn ta văn tàu không? Đọc lên thì ồn-ào rộn-riệp, tưởng như lời-lẽ hùng-hồn lắm, mà chắt lại thật không có chút tư-tưởng gì.

Đối với lối văn ấy thì như đoạn sau này, tác-giả tả một mục vụ già được hội-đồng đấu-xảo ban cho cái mền-day bạc và thưởng cho 25 quan, vì trong 54 năm trời vẫn một lòng thủy-chung hầu-hạ một chủ. Đây là nói lúc xưng đến tên mục, mục đương ngo-ngác trèo lên trên rạp để lấy thưởng :

« Alors on vit s'avancer sur l'estrade une petite vieille femme de maintien craintif, et qui paraissait se ratatiner dans ces pauvres vêtements. Elle avait aux pieds de grosses galoches de bois, et, le long des hanches, un grand tablier bleu. Son visage maigre,

entouré d'un béguin sans bordure, était plus plissé de rides qu'une pomme de reinette flétrie, et des manches de sa camisole rouge dépassaient deux longues mains, à articulations noueuses. La poussière des granges, la potasse des lessives et le suint des laines les avaient si bien encroûtées, éraillées, durcies, qu'elles semblaient sales quoiqu'elles fussent rincées d'eau claire ; et à force d'avoir servi, elles restaient entr'ouvertes, comme pour présenter d'elles-mêmes l'humble témoignage de tant de souffrances subies. Quelque chose d'une rigidité monacale relevait l'expression de sa figure. Rien de triste ou d'attendri n'amollissait ce regard pâle. Dans la fréquentation des animaux elle avait pris leur mutisme et leur placidité. C'est la première fois qu'elle se voyait au milieu d'une compagnie si nombreuse ; et, intérieurement effarouchée par les drapeaux, par les tambours, par les messieurs en habit noir et par la croix d'honneur du conseiller, elle demeurait tout immobile, ne sachant s'il fallait s'avancer ou s'enfuir, ni pourquoi la foule la poussait et pourquoi les examinateurs lui souriaient. Ainsi se tenait devant ces bourgeois épanouis, ce demi-siècle de servitude.»

Dịch nghĩa. — “Bấy giờ trông thấy bước lên
“trên rạp một cụ già bé nhỏ, ra dáng sợ hãi,
“hình như náu hình lại ở trong đồng quần áo
“bần-tiện. Chân đi đôi guốc gỗ to, tự thắt lưng
“xuống buộc một cái mã-phụ xanh lớn, mặt
“gầy-gò buộc cái khăn vuông không viền, giăn-

« gieo hơn là da quả thị héo. Minh mặc cái áo
 « bán-thân, thò ra hai bàn tay dài, trông thấy
 « những đốt xương khúc-khủy. Tay ấy đã rửa
 « nước lã kỹ, vậy mà coi ra như bàn-thủ, vì
 « những bụi thóc, bột rặt với mỡ cừu đã cuốn
 « quện thành mảng, nứt-nẻ chai-rắn lại; tay đã
 « quen hầu-hạ, bao giờ cũng mở sẵn ra, như tự
 « tay đem dâng cho người sai khiến cái thân-
 « phận bán-hèn khốn-khó trong bấy lâu. Nét
 « mặt nghiêm-nghiêm như có cái vẻ nhà tu.
 « Con mắt lơ-dờ, không có dáng buồn rầu, cũng
 « không có dáng cảm-động. Bình-sinh hay gần
 « súc-vật, nên đã nhiễm được cái vẻ mặt lạng-
 « lẽ yên-hàn. Lần này là lần thứ nhất mù ra
 « đứng chỗ đông người như thế này; trông
 « những cò, những trống, những ông mặc áo
 « đen, lại thấy cái bội-tinh của ông nghị, trong
 « bụng có ý khiếp sợ, cứ đứng im không động-
 « đậy, phân-vân không biết nên bước lên hay
 « nên chạy về, và cũng không hiểu rằng làm sao
 « người đứng xem lại đẩy mình lên, và làm sao
 « các ông giám-sát ngồi đấy lại tùm-tỉm cười.
 « Đó chính là hình-ảnh một nửa thế-kỷ nô-lệ
 « đứng ở trước mặt một đám trưởng-giả bảnh-
 « bao.»

Đoạn văn sau này mới nghe chắc không thấy trôi-chảy bằng đoạn trên. Nhưng nhận kỹ ra mới biết rằng lời-lẽ thiết-thực, không có một

câu nào thừa ; chính là lối văn tả-thực, không có lời nghị-luận gì, mà có một cái ý cảm-động vô-cùng, nhất là câu cuối cùng, tiếc rằng lời dịch trên kia chưa diễn được hết cái ý-vị của nguyên-văn : *Ainsi se tenait, devant ces bourgeois épanouis, ce demi-siècle de servitude*, ai đã thuộc văn tây tất là biết thưởng-thức.

Trong hai lối văn-chương đó thì lối dưới thiết-thực là lối người Âu-Tây cho làm hay, lối trên hoa-mĩ là lối người mình lấy làm thích. Hai cái cảm-giác về văn-chương khác nhau như thế, nên người mình thấy văn tây không thể ngâm-nga dịp-dàng được, thời cho là lỏng-chồng trúc-trắc, khó hiểu khó nghe, không biết rằng văn này ở ý nhiều mà lời ít, lời văn chẳng qua là dùng để đạt ý mà thôi, không phải là một cách ghép vần ghép chữ, múa khéo múa khôn, để lấy cho vui tai êm miệng.

Trước khi bàn về văn-chương Pháp, phải nên biết người Pháp hiểu văn-chương như thế, có khác với nghĩa văn-chương của mình nhiều. Văn-chương của mình là lời nói đẹp, bất-cứ nói gì, hễ nói đẹp là văn-chương ; văn-chương của Pháp thì là định nói cái gì, nói được vừa-vặn thích-đáng, không thiếu không thừa, đúng như sự-thực, hết như ý-tưởng, thế là văn-chương. Cho nên nhà phê-bình tây đã giải văn-chương như thế này :

« *Le fait littéraire, dans son principe, « exprime » par des mots un instant de la vie perçu par un esprit qui ne se contente pas de le traverser, ne prétend pas agir sur lui pour le modifier, mais qui cherche à le fixer en lui donnant un équivalent verbal approprié* » (BALDENSPERGER). Nghĩa là : « Cái tôn-chỉ của văn-chương là dùng những tiếng những chữ để diễn-tả lấy một cái khoảnh-khắc trong cuộc đời, do trí-tuệ người ta cảm-giác, mà không muốn để cho thoảng qua đi, cũng không có chí muốn sửa đổi lại, chỉ tìm cách ghi nhớ lấy bằng những lời nói thích-đáng. » — Muốn nói giản-dị hơn thì nói rằng : văn-chương là một cách ghi-chép cái cảm-giác của người ta cho thật hết thật đúng.

Người Đông-phương ta muốn thưởng-thức được văn-chương của Âu-Tây thì phải hiểu cái nghĩa văn-chương như thế ; nếu lấy nghĩa văn-chương của mình mà xét văn-chương tây thì nghi-hồ cho người Tây là không có văn-chương phải lắm.

Tôi giải nghĩa về văn-chương khi dài quá, song tưởng không phải là vô-ích, vì phải phân-biệt cho rõ hai cái nghĩa văn-chương của người Tây và người mình thế nào, thì mới có thể bàn về văn-chương Pháp được.

Văn-chương Pháp kể mới thành-lập trong khoảng bốn năm trăm năm nay mà thôi,

nghĩa là vào đời nhà Trần ở nước ta thì ở nước Pháp mới bắt đầu có văn-chương. Nhưng từ khi tiếng nói thành văn thì cứ mỗi ngày một tiến-bộ, không đầy hai trăm năm đã trở thành một thứ văn-chương hoàn-toàn nhất ở Âu-châu, cho tới ngày nay thì hiển-nhiên là một thứ văn-tự tốt đẹp nhất trong thế-giới. Trong khi văn-chương Pháp tiến-hóa mau như thế, thì văn-chương nôm mình cứ ngưng-trệ lại không bước lên được một bước nào. Từ đời nhà Trần ta đã có ông Hàn Thuyên, mà đến đời nhà Nguyễn ta cũng chỉ thêm được ông Nguyễn Du nữa mà thôi, trung-gian trong bốn trăm năm văn nôm ta nín hơi lặng tiếng, không sản-xuất được bộ sách nào là thật có giá-trị. Bởi sao mà tiếng quốc-âm của ta thiệt-thời kém-cỏi như thế? Bởi trong khi ở nước Pháp đến hàng trăm hàng nghìn nhà làm văn kẻ làm sách đua nhau mà chau-dồi mài-rũa cái tiếng nói của ông cha, làm thành như một cái khí-giới sắc nhọn vô-cùng, thời ở nước mình những hàng tri-thức còn chỉ say-đắm về chữ nước người, văn nước người, không mấy người nghĩ đến cái tiếng nôm-na của tổ-quốc, thành ra tới nay để lại cho bọn mình một cái đồ dùng rỉ-han cùn-nhục, để cho anh em mình bây giờ khổ-công mài-rũa mà cũng

chưa thấy sáng thấy sắc ra được chút nào, thế có cực không? . . .

Nước Pháp không phải là không qua cái tình-cảnh « nội-thuộc », cái nông-nổi học mượn viết nhờ như nước mình; nước mình bị quyền chuyên-chế hữu-hình về chính-trị, quyền chuyên-chế vô-hình của văn-chương học-thuật người Tàu thế nào, thì nước Pháp cũng bị quyền chuyên-chế hữu-hình về chính-trị, quyền chuyên-chế vô-hình của văn-chương học-thuật La-mã như thế. Nước mình bị người Tàu đồng-hóa, học theo sách tàu chữ tàu trong hơn nghìn năm, thời nước Pháp cũng bị người La-mã đồng-hóa, học theo sách la-tinh, chữ la-tinh trong ngót nghìn năm. Kể từ năm 880, nước Pháp mới bắt đầu có một bài ca nhỏ bằng tiếng « nôm », tức là tiếng Pháp, còn trở về trước bao nhiêu sách-vở giấy-má toàn bằng « chữ », nghĩa là tiếng la-tinh hết. Mà chính bài ca thứ nhất ấy cũng chưa thành văn-chương gì; tự đấy về sau, trong ba bốn trăm năm nữa, tuy những bài ca bài văn bằng tiếng « nôm » đã thêm ra nhiều, nhưng mà những bậc thượng-lưu cũng vẫn chỉ ưa chữ la-tinh, những sách đứng-dẫn cũng vẫn chỉ viết bằng chữ la-tinh, tiếng Pháp cho là nôm-na mách-qué, chẳng khác gì ở nước mình. Duy có khác là người

Pháp sớm tinh-ngộ hơn người mình, và bắt đầu từ thế-kỷ thứ 15, nghĩa là vào khoảng đời nhà Trần ở nước ta, người Pháp quyết bỏ hẳn chữ la-tinh mà chỉ chuyên tập tiếng quốc-âm mà thôi. Lúc mới cũng khó-khăn lắm, cái tình-cảnh của nhà làm văn Pháp lúc bấy giờ cũng khốn-nạn như bọn mình viết quốc-ngữ bây giờ, khổ vì nổi tiếng chưa thành văn, không biết thế nào là hay là dở; có phần lại khó hơn mình, vì ở nước mình tuy giọng nói Bắc-kỳ, Trung-kỳ, Nam-kỳ có khác nhau, song cũng là một thứ tiếng, nói với nhau nghe hiểu được, chứ ở nước Pháp về trước thế-kỷ thứ 15, hồi chữ la-tinh còn thịnh-hành thì tiếng "nôm" trong dân-gian chia ra làm hai thứ, một thứ ở Bắc-phương gọi là *langue d'oïl*, một thứ ở Nam-phương gọi là *langue d'oc*, hai thứ tiệt-nhiên khác hẳn nhau. Thứ *langue d'oc* tức là gốc của tiếng *provençal* (là tiếng thổ-âm ở vùng *Marseille*) bây giờ, lại phát-đạt trước, sớm đã có những hạng thi-nhân gọi là *troubadours* làm những bài ca-văn về phong-tình. Sau bọn thi-nhân ở Bắc-phương gọi là *trouvères* mới bắt chước bọn *troubadours* ở Nam-phương, cũng làm ra ca-văn bằng tiếng thổ-âm của mình, tức là tiếng *langue d'oïl*. Nhưng mà tính-chất người Bắc-phương với người Nam-phương khác nhau, người Nam-phương hay ăn-chơi vui-vẻ, làm

ra ca phong-tình, người Bắc-phương tinh thô-hùng hơn thì lại làm ra những bài ca anh-hùng để tán công-đức những bậc võ-sĩ có tiếng đời xưa đời nay. Vào khoảng thế-kỷ thứ 15 thời tiếng Bắc-phương là *langue d'oïl* lại thịnh-hành hơn tiếng *langue d'oc* của Nam-phương, và dần-dần tràn khắp cả xuống Nam-phương, thành ra một thứ tiếng thống-nhất, tức là tiếng Pháp ngày nay. Tự đó thời tiếng *langue d'oc* mỗi ngày một suy đi, mà trở thành một thứ « địa-phương-ngữ » (*dialecte*), tức là tiếng *provençal* bây giờ. — Vậy thời tiếng Pháp bây giờ là do ở tiếng *langue d'oïl* ra và mới bắt đầu phổ-thông trong nước tự thế-kỷ thứ 15, tiếng đã phổ-thông thì tiện-thị có văn-chương. Văn-chương cũng là khởi-điểm tự các bài anh-hùng-ca ở *langue d'oïl* trước.

Tôi đã nói rằng lúc mới khởi đầu gây ra văn-chương ấy thật là nghiêu-kê lắm, cũng tức như người mình đương gây văn quốc-ngữ bây giờ. Mới thoát-li ở chữ la-tinh ra, không thể bỏ hẳn chữ la-tinh được, cũng như quốc-ngữ mình không thể bỏ hẳn chữ nho được. Bây giờ có một bọn làm thơ lập ra cái thi-xã đặt tên là *Pléiade*. Bọn này lại sinh chữ la-tinh lắm, làm thơ bằng tiếng Pháp hay dùng chữ la-tinh nhiều quá. Trong bọn có ông RONSARD lấy thế làm hại cho quốc-âm, thường khuyên anh em nên tìm

kiếm lấy những chữ gốc của nước mình mà dùng, hơn là đi bới mót trong đồng «tro tàn của cồ-nhân» (*je ne sçay quelle cendre des anciens*). Ông lại khuyên rằng nên chọn lấy những tiếng nôm lịch-sự (*dialecte courtisan*) mà dùng, hoặc không đủ thì «đặt thêm ra tiếng mới theo như tiếng Hi-lạp La-mã, không quản gì lời nghị-luận của công-chúng» (*Tu composeras hardiment des mots à l'imitation des Grecs et Latins et n'auras soucy de ce que le vulgaire dira de toy.*) Song ông lại nói thêm rằng : «Ta khuyên nên cứ đánh bạo mà đặt ra tiếng mới, miễn là phải đặt làm sao cho nó hợp với cái kiêu-mẫu của công-chúng đã nhận.» (*Je te veux bien encourager de prendre la sage hardiesse d'inventer des vocables nouveaux, pourvu qu'ils soient moulez et façonnez sur un patron desjà receu du peuple*). Nghĩa là quốc-âm mình không đủ tiếng dùng, thì phải bắt chước cồ-văn mà đặt ra tiếng mới chữ mới, nhưng phải đặt thế nào cho dễ nghe, không nên dùng những chữ cầu-kỳ quá.

Nhưng ông trân-trọng nhất là những tiếng trong thổ-âm của nước Pháp. Ông thường viết thư dẫn học trò rằng : «Các con nên giữ-gìn tiếng quốc-âm như người mẹ đẻ, đừng để cho có kẻ muốn bắt con gái nhà nền-nếp phải làm phận tôi-đòi. Có nhiều những tiếng thật là tiếng Pháp gốc, tiếng Pháp tự-nhiên,

nó có cái khi-vị cổ, nhưng thật là tiếng Pháp tự-do... Ta để chúc-thư lại dặn các con chớ có để cho mất những tiếng cũ tiếng gốc đó, phải đem ra mà dùng, để đối lại với những kẻ hiếu-kỳ kia hề thấy chữ gì tiếng gì không phải là mượn ở La-tinh hay ở Ý-đại-lợi thời không cho là lịch-sự.» (*Enfants, défendez votre mère de ceux qui veulent faire servante une demoiselle de bonne maison. Il y a des vocables qui sont françois naturels, qui sentent le vieux, mais le libre et le françois... Je vous recommande par testament que vous ne laissiez point perdre ces vieux termes, que les employiez et défendiez hardiment contre des maraux qui ne tiennent pas élégant ce qui n'est point escorché du latin et de l'italien*).

Nhờ có những người nhiệt-thành giữ-gìn bênh-vực cho quốc-âm như thế, nên quốc-văn Pháp mới chóng độc-lập. Có mấy người thật là có công với quốc-văn, hết sức cố-dộng chấn-hưng cho tiếng nước nhà thành văn-chương. Ngày nay tên những người ấy không mấy ai nhớ đến nữa, sách của những người ấy cũng không còn lưu-truyền rộng nữa, vì những người ấy làm văn viết sách vào giữa lúc tiếng chưa thành văn, chắc là mỗi ngày một cũ đi, đời sau không ai đọc đến nữa. Nhưng mà nhà sử-học, nhà khảo-cổ ngày nay xét đến công-phu những người ấy, không thể không cảm-phục, không thể không suy-tôn là

những người đã có công phá kinh-cức, dọn đường lối cho người sau tiến lên, có những người ấy mở đường đi trước mới có người sau theo lối tiến lên, tuy công ấy là một cái công «bạc chủ» (*travail ingrat*), hậu-thế thường quên đi, không biết đến (*mal recongneu de la postérité*), mà sánh với công người sau, còn khó-nhọc và to-tát biết bao nhiêu! Ngoài RONSARD là thuộc vào thi-xã *Pléiade* vừa mới nói, nên nhớ tên HENRI PASQUIER, HENRI ESTIENNE và thứ nhất là AMYOT, là mấy người đã có công giúp vào việc tạo-thành ra văn-chương Pháp. HENRI PASQUIER thường trách những bọn học-thức đương-thời chỉ biết trọng chữ la-tinh, cho «tiếng nôm là hèn không đủ chịu đựng được những cái tư-tưởng cao-thượng, chỉ đủ cung cho việc nhật-dụng thường-đàm mà thôi, và trong bụng có hoài-bão cái gì tốt-đẹp, thì tất phải mượn đến chữ la-tinh mới nói được.» (*Vous croyez que notre langage est trop bas pour recevoir de nobles inventions, ainsi seulement destiné pour le commerce de nos affaires domestiques, mais que si nous couvons rien de beau dedans nos poitrines, il le faut exprimer en latin.*) Ông cũng biết rằng tiếng Pháp hồi bấy giờ mà đem sánh với tiếng La-mã, tiếng Hi-lạp, thì còn kém xa thật. Nhưng mà «đất tốt mà không cày cấy, không thành hoa quả được, tiếng nói không

tập-luyện, không trở nên hay được » (*Toute terre ors que grasse ne rapporte aucun fruit ; aussi ne fait une langue si elle n'est cultivée.*) — « Vậy thời phải nên học tiếng Hi-lạp tiếng La-mã để mà thu lấy cái tinh-t túy trong các sách PLATON, ARISTOTE, chứ không nên biện-nạn về từng câu từng chữ một ; ý ông không phải là muốn bài-trừ hẳn tiếng Hi-lạp tiếng La-mã đi đâu. Ông muốn rằng lúc nào cần dùng đến, cứ việc mà nhờ mà mượn hai thứ tiếng ấy ; nhưng mà nhờ mượn được cái gì phải đem mà truyền cho người mình hơn là truyền cho người ngoài. » (*Etudions le grec et le latin pour tirer la moëlle qui est es œuvres de Platon ou d'Aristote, et non pour discourir sur le dialecte d'un mot. Mon opinion ne fut onc d'exterminer de nous ni le grec ni le latin ; je veux que nous nous aidions de l'un et de l'autre, selon que les occasions nous admonesteront de ce faire ; mais je prétends que le profit qui en viendra soit communiqué aux nostres plustost qu'aux estrangers.*)

HENRI ESTIENNE lại nhiệt-thành với quốc-âm lắm nữa. Ông là một tay bác-học, thật là giỏi về tiếng Hi-lạp và tiếng La-mã. Ông có làm một cuốn sách bằng la-tinh nói về cái tinh-hoa của tiếng Hi-lạp (*Thesaurus linguæ græcæ*) ; vậy mà ông không từng say-đắm về hai thứ chữ ấy đến nỗi nhãng bỏ tiếng nước nhà. Đồng-thời

ông lại làm một bài đại-luận về « Cái giá-trị đặc-biệt của tiếng Pháp » (*Précellence du langage françois*), trong bài ấy ông quyết rằng tiếng Pháp không những không kém gì tiếng Ý-đại-lợi, tiếng Tây-ban-nha, mà sánh với tiếng La-tinh, tiếng Hi-lạp, cũng không kém mấy. Ông nói rằng: « Tiếng ta cần đến gì có nấy, lại những chữ không cần đến cũng có, và chữ cần đến thì có nhiều thứ có thể thay đổi được, như thế thời tiếng ta có thể cho là một thứ tiếng giàu được. » (*Notre langue peut estre estimée riche si elle a ce qui lui est nécessaire, et si elle a encore des choses desquelles elle se pourroit passer, et si des nécessaires elle en a rechange*). Ông bèn so-sánh nhiều tiếng Pháp với tiếng Hi-lạp thời thấy có tiếng Pháp rộng nghĩa hơn tiếng Hi-lạp thật.

Nhưng mà có công nhất là những nhà dịch-thuật. Phàm một thứ tiếng hãy còn non-nớt, cần phải đem ra đối-chiếu với một thứ tiếng lão-luyện hơn thời nó mới thành sắc-xảo mềm-mại ra. Lúc quốc-văn mới nhóm thành, việc dịch sách là việc có ích lắm, vì có đem tiếng mình chọi với tiếng người ta thì mới biết rằng mình thiếu những gì, mình có những gì, thiếu đâu bổ-cứu đấy, có gì phát-biểu ra, và tư-tưởng của mình, văn-từ của mình nhờ đó được phong-phú thêm lên. Người dịch sách nhiều

khi không cần phải đặt ra tiếng mới, mà chỉ phải luyện những tiếng cũ, làm cho nó thêm ý thêm nghĩa ra, khéo dùng khéo đặt cho nó có những cái vận-điệu mới lạ (*Les traducteurs n'apportent point de mots, mais ils enrichissent les leurs, appesantissent et enfoncent leur signification et leur usage, donnent à la langue des mouvements inaccoustumez, mais prudemment et ingénieusement. — MONTAIGNE.*) — Như tiếng Pháp đời bấy giờ thời còn khuyết-điểm những gì? MONTAIGNE nói rằng: « Tôi cho tiếng Pháp là cũng đủ dùng, nhưng mà không được mềm-mại mạnh-mẽ. Thường không đủ sức mang nổi một cái tư-tưởng mạnh. Nếu ta cưỡng cho hết sức thời thấy nó núng, nó lún ngay, và tất phải gọi tiếng la-tinh hay tiếng Hi-lạp đến cứu-cấp ». (*Je trouve notre langage suffisamment abondant, mais non pas maniant et vigoureux suffisamment. il succombe ordinairement à une puissante conception. Si vous allez tendu, vous sentez souvent qu'il languit sous vous et fleschit, et qu' à son deffaut le latin se présente au secours et le grec à d'autres. — MONTAIGNE.*) Đó chính là tình-cảnh tiếng An-Nam mình bây giờ đó. Tiếng An-Nam không phải là nghèo-nản gì, chỉ vì không năng tập nên còn cứng-cỏi sống-sượng, bây giờ phải làm thế nào cho mềm-mại mạnh-mẽ thêm lên. Việc đó là việc thứ nhất của các nhà dịch sách. Bây giờ ta cần phải dịch sách của người nhiều hơn là làm ra sách mới.

Về khoảng thế-kỷ thứ 15-16, những nhà dịch sách ở nước Pháp cũng nhiều mà trứ-danh nhất là AMYOT. Ông dịch ra tiếng Pháp bộ sách « Danh-nhân liệt-truyện » của nhà văn-sĩ Hi-lạp PLUTARQUE, dịch hay lắm, lời-lẽ chải-chuốt trơn-chu, dễ đọc dễ hiểu, người đương-thời lấy làm thích lắm, và tới ngày nay đọc cũng còn hay. HENRI ESTIENNE đã khen ông rằng : « Ông cứ tự-nhiên mà thu-hấp được hết những cái tinh-hoạ trong quốc-âm ta » (*Il avait sucé sans affectation tout ce qui estoit de beau et de doux en notre langue*). MONTAIGNE cũng khen mấy câu cực-tán rằng : « Bọn ta ngu dốt, nếu không có sách ấy cứu vớt ta ở trong đồng bùn lầy, thời ta nguy mất. Nhờ có sách ấy mà ngày nay ta mới biết nói biết viết ; các bà bây giờ lại hay chữ hơn các thầy đồ ; sách ấy là kinh nhật-tụng của ta. » (*Nous autres ignorans estions perdus, si ce livre ne nous eust relevé du borbier. Sa mercy (c'est-à-dire grâce à lui) nous osons à cett'heure et parler et escrire ; les dames en régentent les maîtres d'escole ; c'est notre bréviaire.*)

Nếu ta so-sánh cái trình-độ văn-học nước ta với nước Pháp thì có lẽ trình-độ ta chính là đối với trình-độ nước Pháp vào khoảng thế-kỷ thứ mười-lăm mười-sáu này. Hoặ sau này có ai làm bộ « Việt-Nam Văn-học-sử » thời đứng vào cái địa-vị AMYOT ở nước ta có thể cho là

ông Cử PHAN KẾ-BÌNH tưởng cũng được, và sách *Nam-hải dị-nhân* của ông dịch ở chữ nho cũng có thể sánh xa với sách « *Danh-nhân-liệt-truyện* » của AMYOT dịch ở Hi-lạp vậy. Nhưng mà văn-chương Pháp tự AMYOT đến giờ tiến-bộ đã bao nhiêu, mà văn-chương ta ngày nay mới vào trình-độ nước Pháp về đời AMYOT mà thôi ! Thành ra ta chậm kém nước Pháp hơn ba trăm năm về đường văn-học, biết bao giờ cho theo đuổi kịp người ? Lo thay ! Song có công mài sắt có ngày nên kim. Cứ xem văn quốc-ngữ trong khoảng mười năm nay đã tấn-tới lắm, nếu ta gia-công luyện-tập, thì mong rằng chẳng mấy nổi tiếng ta cũng có thể trở thành một nền văn-chương xứng-đáng, tuy chưa có thể sánh bằng văn-chương Pháp được, nhưng cũng đủ dùng trong một nước với nhau.

Tôi nói về côi-rễ văn-chương Pháp hơi tường-tận như thế, là có ý muốn so-sánh với tiếng ta văn ta, cái tình-trạng hai đảng cũng hơi giống nhau. Tiếng Pháp hồi bấy giờ mới thoát-li ở la-tinh ra, cũng như tiếng ta đương bây giờ mới thoát-li ở chữ nho ra. Các nhà làm văn Pháp bấy giờ khổ vì nổi thiếu chữ dùng, thường phải mượn chữ la-tinh mà hóa ra tiếng thổ-âm, cũng như các nhà làm văn ta bây giờ cũng khổ về nổi tiếng An-Nam còn khuyết-phạp, cần phải

mượn chữ nho mà đọc ra Nam-âm. Người Pháp bây giờ có người sinh dùng chữ la-tinh quá, lại có người phản-đối chỉ muốn dùng toàn tiếng thổ-âm Pháp mà thôi, cũng chẳng khác gì ở nước ta bây giờ có người ưa dùng chữ nho nhiều, lại có người phản-đối muốn hạn-chế chữ nho lại. Cứ xét những lời nghị-luận của các bậc văn-sĩ Pháp đời bây giờ mà tôi mới thuật vừa rồi, thì biết rằng phải nên khéo chiết-trung là hơn cả, không nên lạm-dụng chữ ngoài, cũng không nên bài-trừ hẳn chữ ngoài, phải nên tìm-kiếm thu-nhặt lấy hết cả những tiếng gốc của mình đã, hễ bao giờ tiếng mình không đủ, bây giờ hãy nên mượn của ngoài, hoặc đặt chữ mới, nhưng dù mượn dù đặt, phải nên cẩn-thận chọn khéo thế nào cho được những tiếng lịch-sự điển-nhã mà lại dễ hiểu dễ nghe.

Như thế thời khảo về cội-rễ văn-chương Pháp thật cũng có ích cho quốc-văn ta nhiều lắm. Bởi vậy nên tôi muốn nói tường-đề các ngài rõ về lúc văn-chương Pháp mới thành-lập cái tình-trạng cũng không khác gì văn-chương ta ngày nay.

Thế-kỷ thứ 16 là thế-kỷ tiếng Pháp thành văn-chương hẳn. Về vận-văn thời có mấy

người như VILLON, MAROT, DU BELLAY và RONSARD là những người trứ-danh hơn cả. Nhưng mà thi-ca của các ông toàn là lối đạo-tình tả-cảnh, nghĩa là những bài ngâm-vịnh chơi, chưa có nghĩa-lý sâu-xa gì. Duy có tản-văn về đời này thì tiến-bộ lắm. Trước kia những sách đưng-dẫn viết toàn bằng chữ la-tinh cả. Nay mới bắt đầu làm sách bằng chữ Pháp. CALVIN (1509 - 1564) là người trước nhất dùng chữ Pháp để nghị-luận về tôn-giáo triết-lý. Ông trước theo đạo Gia-tô-cựu-giáo, sau bỏ mà xướng ra đạo Cải-lương-tân-giáo ở nước Pháp ; cũng là một tay triết-học cứng. Ông có làm một bộ sách đề là « Chế-độ đạo Thiên-chúa » (*Institution chrétienne*), sách này diễn-giải phân-minh, nghị-luận phép-tắc, thật là một cái mẫu văn triết-lý về đời bấy giờ. — Một người nữa cũng có công to với tản-văn về đời ấy là RABELAIS (1483-1553). Ông cổ-học thâm-thúy lắm, văn-chương Hi-lạp La-mã, ông rất thông-tường. Vậy mà ông lại riêng thích về quốc-văn, ông làm ra hai bộ tiểu-thuyết khôi-hài tên là *Gargantua* và *Pantagruel*, trong đó ông dùng rất nhiều những tiếng thô-âm cùng là phương-ngôn tục-ngữ và những chữ khéo bắt-chước ở Hi-lạp La-mã ra, người đời sau coi sách ông là một cái kho chữ, mà lại là một cái túi khôn

nữa, vì lối văn ông tuy là lối khôi-hài, toàn-thị là bông-lơn bông-cột cả, mà ngụ trong có nhiều những tư-tưởng thâm-trầm, cùng những ý-kiến sâu-sắc về chính-trị, giáo-dục, văn-học, v.v. . .

Nhưng mà nhà làm sách có công nhất cho quốc-văn Pháp về thế-kỷ thứ 16, quyết là MONTAIGNE (1533-1592), không những trứ-danh về đương-thời, mà lại ảnh-hưởng về hậu-thế sâu-xa lắm. Ông làm một bộ sách đặt tên là «Cảo-luận» (*Essais*), là những bài luận-thuyết nho-nhỏ, chép theo lối văn «tùy-bút», trong chỉ thuần nói riêng về ông, mà thực là một bức tranh tả hết cả nhân-tình thế-thái, tả một cách khốc-hết, dẫu người đời nào nước nào xem cũng có thú-vị. Văn-chương trong sách ấy là một lối văn-chương rất tự-nhiên, chính ông đã giải lối văn ông như thế này : «Cái lối văn tôi ưa ấy là một lối văn giản-dị thật-thà, nói ngoài miệng thế nào thì viết trên giấy như thế, lời văn súc-tích mà lanh-lẹn, vắn-tắt mà chặt-chẽ, không phải là mỹ-miêu chải-chuốt, nhưng mạnh-bạo đường-đột.....» (*Le parler que j'aime, c'est un parler simple et naïf, tel sur le papier qu'à la bouche ; un parler succulent et nerveux, court et serré, non tant délicat et peigné que véhément et brusque.*) — Còn chủ-nghĩa của ông là cái chủ-nghĩa hoài-nghi, ông đã tóm lại một câu : «Que

sais-je ?», nghĩa là «Tôi có biết gì không?», ông không chắc là ông đã biết gì, nên ông không dám quả-quyết sự gì, không dám tự-phụ dạy ai, làm ra sách chỉ biết nói về mình thôi, nhưng mà nói một cách thâm-thiết sáng-suốt đến nỗi thành như một cái gương phản-chiếu cả tâm-tinh của loài người. Ông vì lẽ phải ở đời như «một cái lọ có hai quai, muốn xách quai bên tả hay xách quai bên hữu cũng được» (*la raison est un pot à deux anses qu'on peut saisir à gauche ou à droite*), và ông cho người ta là một giống «uyển-chuyển phiến-phức» (*un être ondoyant et divers*), như vậy thời ở đời biết thế nào là phải, và làm người ai có dám lên mặt dạy ai? Bởi thế nên trong sách ông, ông chỉ nói về ông, ông thường dặn người đọc sách rằng: «Sách này không phải là đạo của tôi truyền-bá cho người, sách này là một bài tôi khảo-cứu về tôi mà thôi» (*ce n'est pas ici ma doctrine, c'est mon estude*); khi nào ông bày một cái ý-kiến gì thời ông nói rằng: «Tôi bày cái ý-kiến này không phải là lấy làm tốt, muốn người ta theo, chỉ lấy làm ý-kiến riêng của tôi.» (*Je donne cet avis non comme bon, mais comme mien*). Trong sách ông đã nói rõ cái chủ-ý ông như sau này: «Đã mấy năm nay, tôi chỉ lấy tôi làm mục-dịch « cho sự tư-tưởng của tôi, tôi chỉ kiểm-sát, chỉ « nghiên-cứu một mình tôi, hoặc có nghiên-

« cứu sự khác, cũng là đề ứng-dụng về tôi,
« để sáp-nhập vào tôi. Người ta học được cái
« gì thường đem công-bố cho kẻ khác biết, và
« nhiều khi cũng có sự không lấy gì làm ích-lợi
« lắm; nay tôi cũng muốn nghiên-cứu được
« sự gì về tôi đem ra nói chuyện với người
« ngoài, tưởng cũng không phải là không nên,
« duy về phần riêng tôi thì tôi chưa lấy sự
« tấn-tới của tôi làm mãn-nguyện cho lắm.
« Không có sự học gì khó bằng học cái bản-
« thân mình, và cũng không có sự học gì có
« ích-lợi hơn. Vì đã nói đến mình thì phải
« sửa mình luôn, như người có trang-sức rồi
« mới đi ra ngoài. Tôi sửa mình tôi luôn, vì
« tôi nói đến tôi luôn. . . Tôi thường tả những
« tư-tưởng tình-ý riêng của tôi, thật là một
« cái vấn-đề hôn-độn, không thể làm thành
« sách hay được. (*Je peins principalement mes*
« *cogitations, subject informe qui ne peut tomber*
« *en production ouvrajère*). . . Tôi giải bày tấm
« lòng tôi cho thiên-hạ biết, khác nào như một
« bức tranh vẽ thân-thể người, nhìn một lượt
« thì biết đâu là mạch máu, đâu là bắp thịt,
« đâu là đường gân, phần nào ở vào chỗ nấy;
« lại khi ho lên thì nó kích-động thế nào,
« khi sợ-hãi, khi thồn-thức, thì nó biến-sắc
« làm sao. Nói tóm lại sách này không phải
« là tôi kể về công-việc sự-nghiệp của tôi, tôi

« chỉ nói về tôi, về cái bản-tâm bản-tính của
« tôi mà thôi. »

Các ngài nghe có phải lời-lẽ thật-thà và
thiết-thực biết bao nhiêu. Thật không có gì
là văn-chương như lối văn-chương của người
mình. Ví nhà làm sách nào cũng có cái chí
khảo-cứu về mình một cách thành-thực như
thế, đừng đem những giọng ba-lan mà huyễn-
diệu người đời, thì tôi tưởng lòng người
không còn chút gì là u-ẩn nữa, và khoa tâm-
lý-học về người ta tiến-bộ biết bao nhiêu!
Các ngài lại thử nghe ông tả về hình-thể và
tâm-tính ông :

« Khổ người tôi thấp kém trung-bình một
« ti... Dáng tôi nặng-nề to mạnh, mặt không
« phì-mập, nhưng đầy-đặn ; tinh-khí thì không
« vui-vẻ cũng không buồn-rầu, không hăng-
« hái nóng-nảy lắm. Sức tôi mạnh, mỗi tuổi
« một khỏe, không hay có bệnh-tật ; nay tôi
« đã ngoài tứ-tuần, chưa lấy gì làm già. . .
« Nhưng mà từ nay về sau thì không biết thế
« nào ; từ nay về sau có lẽ tôi chỉ là một
« *nửa tôi* » mà thôi, tôi không phải là tôi nữa,
« vì mỗi ngày tôi một khác đi, mỗi ngày tôi
« một suy đi. . . Tài khéo, tôi không có một
« chút gì. . . Đàn hát, tôi dốt quá, học đánh
« đàn không biết đánh, học hát không có
« giọng. Nghề nhảy, nghề múa, phép thể-thao,

« tôi cũng là biết hơi-hơi mà thôi ; còn như
 « mùa gươm, lội nước, v, v. thì tuyệt không
 « biết. Tay tôi thì cứng-cỏi vụng-về, viết xấu,
 « có khi viết rồi mà đọc lại cũng không được...
 « Tôi viết cái thư cho ai, nhiều khi đến chỗ
 « kết không biết viết thế nào... Nói tóm lại
 « thì hình-thể tôi với tư-chất tôi cũng là tầm-
 « thường cả. Không có gì là linh-lợi ; chỉ được
 « cái vững-vàng chắc-chắn. Tôi có cái tính
 « chịu khó, nhưng cái gì tự mình có thích, có
 « muốn thì mới chịu khó được... Nếu không
 « có hứng, không được tùy-ý tự-do, thì
 « chẳng làm nên công-chuyện gì cả ; vì cái
 « tính tôi thế, trừ sự sống với sức khỏe, ở đời
 « không có cái gì là tôi muốn để lụy đến tôi,
 « không có cái gì là tôi phải chịu uốn mình
 « nhọc trí để cầu cho được... Tính tôi chỉ ưa
 « nhất là nhân-tản tự-do. Bắt tôi bận-bịu đến
 « cái gì thì như giết tôi không bằng (*Je*
 « *presteray aussi volontiers mon sang que mon soing,*
 « câu này không thể dịch cho đúng được),
 « vân vân.....»

Đó là thuộc về tính-chất, về thân-thể ; kể
 đến tư-cách thuộc về tinh-thần thì ông nói
 rằng : « Sách của tôi làm ra, tôi thật không lấy
 « làm bằng lòng ; mỗi lần tôi sửa lại, lại chỉ
 « thêm phiền lòng ; ... cái ý-tưởng ở trong óc
 « tôi bao giờ cũng tốt-đẹp hơn là khi đem phô-

« diên nó ra ngoài, mà không thể nào nắm
 « lấy nó, bắt lấy nó được. Lời-lẽ văn-chương
 « của tôi thô-bỉ lắm; không có tí gì là bóng-
 « bẩy, là đẹp-dẽ cả. Tôi nói cái gì thì cứ nói
 « chân-chân ra như thế, không biết. thêm-
 « thắt vào cho nó hoa-mĩ ra: cái *chất* thế nào
 « cứ thế, không có nhờ *văn* tôi mà tốt đẹp
 « thêm ra. Bởi thế nên tôi cần phải có cái
 « *chất* mạnh-mẽ để cho tự nó nổi giá-trị,
 « không phải nhờ đến *văn*...; nói rút
 « lại thời *văn* tôi không phải là lối *văn*
 « tron-chu trôi-chảy; *văn* tôi nó lỏng-chồng,
 « nó tự-do, nó phóng-túng. Mà tôi lại thích
 « như thế, không phải rằng tôi lấy thế làm
 « hay, nhưng vì tính tôi như thế, v. v...»

Ấy đại-khái sách MONTAIGNE đều một cái giọng tự-nhiên mà thiết-thực như thế. Trong sách ông bàn không thiếu chuyện gì, mà ông chỉ lấy ông làm đích. Đọc sách « Cảo-luận » của ông tựa-hồ như ngồi nghe chuyện một người khôn-ngoan di-dỏm, lời nói bình-dị tự-nhiên, không có khoa-trương kiêu-sức gì. Câu chuyện bao giờ cũng vui, cũng thú. Tôi dám khuyên các ngài thỉnh-thoảng nên ngồi mà nghe chuyện ông tây-nho đã ba bốn trăm năm đó, thật có bổ-ích cho đạo sửa mình, và nếu khéo biết nghe chuyện thì cũng có thể khôn người ra được.

Tôi nói tường về MONTAIGNE, vì ông là vào hạng mấy nhà văn-sĩ đầu nhất của nước Pháp, hồi văn-chương Pháp mới thành-lập, và sách ông tuy đã cũ, nhưng có một cái giá-trị riêng, dầu bao giờ đọc cũng vẫn hay.

Nói tóm lại thì trước thế-kỷ thứ 15 là buổi văn-chương Pháp còn mới phôi-thai, tự thế-kỷ thứ 15 đến cuối thế-kỷ thứ 16 là buổi đương lớn lên, tức là tuổi thanh-niên của văn-học nước Pháp. Bấy giờ có cái khí-vị hoạt-bát, khinh-khiêu, tự-do, phóng-khoáng, và sản ra những tay văn-sĩ như RABELAIS, như MONTAIGNE.

Qua sang thế-kỷ thứ 17 thời là vào tuổi trưởng-thành, như người ta càng lớn lên thời người càng chín-chắn, bớt cái tính khinh-khiêu thuở nhỏ, mà ra cái thái-độ nghiêm-trang của người trưởng-giả. Văn-học Pháp đến thế-kỷ thứ 17 là vào tuần đứng bóng, nghĩa là đương lúc toàn-thịnh.

Thế-kỷ thứ 17, trong văn-học-sử Pháp thường gọi là « thế-kỷ vua Louis thập-tứ » (*Siècle de Louis XIV*), vì cái thời-kỳ văn-học nghệ-thuật toàn-thịnh trong đời ấy là vào khoảng vua Louis thập-tứ trị-vị trong nước, hết sức chấn-hưng các văn-nghệ, nghĩa là chỉ một

khoảng vài mươi năm từ năm 1660 đến năm 1680. Trong lịch-sử thế-giới không có một quãng đời nào ngắn như thế mà xuất-hiện được nhiều những bậc thiên-tài về văn-chương như vậy. Mấy chục năm về trước tựa-hồ như là dọn đường sẵn cho các bậc ấy ra, và mấy chục năm về sau tựa-hồ như còn phảng-phất cái hương thừa để lại.

Nhà phê-bình văn-học có tiếng, ông SAINTE-BEUVE, đã hình-dung cái thế-kỷ vua LOUIS thứ 14 như sau này : « *Représentons-nous un large fleuve au cours lent et presque insensible, un pont sur ce fleuve, et sur les parapets de ce pont quelques admirables statues. Ce sont celles de Pascal, de Bossuet, de Molière, de Fontaine, de Racine, de Boileau ; ce pont, c'est le siècle de Louis XIV ; et sous ce pont ce fleuve qui va lentement, mais sûrement, de sa source à son embouchure, c'est l'esprit du 16e siècle qui deviendra celui du 18e, plus riche seulement dans sa composition d'un peu de tous les terrains qu'il aura successivement baignés.* » Nghĩa là : « Ta thử tưởng-tượng một con sông rộng, nước chảy thong-thả từ-từ, trên con sông ấy có một cái cầu, hai bên bao-lơn cầu ấy có mấy pho tượng tuyệt đẹp, là tượng PASCAL, BOSSUET, MOLIERE, LA FONTAINE, RACINE, BOILEAU. Cái cầu ấy là thời-dại vua LOUIS thứ 14, dưới cầu ấy, con sông chảy thong-thả từ-từ đó là cái tinh-thần của thế-kỷ

thứ 16, sau này sẽ truyền cho thế-kỷ thứ 18, và mỗi ngày cái chất nước như một giầu thêm ra, vì đã cuốn được thêm những đất phù-sa của các nơi kinh-quá. »

Mấy pho tượng tuyệt đẹp đó, chắc các ngài đã biết tiếng cả rồi, và nhiều ngài chắc đã được trông được ngắm kỹ. Ai đã học chữ Pháp mà lại không từng đọc qua văn PASCAL, BOSSUET, MOLIÈRE, LA FONTAINE, RACINE, BOILEAU ? Chỉ tiếc rằng trong một bài diễn-thuyết không thể nói tường về mỗi người cho rõ được cái giá-trị văn-chương của mỗi người thế nào. Lại bàn về văn-chương của các ông mà không trích-dịch của mỗi ông mấy đoạn văn, hay bình đọc lên để cùng thưởng-thức, thời cũng là vô-vị thật. Song bài diễn-thuyết này đã dài rồi, nếu làm như thế thời cả đêm cũng không hết được. Vả lại chủ-ý tôi trong bài này là chỉ muốn lược-thuật cái lịch-sử văn-chương của Đại-Pháp, không định bình-luận về văn-chương của mỗi nhà. Để một lần sau rộng thì-giờ hơn, sẽ đem những văn-chương hay của các nhà mà phẩm-bình, làm như một cuộc bình văn, bấy giờ mới có thể nói tường được. Nay chỉ xin lược kể tên các nhà danh-văn Đại-Pháp và nói qua tính-cách riêng của mỗi nhà cùng cái khuynh-hướng riêng của mỗi thời-

đại thế nào. Đọc cái sổ những tên người như thế, chắc người nghe không khỏi lấy làm chán, song cũng xin lượng cho, vì thời-giờ bó-buộc mà văn-chương Pháp thời phong-phú quá, không thể trong một vài giờ đồng-hồ lược-thuật cho hết được.

Đầu thế-kỷ thứ 17, trước thời-đại vua Louis thứ 14, đã xuất-hiện ra hai bậc văn-sĩ đại-tài là DESCARTES và CORNEILLE. Gọi DESCARTES là một nhà văn-sĩ thì khi hẹp mất cái giá-trị của ông đi. Vì ông chính là một nhà triết-học, mà là tổ triết-học nước Pháp đời nay. Song đây là bàn về văn-học thời ta chỉ xét văn-chương của ông mà thôi, văn-chương của ông là văn-chương triết-lý, lời văn rắn-rỏi, nghị-luận chặt-chẽ, phô-tự rõ-ràng, kỹ-thuật rành-rẽ. Văn xuôi Pháp đến ông đã là tuyệt-bút. Ông làm sách « Phương-pháp-luận, » (*Discours de la Méthode*). Sách này là dạy người ta cái phương-pháp nên chủ-chương sự tư-tưởng thế nào cho khỏi sai-lầm và được hợp lẽ. Sách này không những là một áng văn-chương hay, lại là một bộ sách gốc về triết-học.

CORNEILLE thời là tổ nghề diễn-kịch ở nước Pháp. Ông chuyên-trị về lối bi-kịch (*tragédie*), bài tuồng *Le Cid* của ông xuất-bản năm 1632 thật là biến-cách hẳn nghề kịch từ xưa đến

bấy giờ. Đại-ý các bài tuồng của ông là tả những cái thủ-đoạn anh-hùng của các bậc siêu-quần bạt-tụy, và thường là tả cái tình-dục phản-đối với sự nghĩa-vụ mà sau nghĩa-vụ thắng-đoạt được. Các bài tuồng của ông có thể cho là những bài dạy đạo-đức rất cao-thượng.

RACINE ra sau CORNEILLE, cũng sở-trường về lối bi-kịch. Có người ưa RACINE hơn CORNEILLE, vì văn-chương ông không hùng-hồn bằng văn ông CORNEILLE, nhưng dịu-dàng êm-ái hơn, và ông tả khéo về nhân-tình thế-thái một cách rất sâu-sắc. Những bài tả về ái-tình, lấy ái-tình là một cái dục-tình rất mãnh-liệt, không gì ngăn cấm được, như bài *Phèdre*, các nhà phê-bình cho là văn-chương tuyệt-bút. RACINE không có dạy đạo-đức cho người ta, nhưng ông thuộc cái tâm-lý người đời không ai bằng. Đọc những bài bi-kịch của ông cũng có thể khôn người ra được.

Các bài kịch của CORNEILLE, RACINE, là lấy những tích trong truyện cổ Hi-lạp La-mã, mà kết-cấu thành kịch-bản, cách kết-cấu khéo mà lời văn-chương hay, nhưng biệt ra một lối riêng, tây gọi là bi-kịch mà ta có thể gọi là « tuồng » được. Đến lối hí-kịch (*comédie*), tức là lối « chèo » thì MOLIÈRE là tuyệt-luân. Lối « chèo » của MOLIÈRE là chủ-ý phô-bày để giễu-

cột những thói dởm tinh khờ của người đời, xem diễn ra buồn cười lắm, mà ý-vị thật là chua-cay vô-cùng. Cổ kim Đông Tây tưởng không có một nhà nào soạn hí-kịch thần-tinh như thế.

LA FONTAINE thì trứ-danh về tập thơ « Ngụ-ngôn » (*Fables*). Tuy gọi là chuyện ngụ-ngôn, thể văn tầm-thường, tựa-hồ như thô-thiển, mà thật là có ý-nghĩa thâm-trầm lắm, mượn súc-vật để dạy người đời, người đời thật không khác gì súc-vật, có khi không bằng súc-vật cũng nên. Có người đã nói tập « Ngụ-ngôn » của LA FONTAINE khác nào như một tập tranh nho-nhỏ con-con, xinh-xinh xắn-xắn, mà nhận kỹ có nét bút tinh-thần, vẽ được hết cả nhân-tình thế-thái.

Nhưng văn-chương Pháp về thế-kỷ thứ mười-bảy đặc-lực nhất là được có hai bậc đại-tài, tư-tưởng cao-kỳ, văn-chương hùng-tráng. Hai bậc ấy là PASCAL và BOSSUET. Mà lạ thay, hai bậc ấy không phải là những tay văn-sĩ nhà nghề. Ông BOSSUET là một vị linh-mục, vì chức-phận phải đọc văn-tế những bậc danh-công cự-khanh đời bấy giờ, lại vì chức-phận phải giảng-thuyết về nghĩa đạo cho các giáo-đồ nghe; những bài văn-tế, bài giảng-đạo ấy, không chủ-ý làm văn-chương, mà văn-chương tuyệt-bút, nên được những giọng

hùng-hồn, thật không đời nào nước nào có một tay hùng-biến sánh tầy. Người đương-thời đã cực-tán ông gọi là « phượng-hoàng thành *Meaux* » (*l'aigle de Meaux*). — Đến PASCAL mới lại kỳ nữa : tập sách hay nhất của ông là một mớ giấy lộn, những lúc ông bần-khoăn buồn-bực về nông-nôi ở đời, về thân-phận làm người, về cái vận-mệnh con người ta chìm-dắm trong khoảng vũ-trụ mênh-mông, khi đêm khuya thanh-vắng, cực chẳng đã, ông phải cầm bút viết để thổ-lộ cái tư-tưởng ra, định để xem lại về sau, không có chi đem văn-chương ra vấn-thế, vậy mà đời sau tìm được những mảnh giấy ấy, chấp nhặt lại thành một áng văn-chương tuyệt-tác, lời-lời thâm-thiết, văng-vẳng xa-xa, như tiếng hạc kêu trên mấy tầng trời lúc đêm khuya gió lạnh. Bây giờ mớ giấy lộn ấy còn giữ ở nhà « Đại-Pháp Đồ-thư quán, » trân-trọng như một vật quốc-bảo.

BOILEAU cũng là một người có công to với văn-học Pháp về thế-kỷ thứ 17. Ông chuyên-trị về lối phê-bình văn-học, lời khen chê thật là đích-đáng, đủ làm thẳng-mặc cho văn-giới đời bấy giờ. Nhờ ông mà văn-chương đời ấy được đứng mực như thế.

Cuối thế-kỷ thứ 17, còn nhiều những tay văn-sĩ có tài nữa, như bọn FÉNELON, LA BRUYÈ-

RE, SAINT-SIMON, nhưng cái khi-vận đời vua LOUIS XIV đã đến ngày suy và phong-hội sắp mở ra một thời-đại mới.

Nay tổng-luận cả thế-kỷ thứ 17, thì văn-chương nước Pháp về thế-kỷ này là đến tuyệt-đích, đời sau dẫu có mỗi ngày một mở rộng ra mà không bao giờ lên cao được hơn thế nữa. Tiếng Pháp đời bấy giờ thật là hoàn-toàn tốt đẹp, sánh với thế-kỷ trước cách xa hẳn. Thành ra trong khoảng không đầy một trăm năm mà một thứ tiếng hãy còn non-nớt ngượng-ngập trở thành nên một nền văn-chương lão-luyện. Đời ấy văn-chương không phải chỉ ở riêng trong sách các nhà làm văn; từ công-văn của nhà nước cho đến thư-trát của người riêng, cũng đều có văn-chương cả. Đời sau đã có người nói khôi-hài một câu rằng: « *À cette époque la moindre femmelette en eût remontré à nos académiciens.* » (COURIER), Nghĩa là: « Đời ấy người đàn bà tầm-thường cũng biết văn-chương hơn các ông Hàn-lâm ta. » Hồi bấy giờ có một vị phu-nhân, là bà hầu-tước DE SÉVIGNÉ, ở xa con gái yêu, thường thường viết thư cho con, những thư ấy đời sau sưu-tập lại, cũng thành một nền văn-chương có giá-trị.

Qua thế-kỷ thứ 17, đến thế-kỷ thứ 18, rõ ra một cái quang-cảnh khác. Trong câu của SAINTE-BEUVE ví cái nguồn văn-học Pháp như một con sông mà đời vua LOUIS thứ 14 là cái cầu bắc qua sông, có nói rằng con sông ấy phát-nguyên từ thế-kỷ thứ 16 mà chảy thông ra thế-kỷ thứ 18. Thế-kỷ thứ 16 là đời văn-học mới phát-nguyên, còn được hoàn-toàn tự-do, chưa phải theo vào khuôn-phép qui-củ gì cả, như con sông mới ở nguồn chảy ra, chảy lông-bông không có gì ngăn cản; đến giữa thế-kỷ thứ 17, thời văn-chương bấy giờ mới định-thể, có mấy tay văn-hào thi-hào xuất-hiện ra làm mô-phạm cho một thời, và hình như bắt văn-chương phải theo một cái kiểu-mẫu nhất-định, kiểu-mẫu trang-nghiêm tráng-lệ thật, nhưng vẫn là kiểu-mẫu bắt buộc phải theo, cũng tức như cái cầu kia bắc qua trên dòng sông, cầu tuy đẹp thật mà không khỏi che ám mất một khúc sông; ra khỏi gầm cầu thời dòng sông lại thung-dung lấp-loáng như trước. Cho nên nói rằng cái tinh-thần thế-kỷ thứ 18 chính là cái tinh-thần thế-kỷ thứ 16 trước truyền qua thế-kỷ thứ 17 sang, nghĩa là cái tinh-thần tự-do không chịu theo qui-chế.

Muốn tổng-quát cả văn-học về thế-kỷ thứ 18 thời có thể nói rằng thế-kỷ này có bốn năm bậc đại-văn-hào và bốn năm cái - lý

tưởng lớn. Mấy bậc đại-văn-hào là MONTES-QUIEU, VOLTAIRE, DIDEROT, ROUSSEAU, BUFFON. Mấy cái lý-tưởng lớn là lý-tưởng về tự-do, về công-lý, về tiến-bộ, về xã-hội, về khoa-học, toàn là những lý-tưởng mới-mẻ cả, và có ý phản-đối với các lý-tưởng về quân-chủ, về đế-chế của đời trước. Mấy bậc văn-sĩ đó đem cái văn-chương hùng-hào để diễn những tư-tưởng mới-mẻ đó, ấy cả lịch-sử văn-học nước Pháp về thế-kỷ thứ 18 là thế. Văn-chương đời này không được trang-nghiêm điển-lệ như đời trước, mà tư-tưởng thì rời-rào phong-phú hơn nhiều. Những tư-tưởng ấy truyền-bá ra một cách rất là mãnh-liệt, làm diên-đảo cả xã-hội cũ và kết-quả đến gây ra cuộc Đại-Cách-mệnh năm 1789, phá đổ chính-thể chuyên-chế của nhà vua và dựng-dặt ra chính-thể cộng-hòa của dân-quốc. Mấy nhà văn-hào đó ảnh-hưởng ở nước Pháp đã to-tát như thế, mà ảnh-hưởng ra ngoài, ra các nước khác trong thế-giới lại xa rộng hơn nữa. Không nói xa-xôi đâu, nói ngay nước Tàu là nước láng-giềng ta đây: những bọn tân-dảng đi du-học Âu-châu hấp-thụ được những cái tư-tưởng tự-do dân-chủ của các bậc ấy, về nước dịch-thuật những sách-vở của các bậc ấy ra chữ nho, dần dần gây lên trong nước một cái phong-trào cách-

mệnh, sau đến phá-đồ được nhà Mãn-Thanh mà đặt ra Trung-hoa-Dân-quốc bây giờ. Coi đó thì biết tư-tưởng của người ta hễ mà quảng-đại quang-minh thì có cái sức bành-trướng mạnh không biết đến đâu là cùng. Các sách của người Tàu dịch truyền sang cả nước Nam ; ta thường nghe thấy nhiều ông nho cũ và mấy nhà văn-sĩ mới, khi làm văn khi nói chuyện, thường chứng-dẫn những sách « Vạn-pháp tinh-lý » của ông Mạnh-đức-tư-cưu, sách « Dân-ước » của ông Lư-thoa, cùng nhiều những câu văn câu sách của ông Phúc-lộc-đặc-nhĩ. Sách « Vạn-pháp-tinh-lý » chính là *L'Esprit des Lois*, Mạnh-đức-tư-cưu chính là MONTESQUIEU; sách « Dân-ước » là *Le Contrat Social*, mà Lư-thoa là ROUSSEAU ; còn Phúc-lộc-đặc-nhĩ thì chính là VOLTAIRE đó ! (1) Kỳ thay ! Người An-Nam ta học văn-chương Pháp ngay từ nguồn mà những danh-văn của quí-quốc phải qua chữ « nước người » mới sang tới ta, thay hình đổi dạng đi, đến tên người nghe cũng khó nhận ; kể cũng lạ thật !

Trong mấy nhà văn-sĩ đó thời trứ-danh nhất, mãnh-liệt nhất là hai ông VOLTAIRE và

(1) Mạnh-đức-tư-cưu, tiếng quan-hoại đọc là Mong-te-tseu-kiou ; — Lư-thoa = Lou-tso ; — Phúc-lộc-đặc-nhĩ = Fou-lou-te-eul.

ROUSSEAU. VOLTAIRE làm sách-vở rất nhiều, lối gì ông cũng hay cả, thơ, kịch, tiểu-thuyết, triết-ly, lịch-sử, cho đến những thư-trát của ông viết cho bạn-bè mới lại càng hay nữa. Ông giao-du với những bậc công-hầu vua chúa đời bấy giờ thật nhiều. Ông có chơi thân với vua FRÉDÉRIC nước Phổ, vua cảm-phục ông lắm, thường có câu cực khen ông rằng: « *Je doute s'il y a un Voltaire dans le monde : j'ai fait un système pour nier son existence. Non, assurément, ce n'est pas un seul homme qui fait ce travail prodigieux qu'on attribue à M. de Voltaire. Il y a à Cirey une académie composée de l'élite de l'univers. Il y a des philosophes qui traduisent Newton, il y a des poètes héroïques, il y a des Corneille, il y a des Catulle, il y a des Thucydide, et l'ouvrage de cette Académie se publie sous le nom de Voltaire, comme l'action de toute une armée s'attribue au chef qui la commande.* » Nghĩa là : « Tôi ngờ rằng trên thế-giới này không biết có ai là ông VOLTAIRE không : tôi đã lập hẳn ra một cái thuyết để chứng rằng thật không có. Không, chắc là không có được, không có lẽ một mình ông VOLTAIRE mà làm nổi được cái công-trình trước-tác vĩ-đại như thế. Chắc là ở Cirey (là nơi biệt-thự của VOLTAIRE) có một tòa hàn-lâm họp những tay tài giỏi trong thiên-hạ. Ở đấy có những tay triết-học dịch

sách NEWTON, có những tay thi-hào làm ra những bài anh-hùng-ca, có những tay diễn-kịch như CORNEILLE, những tay làm thơ như CATULLE, những tay chép sử như THUCYDIDE, rồi sách-vở của tòa Hàn-lâm ấy khi xuất-bản thời để vào tên ông VOLTAIRE, cũng như một đoàn quân đánh được trận là qui-công cho ông nguyên-súy.» — Nghĩa là hết sức khen cái tài học-vấn yếm-bác, văn-chương cao-hùng của tiên-sinh.

Cứ thực thời VOLTAIRE cũng không có tư-tưởng gì riêng, chẳng qua là gồm hết cả những tư-tưởng của người đương-thời mà diễn-xuất ra văn-chương. Cho nên có người đã nói rằng thế-kỷ thứ 17 gọi là đời vua LOUIS thứ XIV, thời thế-kỷ thứ 18 cũng có thể gọi được là « Thế-kỷ ông VOLTAIRE » (*Siècle de Voltaire*).

Đến ROUSSEAU thời cũng là diễn những lý-tưởng tự-do, dân-chủ, mà diễn một cách mãnh-liệt vô-cùng, nên cái ảnh-hưởng của ông lại sâu-xa lắm nữa. Cổ kim tưởng không có nhà làm sách nào xúc-động cảm-kích người ta một cách hùng-hào như ROUSSEAU; văn ông thật là cuốn-cuộn mênh-mông như trường-giang đại-hải, ai đọc cũng không thể cầm lòng cảm-động được. Chủ-nghĩa của ông là người ta tinh vốn lạnh,

chỉ vì xã-hội làm hư đi thôi ; muốn cho người hay thì phải sửa lại xã-hội, sửa lại xã-hội thì phải bắt đầu sửa chính-trị trước. Cái tư-tưởng ấy, một nhà văn-sĩ đời bấy giờ là CHAMFORT đã tóm lại một cách rất rõ-ràng như thế này : « *Les fléaux physiques et les calamités de la nature ont rendu la société nécessaire, la société a ajouté aux malheurs de la nature. Les inconvénients de la société ont amené la nécessité du gouvernement et le gouvernement ajouta aux malheurs de la société. Voilà l'histoire de la nature humaine.* »

Nghĩa là : « Người ta vì cực-khổ những nỗi thiên-tai tật-bệnh, nên phải lập thành xã-hội. Xã-hội lập ra lại làm thêm cái khổ thiên-nhiên lên. Bởi xã-hội bất-tiện như thế, nên cần phải đặt ra chính-trị, chính-trị đặt ra lại làm thêm cái khổ của xã-hội. Ấy lịch-sử loài người là thế. » — Như thế thì chỉ có một cách, là phá-hoại cả mà cải-tạo lại. Cho nên cái chủ-nghĩa của ROUSSEAU mà diễn đến cực-đoan thời chỉ gồm lại hai chữ « phá-hoại » mà thôi. Nhưng phá-hoại đã vậy, cải-tạo làm sao ? khó thay !

Tổng-luận về thế-kỷ thứ 18, thời thế-kỷ này là đời thịnh-hành những tư-tưởng về chính-trị, về xã-hội, mà văn-chương chẳng qua là để diễn những tư-tưởng đó mà thôi ; nhưng mà những tư-tưởng đó mãnh-liệt, nên văn-chương

cũng hùng-hồn. Lối văn này là lối văn hoạt-động, chứ không phải là văn-chương thường nữa.

* * *

Đến thế-kỷ thứ 19, là về cận-đại rồi.

Trong khoảng 20 năm đầu, từ 1800 đến 1820, văn-chương hình như có ý suy. Là bởi những lẽ-lối cổ-diễn của văn-chương thế-kỷ thứ 17 đã thất-truyền rồi, và những tư-tưởng hùng-hào của văn-chương thế-kỷ thứ 18 thì phai nhạt hết, mà bấy giờ chưa có cái phong-trào nào kể lên thay, nên các nhà làm văn không biết lấy gì làm phương-châm, làm phép-tắc. Tuy vậy cũng xuất-hiện được hai tay văn-sĩ có tài, là ông CHATEAUBRIAND và bà DE STAEL.

CHATEAUBRIAND dựng ra một lối văn-chương tả cảnh tả tình hay lắm. Đại-đề các nhà văn trước hay bàn-bạc về nhân-tâm thế-sự và ít mô-tả đến những cảnh-vật thiên-nhiên của trời đất cùng cái cảm-tình của người ta đối với những cảnh-vật ấy thế nào. Bắt đầu từ ROUSSEAU đã manh-nha ra lối văn-chương đạo-tình tả-cảnh, nhưng đến CHATEAUBRIAND mới thật là thịnh-hành. Cảnh ông tả là những cảnh nên thơ của tạo-vật, tình ông tả là những tình sâu-muộn của lòng người, nên

văn-chương của ông có cái vẻ diễm-lệ, mà lại có cái ý thiết-tha, đọc véo-von réo-rất lắm.

Bà DE STAEL thời giữ cái địa-vị như một người môi-giới đứng thâu-thái những văn-chương ngoại-quốc, như văn-chương nước Đức, văn-chương nước Ý, để sáp-nhập vào văn-chương Pháp. Trước kia thời các nhà làm văn Pháp chỉ biết những cổ-văn của Hi-lạp La-mã mà thôi, nhờ bà mà các văn-chương ngoài truyền-bá vào trong nước, thêm tài-liệu, thêm kiểu-mẫu cho nhà làm văn.

Đến thời-kỳ thứ nhì, từ năm 1820 đến năm 1848, thời văn-chương đã thấy hưng-thịnh lắm, chẳng kém gì các đời trước. Trong khoảng này thấy xuất-hiện được bốn bậc thi-nhân có tài: LAMARTINE, MUSSET, VIGNY và HUGO, mà trứ-danh nhất là VICTOR HUGO.

Thơ LAMARTINE thời phảng-phất, êm-dềm, mát-mẻ, thanh-thú, vần điệu êm như ru, vui như hát; không khác gì tiếng đàn, thật là có cái vẻ « trong như tiếng hạc bay qua ». Thơ ông toàn là lối thơ đạo-tình, nhã-thú lắm.

Thơ MUSSET thì cũng là thơ đạo-tình mà có vẻ dĩnh-ngộ hơn. Ông thường ngâm-vịnh về cái phong-thú tuổi thiếu-niên, cái lạc-thú của ái-tình.

Thơ VIGNY lại ra một lối khác, là lối thơ triết-lý, trầm-trọng sâu-xa, người thường đọc khó hiểu.

Nhưng mà trong bọn đó, tay cự-phách quyết là VICTOR HUGO. Có lẽ không đời nào nước nào có một người làm thơ nhiều như ông; thật là một bậc thiên-tài. Ông bắt đầu làm thơ từ 13, 14 tuổi cho mãi đến ngoài 80 mới thôi. Trong khoảng đó những hùng-thiên kiệt-tác cũng nhiều, nhưng cũng nhiều bài kém. Song ai cũng công-nhận ông là một bậc thi-hào hùng-kiệt nhất cổ kim. Thơ ông đủ lối, lối gì cũng hay. Ông đã tự nói rằng: «Tôi đặt tấm lòng tôi ở giữa khoảng trời-đất, để cho cái gì thoảng qua cũng hưởng-động mà thành tiếng.» (*Mon âme mise au centre de tout comme un écho sonore*). SAINTE-BEUVE đã ví ông như một cái « thanh-la » (*une cymbale retentissante*), hề khua lên thì vang động cả một thuở. Thơ ông thật là nhiều chữ, đọc lên như những vàng ngọc loảng-soảng cả.

Nhưng VICTOR HUGO trứ-danh nhất là vì đứng lĩnh-tụ một cái văn-phái mới gọi là phái «lãng-mạn» (*l'école romantique*). Vì tự thế-kỷ thứ 19 này, văn-học-giới nước Pháp bắt đầu lập ra môn-hộ, chia ra đảng-phái, tranh-danh nhau. Chủ-nghĩa của phái lãng-mạn là muốn phá đổ cả các khuôn-phép qui-cử về văn-chương đời trước, mà đặt ra một lối văn-chương tân-kỳ,

Như đời trước chỉ biết trọng các kiểu-mẫu của Hi-lạp La-mã, đời nay không bắt-chước những kiểu ấy nữa, mà tự ý đặt ra kiểu mới; như đời trước cứ lấy sự nghiêm-trang đứng-dẫn mới cho là hay là đẹp, không biết rằng trong sự hỗn-độn láo-nháo cũng có cái vẻ đẹp. Đời trước cứ lấy hiền-nhân quân-tử mới là người hay, không biết rằng kẻ loạn-thần tặc-tử cũng có cái hay, và thứ nhất là kẻ nông-cuồng lại có nhiều cái thú lắm, v. v. . Một cái chủ-nghĩa quá tự-do như thế, không khỏi có nguy-hiểm, vì cứ một nước đó mà đi thời đến không còn có trật-tự gì nữa. Song đó chẳng qua là cái tư-tưởng nông-nghênh của một nhà thi-nhân có tài mà thôi, chứ kỳ-thực thì chủ-nghĩa «lãng-mạn» (lãng-mạn tức là lòng-bông) không có đâu đến cực-đoan như thế, chẳng qua là chỉ không muốn làm nô-lệ cò-nhân, muốn đặt ra một lối văn-chương mới để diễn-tả ra những tình-cảm mới.

Về văn xuôi thì trong thời-kỳ này cũng có nhiều người trứ-danh lắm. Như văn chép sử có MICHELET và văn tiểu-thuyết thì có BALZAC và bà GEORGE SAND. Hai người sau đó chính là hai tay sáng-tạo ra lối tiểu-thuyết đời nay.

Đến thời-kỳ thứ ba từ năm 1848 đến năm 1900 thời đã gần về đời ta rồi. Các nhà làm sách trong khoảng này nhiều lắm, nhưng mà

phải để cho lâu năm mới rõ được cái chân-giá-trị ra, bây giờ không thể phán-đoán cho chắc hẳn được. Cứ đại-khái mà nói thì những nhà trước-tác về hồi này, về đường tư-tưởng thì trọng cái chủ-nghĩa khoa-học, và về đường văn-chương thì trọng cái chủ-nghĩa tả-thực. Hồi này là hồi các khoa-học cách-trí đương thịnh-hành, đương biến-hóa thế-giới bằng điện-khí hơi nước, người ta chỉ ưa sự thực-dụng, chỉ tin sự thực-nghiệm mà thôi. Văn-chương cũng phải quay về lối thực, không thể bông-lông như phái « lãng-mạn » trên kia được. Nhân đó mà lập ra phái « tự-nhiên » (*l'école naturaliste*), phái « tả-thực » (*l'école réaliste*), chủ lấy văn-chương mà diễn-tả sự-thực cho hết như thực, không có bịa-đặt biến-báo gì cả. Phái này có ZOLA đứng đầu, thịnh-hành được một hồi, rồi sau cũng làm quá mà thành ra hư-hỏng; vì tả-thực vẫn là hay, nhưng mà chỉ tả-thực thôi, những sự-thực xấu-sa cũng đem ra mà diễn-tả, thời thành ra một lối văn thô-bỉ tục-tẩn, sao gọi là văn-chương được? Kế phái « tả-thực », lại xuất-hiện ra nhiều môn-phái nữa, như *école symboliste*, *école parnassienne*, vân-vân, hiệu cớ có nhiều mà tương giới không có mấy. Văn-chương Pháp thật là đương qua một buổi giao-thời, chưa biết tiến-hóa ra đường nào vậy.

Trong thời-kỳ này có hai nhà triết-học kiêm văn-học, ảnh-hưởng về đương-thời sâu-xa lắm, và tới ngày nay vẫn hầy còn : là TAINE và RENAN. Hai ông tư-tưởng khác nhau, tính-cách khác nhau, nên văn-chương cũng khác nhau. TAINE thì tư-tưởng khúc-chiết, nên văn-chương cứng-mạnh ; RENAN thì tư-tưởng uyển-chuyển, nên văn-chương êm-dềm ; mỗi người hay ra một vẻ, nhưng đều là tay làm văn có tài cả. Những văn-sĩ về sau phần nhiều là học-trò của hai ông.

. . .

Qua đến thế-kỷ thứ 20 này, thời đã là hiện-thời rồi, văn-chương thịnh-suy, chửa có định-bình, không thể sao bình-luận cho được. Nhưng cứ xem những sách thi-văn xuất-bản trong khoảng 20 năm nay thời biết rằng văn-học vẫn thịnh. Có nhiều nhà văn-sĩ đã nổi tiếng trong thế-giới, như ANATOLE FRANCE, PAUL BOURGET, PIERRE LOTI, là mấy người trứ-danh hơn cả ; mấy ông ấy vào văn-đàn từ cuối thế-kỷ trước, bây giờ đã có tuổi cả rồi, nên cái giá-trị thế nào cũng đã lược biết : như văn ANATOLE FRANCE thì tự-nhiên, bình-dị mà hay ; có người nói văn ông như cái cốc pha-lê trong suốt mà gõ vào thì kêu lên như tiếng chuông ; thật thế, ai đọc cũng phải lấy làm khoái-trá. — Văn PAUL BOURGET thì nhiều tư-tưởng hơn và có ý thâm

về đường tâm-lý, khiến cho người ta ngẫm-nghĩ nhiều về nhân-tâm thế-đạo. — Văn LOTI mới lại tuyệt-bút nữa, dùng những lời những chữ rất tầm-thường mà khéo đặt làm sao, khiến cho người ta đọc lên như đem mình vào trong cõi mộng. Ông đi du - lịch khắp các nước trong hoàn-cầu, mỗi nơi một cảnh, mỗi chỗ một thú, cảnh-vật không đâu giống đâu, mà thấy tấm lòng mình bao giờ cũng chỉ bấy nhiêu nỗi sầu khổ buồn rầu, đem cái tâm-cảnh đối với ngoại-cảnh, mới biết tạo-vật là vô-tình, bởi thế mà giọng văn ông có cái ý ngậm-ngùi than khóc, đọc lên não-nuột vô-cùng.

Hiện bây giờ thì cứ theo các báo-chí bên Tây bình-phẩm, văn-chương Pháp có hai nhà trứ-danh nhất: văn xuôi thì HENRI BERGSON, văn vần thì bà COMTESSE DE NOAILLES. Ông BERGSON vốn là tay triết-học, có người nói là một tay triết-học sâu-sắc nhất đời nay, nên văn-chương ông là văn triết-học, dẫu hay mà không phải là văn phổ-thông ai đọc cũng được. Còn thơ của bà DE NOAILLES cũng có nhiều điệu mới, ý lạ, chắc là một bậc thi-nhân biệt-tài.

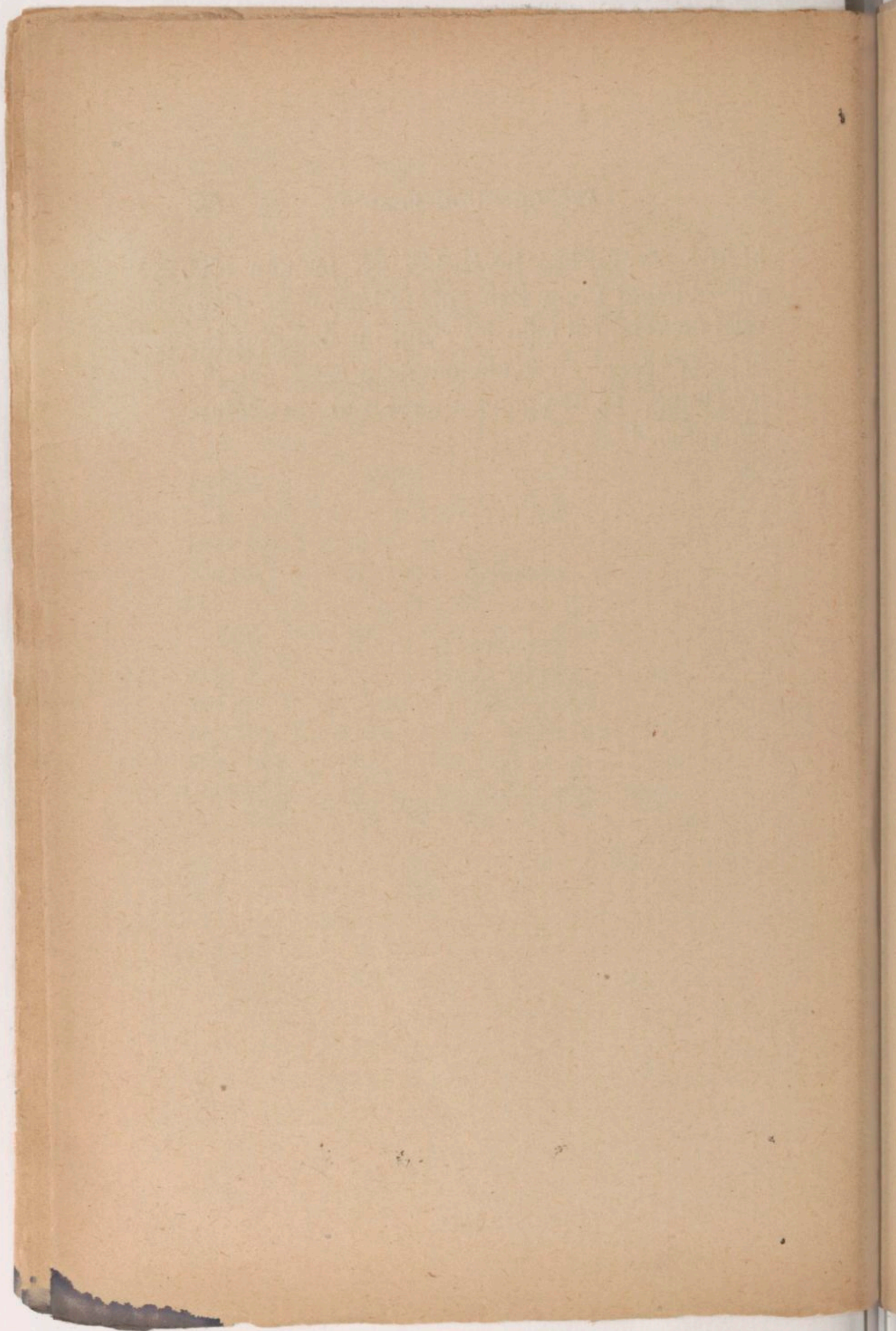
*
*
*

Tôi đã đưa các ngài đi du-lịch qua một lượt trong rừng văn của Đại-Pháp. Trong khi đương đi, tôi chỉ lo sợ lạc đường; nay may

cuộc du-lich đã được hoàn-thành, tôi cũng mừng rằng đã làm hết cái trách-nhiệm người hướng-đạo, và mong rằng các ngài cho cuộc du-lich này không đến nỗi là vô-ích. Trong rừng văn Đại-Pháp, những cây to gỗ qui thiếu chi, tôi mới gọi là chỉ qua cho các ngài biết giảm mười thứ mà thôi, còn ngoại-giả những danh-hoa dị-thảo khác nhiều lắm, không thể nhất-nhất chỉ-dẫn cho hết được. Nhưng mà xem qua một lượt như thế, tôi tưởng các ngài cũng đã biết đại-khái về lịch-sử văn-học Đại-Pháp từ xưa đến nay tiến-hóa thế nào.

Tôi có nói tường về hồi văn-chương Pháp mới thành-lập, nghĩa là vào khoảng thế-kỷ thứ 15, 16, vì rằng tôi thấy cái tình-trạng văn-chương Pháp hồi bấy giờ chưa định-thể, cũng như văn quốc-ngữ ta bây giờ; vậy mà đến thế-kỷ sau, không đầy một trăm năm được toàn-thịnh như thế! Như vậy thì ta đối với quốc-văn ta cũng chớ nên thất-vọng. Từ nay đến 20, 30 năm nữa, nếu thấy văn quốc-ngữ không tấn-tới, thời quả là tiếng An-Nam mình đành bỏ vào cái địa-vị đào-thải rồi, không còn mong-mỏi gì nữa. Bấy giờ chỉ nên ngậm đắng nuốt cay mà lại cứ cầm đầu đi học mượn viết nhờ như xưa. Nhưng mà từ nay đến đây, ta nên cố công cùng sức mà tập-luyện cái tiếng quốc-âm của ta, xem có thể thành “quốc-văn” được

không. Trong khi luyện-tập ấy, ta nên lấy văn-chương Pháp làm gương làm mẫu. Các ngài đã xem, cái mẫu ấy cũng đủ đẹp cho ta bắt-chước, cái gương ấy cũng đủ sáng cho ta soi chung. Ta nên gắng sức mà noi theo cho bằng người!



HAI NHÀ DANH-SĨ NƯỚC PHÁP

I

Maurice BARRÈS

Chúng ta giảng-cứu về văn-học Thái-Tây, mục-dịch là thế nào? Học văn tây có hai đường: một là học cho biết thưởng-thức những văn-chương hay, rồi mong bắt chước làm văn tây được như người Tây; hai là học văn tây để cốt chất-vấn các bậc danh-sĩ Thái-Tây về cái đạo làm người, cái thuật sinh-tồn trong thế-giới bây giờ, vì các bậc ấy là chủ-não của văn-minh ngày nay và các nước Thái-Tây được phú-cường phần nhiều là nhờ có cái chủ-não tinh-túy đó. Hai mục-dịch ấy cũng là chánh-đáng cả, cũng là cao-thượng cả, nhưng mục-dịch thứ nhì có phần thiết-yếu hơn. Bọn ta bây giờ cần cái học cứu-quốc hơn là cái học văn-hoa. Kể về phần hư-văn thì tưởng cũng đã thừa chán ra rồi, chẳng cần phải học thêm của người nữa, vì phàm học chữ mượn chỉ tập được cái hư-văn mà thôi, không bao giờ nhập-diệu được bằng người.

Nước ta mấy mươi đời phóng chép văn Tàu mà nào có được ai thơ như Lý, Đỗ, văn như Tô, Hàn, không? Vết xe trước đã rõ, người đi sau phải rấn. Ta nay vì lại phóng chép văn Tây, trăm nghìn năm cũng chưa dễ được ai như VICTOR HUGO hay ANATOLE FRANCE. Như vậy thời chẳng nên mài-miệt về câu văn cho lắm mà nên cứu xét lấy nghĩa-lý cho thâm. Trong rừng văn của Thái-Tây, và thứ nhất là của nước Pháp, ta nên chọn lấy những nhà nào có bụng về thế-đạo, mà dò xét xem chủ-nghĩa của người ta thế nào, có thích-hợp với tình-thế nước ta không, có bổ-ích gì cho đạo tu-tề của ta không, ta có thể lợi-dụng để đoàn-luyện lấy tinh-tinh ta, chấn-loát cho tinh-thần nước không. Nói tóm lại, đọc văn tây phải có cái chủ-ý tìm một phương thuốc trước là bổ-não cho mình, sau là tỉnh hồn cho nước. Nếu không được chút gì bổ-ích về đường ấy, thì văn-chương dầu hay đến đâu cũng là không thiết-thực cho người ta cả.

Trong rừng văn nước Pháp ngày nay, ông MAURICE BARRÈS vừa mới mất được vài ba năm nay, thật là một tay lỗi-lạc, văn-chương đã đẹp-đẽ, mà tư-tưởng lại sâu-xa, lại đề-xướng ra một cái chủ-nghĩa bảo-chủng ái-quốc rất thâm-thiết trứ-minh, thật đáng cho chúng ta để tâm nghiên-cứu.

Vậy nay giới-thiệu qua về tư-tưởng ông cho các bạn độc-giả biết, mong rằng những người có chí đem những lời tâm-huyết của ông mà nghiên-ngâm làm một cái phương-pháp bồ-não « luyện-hồn » vậy.

Vì cả chủ-nghĩa của ông gồm lại là một cái thuật « luyện-hồn ». Ông nói rằng : « Sự giáo-dục linh-hồn, đó là việc quan-hệ nhất, tôi vẫn bản-khoản, vẫn hăm-hở suốt một đời » (1), Thân - thể người ta phải có tập - luyện mới mạnh-mẽ cứng-cáp ; linh-hồn người ta cũng phải có tập-luyện mới sáng-sủa tinh-tao. Có phép thể-thao thì phải có phép luyện-hồn. Người đời đã biết chú-trọng về phép thể-thao, mà ít ai biết đề tâm đến phép luyện-hồn.

MAURICE BARRÈS lấy tư-cách một người thông-minh, bác-nhã, cao - thượng, tài-tình, trong bốn mươi năm kinh-nghiệm về đường ấy, nghĩ ra một phương-pháp kể thức-giả cho là thần-diệu vô-cùng.

Ông không phải một ngày mà tìm ngay được, thật là lần lần như tự thấp tới cao, như tự tối ra sáng, rồi mới khoát-nhiên đại-ngộ như Phật-tổ dưới cây bồ-đề, nhưng cho được tới đó, đã phải qua lắm phen đau lòng rối trí, sốt

(1) L'éducation de l'âme, c'est la grande affaire qui m'a préoccupé et attiré toute ma vie. (*Enquête aux pays du Levant*).

ruột kinh hồn, khiến cho thân-thể ông như một bộ tiểu-thuyết cảm-kích vô-cùng. Có người đã nói cuộc đời MAURICE BARRÈS là một cuộc bước lên bước tới hoài, một cuộc « tinh-tiến » vô-hồi vô-hạn, cho đến lúc tắt nghỉ vẫn còn đương tấn-tới, thật là một cái gương nỗ-lực cho những kẻ biết ham sống về phần hồn...

Ông nói rằng : « Phép giáo - dục linh-hồn, điều cốt-yếu là mỗi người phải tìm lấy trong mình cái nguồn sâu cảm-kích. Mỗi người phải tự hiện mình cho tới trình-độ mãnh-lực rất cao » (1).

Nghĩa là ai ai cũng có cái nguồn sâu cảm-kích ở trong lòng, chỉ vì không biết khai-dẫn ra nên nó bí-tắc lại mà thôi ; ai ai cũng mang một cái giây đờn đã căng sẵn, chỉ vì không biết gảy nên không thành tiếng mà thôi.

Ông bèn tự nghĩ : Nguồn kia ta phải khai-thông cho nó lai-láng ra ; giây nọ ta phải khéo gảy cho nó véo-von lên ; đã sinh ra cái kiếp thông-minh ở đời, không còn việc gì cao -thượng bằng việc đó nữa.

(1) Il s'agit pour chacun de nous qu'il trouve en soi la source cachée de l'enthousiasme. Il s'agit que chacun devienne lui-même à la plus haute puissance (*Enquête...*)

Bấy giờ ông mới xướng ra một cái chủ-nghĩa mới gọi là : « đạo thờ mình » (*le culte du Moi*). Đạo kỳ-quặc thay ! Thiên-hạ thờ nước, thờ nhà, thờ trời, thờ chúa, thờ mĩ-thuật, thờ ái-tình ; ông chỉ thờ có một mình ông, là ông cho rằng « phạm mọi sự thần-thánh, tài-tình, thiêng-liêng, sáng-láng ở đời, là do một cái tia sáng mà ra. . . , không có cái tia đó bật ra trước nhất thì trong nhân-loại này không có gì cả, mà cái tia đó người ta không ai là không có, duy phải biết thu-thập lấy và phải biết khai-dẫn cho khéo » (1) : tia sáng đó là cái lòng cảm-khích nó ngụ ở trong mọi người vậy. Cái « tia sáng thần-bi » đã ở trong mình thì hà tất phải thờ gì ngoài, thờ ngay mình trước. Bởi đó nên mới đặt ra cái tôn-giáo lạ đời là « đạo thờ mình » đó.

Nhưng muốn hiểu những duyên-cớ xa-xôi, khiến cho MAURICE BARRÈS vào khoảng năm 1885-1890 xướng ra cái chủ-nghĩa li-kỳ như thế, thì phải biết cái phong-trào tư-tưởng đương lưu-hành ở nước Pháp hồi bấy giờ thế nào.

(1) L'étincelle mystique par qui apparaît tout ce qu'il y a de religieux, de poétique et d'inventif dans le monde. . . . Rien n'existe dans l'humanité sans ce jaillissement primitif dont aucun être n'est incapable, et qui d'abord doit être obtenu, puis canalisé et discipliné. . . (*Enquête. . .*)

Nước Pháp vừa bị thua nước Đức trận năm 1870-1871, bị cắt hai châu *Alsace* và *Lorraine* cho Đức. Đã chiến-bại lại nội-loạn, làm cho lòng người tê-tái, như đau như điếng, trong mấy mươi năm như mang một cái vết thương chưa hàn lại được. Sĩ-phu trong nước bấy giờ qua một hồi đốn-tỏa ủy-mĩ vô-cùng. Có hai cái học-thuyết thịnh-hành, là học-thuyết của Taine và của Renan, tư-tưởng hai ông này trước và sau hồi chiến-tranh ảnh-hưởng trong bọn trí-thức sâu-xa lắm. Hai ông đều một lòng tin ở khoa-học (*la Science*), cho khoa-học là vị thần toàn-trí toàn-năng, độc-nhất vô-nhị ở đời. Muôn sự xảy ra trong trời đất là ở trong vòng-khuôn của khoa-học cả, là đều thuộc phép-tắc của khoa-học cả, thậm-chí những mối thiêng-liêng ở trong lòng cũng không ngoài kỷ-luật của khoa-học. Thành ra cả thế-giới tinh-thần cũng như thế-giới vật-chất, là một cái máy lớn, các cơ-quan, cách hành-động, đều là nhất-định từ bao giờ rồi, người ta chỉ có thể quan-sát cho biết, không có thể sửa đổi cho chạy khác đi được. Trong trời đất chỉ có một lẽ Tất-nhiên (*la Nécessité*) làm chúa-tể hết thảy: mặt trời mặt trăng, tinh-cầu địa-cầu, tất phải quay bấy nhiêu vòng mà làm ra ngày đêm sáng tối, không sai một li, không chậm một phút, tự

thiên-vạn-cổ vẫn thế, nhà khoa-học có thể tính trước mà biết được ngôi sao nọ bao giờ đến, luồng gió kia bao giờ qua; đến loài người cũng vậy, tự cổ dĩ lai, cũng bấy nhiêu cái tình-dục nó sai-khiến con người ta quay-cuồng xuẩn-động, dấu thời-đại xừ-sở có khác nhau, mà « cũng nhân-tâm ấy, há thiên-lý nào », dấu thay vai đổi trò, vẽ hề bôi nhọ, múa-may hò-hồng thế nào cũng không sai được cái nhịp-diệu tất-nhiên đã định. Sự thịnh-suy dĩ-thái là một lẽ doanh-hư thừa-trừ mà thôi, sức người có can-thiệp gì đến đấy. Nói tóm lại, cái « khoa-học chủ-nghĩa » của hai ông TAINE và RENAN, dấu bề ngoài hơi có vẻ khác nhau, — RENAN thì có cái vẻ hoài-nghi khoái-hoạt, TAINE thì có cái vẻ đốc-học cần-cù, — nhưng rút lại là một cái chủ-nghĩa « tiền-định » (*déterminisme*), một cái chủ-nghĩa « tin-mệnh » (*fatalisme*) cả, cho vạn-sự do « số » hết, chẳng khác gì các tôn-giáo triết-học của Đông-phương vậy. Kết-quả cái chủ-nghĩa ấy là sự chán đời, cũng là lẽ tất-nhiên như thế. Nước thịnh hay suy, người khôn hay dại là số cả, là mệnh cả, là « tiết-nhiên định phận tự thiên-thư » cả, cũng như nước triều kia khi thăng khi giáng, sức người có làm gì được. Đã vậy thì chẳng nên làm gì cả, vì dầu làm gì cũng là vô-bổ hết.

Giữa lúc quốc-gia đa-nạn mà sĩ-phu trong nước giữ một cái chủ-nghĩa chán-nản như thế, phỏng có nguy không? Nhưng phần nhiều người còn đương tê-mê về sự thất-bại, chưa mấy ai kịp thu-thập tinh-thần để phản-kháng lại cái phong-trào ủy-mĩ đó. MAURICE BARRÈS sinh năm 1862, thừa nhỏ đã trông thấy cái cảnh quốc phá gia tan, lớn lên lại nhiệm phải cái không-khí âu-sầu ử-dột đó, tình-trạng ông bấy giờ ra thế nào? Ông cũng ám-nhiên hiểu rằng cái « khoa-học chủ-nghĩa » của hai bậc tiền-bối kia không thích-hợp với thời-thế nữa, nhưng còn phân-vân không biết lấy gì thay vào. Hồi đi học ông có sở-đắc ở các nhà triết-học Đức : KANT, FICHTE, HEGEL, HARTMANN nhiều. Các nhà này dạy rằng thế-giới là một mớ « hiện-tượng », nghĩa là có hiện ra, có cảm đến giác-quan ta thì ta mới biết, chứ có thực hay không, ta không biết được ; không phải là hiện-tượng, mơ-màng ở ngoài, bản-nhiên có thực, duy có ta, duy có cái « bản-ngã », « tự-ngã » của ta, đứng « chủ-quan » hết thấy. Đó gọi là « chủ-quan-luận » (*subjectivisme*). BARRÈS bèn căn-cứ ở chủ-nghĩa đó mà suy-luận ra rằng nếu suốt trong vũ-trụ duy có mình là « thực-thể » (*réalité*), còn hết thấy là hiện-tượng (*phénomène*) cả, duy có mình là « chủ-quan » (*sujet*), còn hết thấy là

« đối-tượng » (*objet*) cả, thì suốt trong vũ-trụ cũng duy có mình, duy có cái mà mình gọi là « tôi » đó là đáng quý đáng trọng, đáng yêu-giấu, đáng nâng-niu, nói tóm lại là đáng phụng đáng « thờ » hơn cả. Ông muốn phản-kháng lại học-thuyết của tiên-bối, trong khi còn phân-vân, chưa biết lấy gì làm trung-kiên, làm trụ-cốt, tìm ra được cái thuyết « thờ mình » đó, thật là bước được một bước dài để thoát-li ra ngoài vòng-khuôn của tiên-bối mà tự-lập lấy một chủ-nghĩa riêng hợp với tâm-lý, với sự thực hơn.

Song đó còn mới là bước đầu mà thôi, mới là thời-kỳ thứ nhất trong tư-tưởng MAURICE BARRÈS, thời-kỳ « duy-ngã » (*égotisme*), nghĩa là chỉ biết một mình mình thôi, thuộc về « cá-nhân chủ-nghĩa » (*individualisme*). Trên kia đã nói rằng tư-tưởng ông tấn-tới luôn, không phải đã nhất-định ngay và cũng không phải một ngày mà trở nên hoàn-toàn. Vậy ta nên xét về tư-tưởng ông trong thời-kỳ thứ nhất này xem tiến-hóa thế nào mà dần-dần chuyển sang thời-kỳ thứ nhì, tự « cá-nhân chủ-nghĩa » đổi ra « quốc-gia chủ-nghĩa », tự « thờ mình » mà biến ra « thờ nước », vì sự biến đó là điều quan-trọng đệ-nhất trong lịch-sử ông, là cái đặc-sắc của thân-thể ông, khiến cho cuộc đời ông thành một đoạn tiêu-

thuyết rất cảm-khích, rất li-kỳ, như trên kia đã nói vậy.

Trong trời đất duy chỉ có « tôi » là có thực, còn ngoại-giả là bào-ảnh cả. Vậy thời kẻ trí-giả chỉ nên chăm-chút lấy cái « tôi » của mình, mà dùng hết cách phát-siễn nó ra cho thực hoàn-toàn. Trước hết phải đem cái « tôi » ra mà phản-đối với hết thảy, vì « bản-ngã » phải phản-đối với « phi-ngã » (*le non-moi*) mới phát-biểu ra được. « Phi-ngã » là gì? Phi-ngã là cái gì không phải « tôi, » tức ông gọi là kẻ « Di-dịch » (*les Barbares*). Ông nói rằng: « Vì kẻ Di-dịch nó xâm-lấn nên nhiều người thanh-niên tuấn-tú đến lỗi mất cuộc đời mình. Kẻ Di-dịch là ai? Là hết thảy cái gì không phải tôi. . . . Trong trời-đất duy có tôi là có thực. Chính tôi sáng-tạo ra vũ-trụ ⁽¹⁾. » — Tự mình đã là ông tạo-vật, ông thiên-chúa cho mình như thế, thời không những không cần phải thờ ai mà cũng không cần phải học ai nữa. Các tiền-bối TAINE với RENAN là « kẻ Di-dịch » cả, ta phải xua đuổi cho thật xa. Khoa-học là gì? Là hão-huyền cả. Lẽ Tất-nhiên là gì? Là bịa-đặt hết. Có gì là tất-nhiên được, vì « tôi » là

(1) C'est par les Barbares que plus d'un jeune homme influencé faillit à sa destinée. . Les Barbares, c'est tout ce qui n'est pas moi... Le moi, voilà la seule réalité... C'est moi qui crée l'univers (*Sous l'œil des Barbares*).

chúa-tể hết, « tôi » là hoàn-toàn tự-do, muốn sao được vậy.

« Tôi » đã đáng tôn-trọng, đáng quý-báu như thế, thời đạo « thờ tôi » phải thế nào? Sau khi trừ-khử được những kẻ « Di-địch » nó xâm-lấn vào địa-phận « tôi », thì phải xử-trí, phải đối-đãi với « tôi » thế nào? Ông bèn xướng ra hai cái qui-tắc như sau này là gồm cả đạo « thờ tôi » của ông:

1° Người ta có cảm-khích mới thật được sung-sướng;

2° Muốn cho thêm cái thú cảm-khích thì phải biết phân-tích nó ra.

Vậy thì kết-luận là: ở đời phải cảm-khích cho thật nhiều mà phân-tích cho thật kỹ (1).

Qui nhất ở đời là tự mình, qui nhất trong mình là con tim khối óc của mình; con tim có thể ví như cái dây đàn, khối óc có thể ví như hòn đá lửa; phận-sự ta ở đời là phải đập đá cho bắn lửa để chiếu sáng cái thế-giới tối-tăm này, gảy đàn cho lên tiếng để dịp-dàng cái cõi đời lặng-lẽ này. Nhưng nếu đốt lửa mà để cho lòa mắt không trông thấy, gảy đàn mà để

(1) 1^{er} principe: Nous ne sommes jamais si heureux que dans l'exaltation; 2^o principe: Ce qui augmente beaucoup le plaisir de l'exaltation, c'est de l'analyser; Consequence: Il faut sentir le plus possible en analysant le plus possible. (Un homme libre).

cho ù tai không nghe được, thì cũng chưa sướng. Nên trong khi dụng tim dụng óc, lại phải biết phân-tích cái thú nó cảm đến con tim khối óc của mình, mới thật là sướng. Kẻ tri-giả ở đời không còn gì khoái-lạc bằng cảm-khích cho thật nhiều, mà phân-tích cho thật kỹ, đốt lửa cho đến cháy óc, gảy đàn cho đến đứt dây, mà vẫn giữ được tai mắt sáng-suốt để cảm cái thú nồng-nàn đó. Nói tóm lại, làm người phải có *cuồng* (*frénésie*) một chút thì mới sướng, duy cái *cuồng* đây khác cái *cuồng* của kẻ tầm-thường, là cái *cuồng* kẻ tầm-thường thời hoặc bởi tính ngông-ngáo, hoặc bởi sự dồ-dại mà sinh ra, chứ *cuồng* đây là tự mình gây ra để làm vui cho mình, tức như cái *cuồng* Lý Bạch rượu tit cung mây để tiêu sầu vạn-cổ.

Thành ra sự cảm-khích đây rút lại chẳng qua cũng là một cách dối cái sầu, lừa cái chán mà thôi. Mà đạo « thờ tôi » đây chẳng qua cũng là một cách tiêu-sầu khiên-muộn mà thôi. Bởi cõi đời tối-tăm lạng-lẽ, nên ta phải hò-hồng quay-cuồng cho nó vui-vầy khuây-khỏa, chứ kỳ-thực vẫn chưa tìm được một đạo xử thế thật là thỏa-đáng. Không những thế, mà cái độc chán đời cũng vẫn chưa tiêu-trừ đi được. Ông nói rằng: « Tôi buồn tênh chán ngắt, chẳng được việc gì, mà lấy thế làm tiêu-dao tự-thú. . . Cái gì cũng

ham, mà cái gì cũng chán. Ôi ! chán ơi là chán ! chán trội chán tròn, chán khắp hết thấy. Hoạt-động mà làm gì, cũng là vô-bổ hết ! . . . Tôi nhọc, ối chao ôi là nhọc ! chưa làm gì mà đã nhọc. Ai làm thế nào cho tôi quả-quyết được việc gì bây giờ ! » (1) — Ông lại nói rằng : « Tôi thấy tôi vô-dụng, rời-rạc như cái máy không lò-so. Nghĩ đến sau này mà sợ ; biết rằng có đủ nghị-lực làm được gì chẳng ? Khí-lực tôi tiêu-tán đi như ba giọt dầu *săng* trên bàn tay vậy. » (2)

Lời than thảm-thiết thay ! Một người dương hăng-hái tự-cường, dương-dương tự-đắc, lấy mình làm trung-tâm thế-giới, lấy mình làm chúa-tể vũ-trụ, có đâu lại thổ-lộ ra những giọng thảm-thương như thế ? Thì ra kỳ-thực bề ngoài ông ra mặt tự-cao tự-đại để làm cách tự-phấn tự-cường, mà bề trong ông thật rầu lòng rối trí, héo ruột nát gan. Ông biết rằng học-thuyết của tiên-bối không thích-

(1) Je m'abandonne avec jouissance à la plus stérile mélancolie... Tout mépriser, tout désirer. Le bâillement universel, l'à quoi bon, qui fait le dernier mot de nos activités... Je suis las, las avant l'effort. Ah ! qui fera que je veuille !... (Cité par Massis, *La pensée de Maurice Barrès*).

(2) J'ai un sentiment d'inutilité, aucun ressort. Je crains demain ; saurai-je le vivifier ? L'énergie fuit de moi comme trois gouttes d'essence sur la main (*Un homme libre*).

dụng nữa, muốn tìm một chủ-nghĩa khác thích-đáng hơn, tưởng tìm được ở cái thuyết « duy-ngã độc-tôn » của mình, nhưng xét ra mới biết rằng thuyết ấy cũng kết-quả đến chán đời mà thôi. Cảm-khích cho thật nhiều, phân-tích cho thật kỹ, chỉ tổ chông-chất thêm cái sâu, nung-đúc thêm cái thắm mà thôi. Tưởng thế là thanh-thời sáng-suốt lắm, không biết thế càng đau-đớn cực-khổ nhiều.

Tâm-trạng ông lúc bấy giờ ông tự-tỉ như một đứa trẻ con ngày mưa ngồi trong xó buồng vắn mó cái đồ chơi cho đến gãy vỡ ra (1). Ông cũng vắn-vầy quả tim khối óc của ông, tưởng thế là một cách chơi cao-thượng, không ngờ càng vầy càng nát, càng vắn càng đau.

Vả lại người ta phàm quan-sát mình kỹ lắm, không khỏi sinh ra tự chán mình, và thần đã ở trong mình, thờ tất không được lâu, vì đã quen tất sinh nhờn, đã nhờn còn trọng sao được nữa.

Những nông-nôi ấy khiến cho ông cực chẳng đã phải thổ ra những lời than như trên kia.

Ông than như thế là ông biết mình lắm vậy.

(1) Tel le jeu d'un pauvre enfant qui, par un jour de pluie, assis dans un coin de la chambre examine son jouet au risque de le casser (Cité par H. Massis).

Ông biết rằng cái đạo « thờ mình » của ông chưa phải là chánh-đáng. Hay là bởi ông lập-giáo còn thiên-cận? Hay là bởi ông nghiên-cứu chưa đến nơi?

Đây mới đến thời-kỳ thứ hai trong tư-tưởng ông; đây mới đến sự đại-biến trên kia đã nói, làm cho tư-tưởng ông nhất-dán bông-bột lên mấy tầng, sánh với bước đầu cách xa nhau một trời một vực vậy. Người không biết thì cho hai cái thái-độ của MAURICE BARRÈS thuở thanh-niên với tuổi thành-niên là trái ngược nhau, và MAURICE BARRÈS thờ mình với MAURICE BARRÈS thờ nước là khác nhau hẳn, tựa-hồ như hai người, không có quan-hệ gì với nhau cả. Nhưng xét kỹ ra mới biết rằng cũng là một cái tư-tưởng, mà càng ngày càng tấn-tới lên, càng ngày càng thâm-trầm ra, khởi-diềm tự bản-thân, mà thành tựu ở quốc-gia vậy.

Song cũng phải là người có phách-lực phi-thường mới làm nổi sự đại-biến đó. Nếu là người tầm-thường thì trải những nông-nôi như trên đến hôi-tâm táng-chí, mà phiêu-giạt trong bể thẳm, lặn-lộn trên trường sâu, uổng mất cái đời thông-minh, thật là vô-bổ cho quốc-gia, cho xã-hội. Nhưng ông sớm tỉnh-ngộ ngay, ông không cam-tâm làm kẻ bàng-quan khóc mướn cho đời. Ông bèn đem cái đạo cũ của ông sát-hạch lại cho đến nơi.

Ông tự hỏi rằng: Ủ, trong trời đất này, duy có ta là thực, còn hết thấy là hư cả; lẽ đó đã cố-nhiên rồi. Nhưng ta đây, cái mà ta gọi là «tôi» đây, nó ở đâu mà ra? há phải bỗng-dưng mà thành ư? Nguồn nó ở đâu? Gốc nó chỗ nào? Muốn cho nó vững-vàng bền-chặt, độc-lập trong khoảng trời đất như Thái-sơn Bàn-thạch, thì phải xét cho đến nền đến móng, không thể ngấm một cái ngọn trơ-vơ mà đủ được.

Bấy giờ ông mới tỉnh ra mà biết rằng cái «tôi» mà ông thờ đó là cái «tôi» hãy còn khiếm-khuyết; cái «tôi» thực hoàn-toàn là phải trăm nghìn vạn cái «tôi» khác tích-lũy trong mấy mươi đời mới cấu-tạo ra. Cái «tôi» thực hoàn-toàn là gồm cả cái «tôi» hiện-tại (tức là ta), cái «tôi» quá-khứ (tức là tổ-tiên ta) và cái «tôi» tương-lai nữa (tức là con cháu ta). Cái «tôi» ấy lại phải sinh-trưởng ở một đất nước nào, không tự trong khoảng không mà mọc ra được, nên người ta không những quan-hệ với nhau, mà người ta với đất nước cũng có quan-hệ nữa.

MAURICE BARRÈS phát-minh được lẽ đó, khác nào như Phật-tổ phát-minh « tứ diệu-đề », Tự bấy giờ ông hoan-hỉ trong lòng, vững-vàng trong trí, gia-công nỗ-lực truyền-bá chủ-nghĩa mới trong quốc-dân, trước nhiệt-thành thờ mình; nay dốc lòng thờ nước, trước chỉ khu-

khu khoái-lạc lấy một mình, nay lại chăm-chỉ giữ-gìn cho quốc-túy, nghiêm-nhiên trở nên một tay lãnh-tụ trong đảng ái-quốc vậy.

Trong ba-mươi năm trời ông làm sách viết văn đều phát-huy cái chủ-nghĩa quốc-gia (*nationalisme*), chủ-nghĩa quốc-túy (*traditionalisme*). Những vi-ngôn đại-nghĩa của ông, họp lại có thể làm một quyển kinh nhật-tụng cho những kẻ có tổ-tôn phải phụng-thờ, có đất nước phải yêu-mến, nghĩa là hầu hết người ta trong thiên-hạ, chỉ trừ những giống mọi-rợ còn dã-man hay là những phường Tịch Đàm dã vong-tổ vậy.

Nay không thể kể ra hết được, chỉ xin trích-dịch mấy câu mấy đoạn để cống-hiến các nhà hữu-tâm về việc đời việc nước. Lời thiết-tha sâu-sắc, đủ làm bài học cho chúng ta vậy.

Như ông nói rằng : « Cá-nhân đâu hoàn-toàn đến đâu mặc lòng, chẳng qua chỉ là những bộ-phận trong một cái toàn-thể, là giống-nòi mình. » (1)

Lại nói : « Người ta ví như cái cây, muốn mọc lên tươi-tốt, nảy-nở ra nhiều, phải giống

(1) Les individus, si parfaits qu'on les imagine, ne sont que les fragments du système plus complet qu'est la race. (*Un homme libre*).

nào sinh-trưởng theo cách-thức giống ấy, như bao nhiêu đời trước đã lưu-truyền tới đời nay vậy. » (1)

Lại nói : « Hồn ta đây là hồn của tổ-tiên ta cộng lại mà thành ra ; những mối cương-thường của tổ-tiên ta là làm cơ-sở cho nhân-thân ta bây giờ đó. » (2)

Lại nói : « Tôi cặm-cui tìm-tòi, sưu-tầm khó-nhọc, mới thấy được cái nguồn nước trong ở trong vườn nhỏ của tôi. Nguồn ấy là tự cái mạch ngầm chan-chứa, nó phân-phát cho khắp các giếng nước chốn quê-hương tôi. » (3)

Lại nói : « Tôi thấy trong thâm-tâm tôi có một chỗ như chỗ đầu gân của mạch, hễ chạm đến đấy thì rung-động cả thần-kinh, tôi không ngờ chuyển mạnh đến thế ; rung-động suốt cả người, không phải là sự cảm-xúc của một cái hiện-thân nhất-thời đâu, thực là cả

(1) La plante humaine ne pousse vigoureuse et féconde qu'autant qu'elle demeure soumise aux conditions qui formèrent et maintinrent son espèce durant les siècles.

(2) Notre âme est faite des âmes additionnées de nos ancêtres ; leurs concepts fondamentaux forment les assises de notre être (*Cité par H. Massis*).

(3) Après une analyse aiguë et profonde, je trouvais dans mon petit jardin la source jaillissante. Elle vient de la vaste nappe qui fournit toutes les fontaines de ma cité. (*ibid*).

chúng-tộc bị xúc-động mà dựng lên, nghĩ đến thật ghê thay.» (1)

Lại nói : « Nhất-cử nhất-động của ta mà trái với tổ-tôn đất nước ta là làm cho ta tự dối ta, khiến cho nhụt mất cái nhuệ-khí của ta đi. » (2)

Lại nói : « Ta phải biết cam chịu thân-phận ta, đó là điều cốt-yếu. Đã được điều cốt-yếu đó rồi thì muốn tổ-chức cuộc đời ta thế nào cũng được Ta sẽ như cái cây mọc ở đất nước nhà, không phải là giống không chẳng không rễ. Dù đi đâu, dù đặt mình vào những nơi rất nồng-nàn náo-nhiệt cũng không sợ mất giống, ta vẫn là con cháu ông cha ta, ta vẫn được hưởng-thụ cái công học-tập mấy mươi đời, từ khi hầy còn chưa sinh-hạ ra đời, từ khi hầy còn nằm trong mạch máu tổ-tiên mà tổ-tiên hầy còn mới quan-niệm đến ta mà thôi. » (3)

(1) J'ai senti qu'il y a au plus profond de moi-même un point constant, point névralgique ; si l'on y touche, c'est un ébranlement que je ne pouvais soupçonner ; c'est une rumeur de tout mon être, ce ne sont pas les sensations d'un individu éphémère qu'on irrite, mais à mon grand effroi, l'on fait surgir toute ma race (*Le jardin de Bérénice*).

(2) Chacun de nos actes qui dément notre terre et nos morts nous enfonce dans un mensonge qui nous stérilise. (*Cité par H. Massis*).

(3) Acceptons notre conditionnement, c'est une épine dorsale. Quand nous l'avons, nous pouvons alors inventer notre vie . . . Sortis du sol paternel, nous ne serons pourtant pas des déracinés. Où que nous allions et plongés dans les milieux les plus dévorants, nous bénéficierons de l'apprentissage séculaire que nous fîmes dans leurs veines avant que d'être nés et tandis qu'ils nous méditaient (*ibid*).

Lại nói : « Tôi thấy được khoan-khoái trong lòng là từ ngày tôi biết đem tấm lòng tôi như cây đàn phỏ-thác cho ông cha giữ dịp. » (1)

Lại nói : « Tôi trông thấy cái bản-thân tôi liên-tiếp với muôn vàn tấm thân khác, rải khắp đời nọ sang đời kia, mà tôi lấy làm sung-sướng lạ-lùng. » (2)

Lại nói : « Trông thấy con người ta tan-tác ra để sáp-nhập vào nhà, vào nòi, vào nước, trong khoảng mấy nghìn năm, cái chết không gián-đoạn được, còn cảnh gì say-mê mà vui-thú bằng. » (3)

Lại nói : « Giá tôi có tài làm thơ thì tôi ngâm-vịnh để tả cái tấm lòng khao-khát muốn nuốt cả trời xanh. Nhưng giá tôi làm thơ tài hơn nữa, thì tôi chỉ ca-tụng một bậc anh-hùng biết cam-tâm hành-động trong một cái vòng-khuôn nhỏ hẹp hơn sự mộng-tưởng của

(1) J'ai trouvé le bonheur en m'abandonnant à ce rythme qu'on donne à son cœur, si l'on remet à ses morts le soin de le régler (*ibid*).

(2) Mon être m'enchante grand je l'entrevois échelonné sur les siècles, se développant à travers une suite de corps (*ibid*).

(3) C'est tout un vertige délicieux où l'individu se défait pour se ressaisir dans la famille, dans la race, dans la nation, dans de milliers d'années que n'annule pas le tombeau (*ibid*).

minh. Ta phải nên biết, phải nên cam-tâm thừa-nhận những lẽ tất-nhiên nó hạn-chế ta. Tôi yêu-mến đất *Lorraine* của tôi, tôi mô-tả đất *Lorraine* của tôi, tên *Lorraine* đó có lẽ chỉ là một sự quan-cảm rất thiết-tha về cái giới-hạn của tôi mà thôi. Tôi trông thấy cái cây cổ thụ đất *Lorraine*, khác nào như con ngựa trông thấy cái cọc để buộc mình vào đấy. » (1)

Lại nói : « Tôi đi đến đâu tôi cũng là khách tha-hương, bập-bẹ được mấy câu hát vặt, nhưng tôi về đến đất sông *Moselle* của tôi, thì tôi thấy tôi là một cái biểu-hiệu của đất nước này, là một cái khoảnh-khắc trong cuộc thiên-cổ này, là một cái bí-tàng của giống-nòi ta mỗi mùa nảy ra hoa thơm bông đẹp, và nếu lòng tôi thật biết thương yêu xứ-sở, thì tôi

(1) Si j'étais un jour poète, ce serait pour exprimer un désir insatiable de ciel immense. Mais si j'étais un plus grand poète, je chanterais un héros qui se meut volontairement dans un horizon plus étroit que sa rêverie. Connaissons, acceptons, aimons nos fatalités qui nous bornent. Ce que j'appelle *Lorraine*, ce que je décris sous le nom de *Lorraine*, n'est peut-être qu'un sentiment très vif de mes limites. J'ai reconnu le vieil arbre lorrain, comme le poteau où ma chaîne me rive. (Cité par H. Brémond dans : *L'évolution littéraire de Maurice Barrès*).

có thể làm quả tim cho đất nước này. » (1)

Lại nói : « Tôi tuy đã chơi qua những chốn danh-dô như *Venise, Sienne, Cordoue*, những nơi cổ-tích như thành *Sparte*, tuy cũng ngâm được lắm điệu véo-von, . . . mà tôi cho của ấy như của phù-vân của gái phương xa đãi người khách lạ. Sương có sương thật, mà nó vụt qua, nó khích-động, nó thoảng bên ngoài mà thôi. Nhưng về đến đất nước tổ-tiên tôi thì tôi mới thật thấy cảm-giác thâm-trầm. Đến đây tôi không phải là khách bàng-quan nữa. Hễ tôi thu-thập trí khôn của tôi vào trong vòng-khuôn này là nơi tiền-định của tôi, thì tựa-hồ như tôi nhân sức mạnh tôi với sức mạnh chung của cả nòi giống mà quả tim tôi nở-nang ra thành nơi trung-tâm một cố-quốc vậy. » (2)

(1) Ailleurs je suis un étranger qui dit avec incertitude quelque strophe fragmentaire, mais au pays de la Moselle, je me connais comme un geste du terroir, comme un instant de son éternité, comme l'un des secrets que notre race, à chaque saison, laisse émerger en fleurs et, si j'éprouve assez d'amour, c'est moi qui deviendrai son cœur (*Amitiés françaises*).

(2) Bien que je doive d'heureux rythmes à Venise, à Sienne, à Cordoue, à Tolède, aux vestiges même de Sparte. . . j'estime peu les brillantes fortunes que me firent et me feront de trop belles étrangères. Bonheurs rapides, irritants, de surface ! Mais pour la terre de mes morts, je m'engage aux profondeurs. Ici, je cesse d'être un badaud. Quand je ramasse ma raison dans ce cercle, auquel je suis prédestiné, je multiplie mes faibles puissances par des puissances collectives, et mon cœur qui s'épanouit devient le point sensible d'une longue nation.

Những câu trích-dịch đó là thuộc về thời-kỳ thứ nhì trong tư-tưởng MAURICE BARRÈS, sau khi tâm-trí ông đã kinh-quá sự đại-biến như trên kia. Nhưng ngay tự hồi còn trẻ, năm ông mới có hai-mươi-ba tuổi, ông mở ra cái tạp-chí đề là « Vết mực » (*les Taches d'encre, 1886*), ông đã nói một câu như sau này, đủ chứng-rằng tư-tưởng ông dần càng ngày càng tấn-tới, càng ngày càng rõ-rệt thâm-trầm ra, mà cái mầm đã có từ tuổi thanh-niên, tấm lòng xót-sa về tổ-tiên, về đất nước đã phảng-phất từ khi hãy còn chỉ biết túy-tâm « thờ » một mình mình vậy. Ông nói rằng: « Ông cha ta đã lầm-lỡ một ngày, để lại cho ta cái gánh nặng phải mang. Muốn làm cho nổi cái trách danh-dự đó, chỉ phải có một chút tâm-huyết, một chút khảng-khái mà thôi. » (1) Vậy ngay từ giữa lúc ngạo-cốt còn lăng-tảng ông đã mật đem thân hứa nước vậy.

* * *

Ấy thân-thế và tâm-thuật một bậc danh-sĩ nước Pháp như thế. Muốn giảng-giải cho tường hơn nữa, phải đến mấy bài luận-thuyết cũng chưa đủ. Mỗi câu châm-ngôn dịch trên kia,

(1) Nos pères faillirent un jour, c'est une tâche d'honneur qu'ils nous laissent... Il n'y faudra que quelque peu de sang et quelque grandeur dans l'âme... (Cité par R. Jacque dans : *Notre maître Maurice Barrès.*)

muốn bàn cho hết nghĩa, cũng phải đến mấy trang. Nay kết-luận bài này, chỉ xin nhắn-nhủ bạn thanh-niên một đôi lời. Các bạn thường tự than mình rằng đa-tư, đa-lự, đa-cảm, đa-sầu; hay buồn, hay bực, hay chán, hay nản; các bạn thường phàn-nàn rằng chữa nếm mùi đời đã thấy chán đời. Đó là bệnh chung của kẻ thanh-niên có chí, đó là bệnh chung của những thời-đại quá-độ. Ông BARRÈS trước kia cũng đã từng qua cầu ấy mà ông đi được trót-lọt, lập nên sự-nghiệp vẻ-vang ở đời. Các bạn nên lấy thân-thể ông mà làm gương, noi tâm-thuật ông mà bắt-chước. Ông cũng đa-tư đa-cảm, mà sự cảm-khích của ông còn mãnh-liệt biết dường nào! Ông cũng từng chìm-đắm trong bể thảm, lăn-lộn trên trường sấu, mà ông biết sớm tỉnh-ngộ, thu lấy phóng-tâm, cầm lấy hồn mộng, không để cho bông-lông chạy rong trong khoảng không vô-hạn, mà ra tay buộc chặt vào gốc cũ vườn xưa, tự phát-nguyện một câu rằng: «Đây là quê cha đất tổ đây, dù đi đâu chớ có quên chốn này!» Từ đấy lòng ông được khoan-khoái, chí ông được vững-vàng, tay ông gầy nên những khúc réo-rất véo-von, vì hợp với cung đàn điệu hát của đất nước tổ-tiên. Bạn thanh-niên ta nên ngẫm đó mà coi: mỗi người ta như một cây đàn, mà cầm phách giữ nhịp là tự tổ-tiên mấy mươi đời trước; muốn gầy nên

khúc đàn nghe được, chớ nên sai điệu cũ tổ-tôn. Các bạn có biết bởi sao mà ta sầu, ta thảm, ta chán, ta buồn không? Bởi bọn ta là một mớ đàn lồi dẹt ngang cung cả, nên bấy lâu gây ra những giọng chi chi, như tiếng mừng tiếng rợ, không ăn gì với khúc nhạc nước nhà, thành ra ông cha với con cháu cách-trở nhau, đất nước với người ở không thông nhau, mà khí thiêng của núi sông uất-tích lại, không lưu-thông đi được.

Ta nay đã biết thế, phải gia-công sửa-sang cây đàn cũ, lên giây buộc phím lại, nhưng muốn gây cho nên khúc, phải biết theo dịp cũ của tổ-tiên.

Đó là bài học của ông danh-sĩ phương Tây dạy ta đó, mà cũng là bài thuốc ông cho ta để chữa cái bệnh chán đời những kẻ thanh-niên có chí vậy (1).

(1) MAURICE BARRÈS sinh năm 1862, mất năm 1923. Làm nghị-viên từ năm 1889. Có chân Hội Hàn-lâm Đại-Pháp từ năm 1908. Làm hội-trưởng liên-đoàn Ái-quốc (*Ligue des patriotes*) từ năm 1914 thay cho DEROULÈDE. Bắt đầu làm văn từ năm 1882, xuất-bản tới 40 quyển sách. Những quyển có tiếng nhất là: *Un homme libre*, — *Le Jardin de Bérénice*, — *Le culte du Moi*, — *L'Ennemi des Lois*, — *Du sang, de la volupté et de la mort*, — *Les Déracinés*. — *L'appel au soldat*, — *Scènes et doctrines du nationalisme*, — *Leurs Figures*, — *Amori et dolori sacrum*, — *Les Amitiés françaises*, — *Le Voyage de Sparte*, — *Au service de l'Allemagne*, — *Colette Baudouche*, — *La colline inspirée*, — *Une enquête aux pays du Levant*, — v. v.

II

Pierre LOTI

PIERRE LOTI chính tên là JULIEN VIAUD, tên LOTI là hiệu làm văn của ông, nhưng ông nổi tiếng bằng biệt-hiệu ấy, nên thiên-hạ chỉ gọi bằng hiệu, không gọi bằng tên bao giờ. Ông vốn làm quan thủy, tự ngoài hai-mươi tuổi bênh-bồng-trên khắp các mặt bể, đỗ tàu ở khắp các phương trời: Đông-Á, Tây-Âu, Nam-Phi, Bắc-Mĩ, không một cõi đất nào là túc-tịch ông không tới nơi. Bao nhiêu những cảnh đẹp, cảnh lạ, cảnh vui, cảnh buồn, cảnh êm-ái, cảnh đìu-hiu, ông đã từng trải qua cả. Tai ông nghe đủ thứ tiếng, mắt ông trông đủ các màu. Bao nhiêu những hình-sắc thanh-âm trong trời đất, ông thu cả vào trong khối óc mà luyện thành một lối văn-chương rất réo-rắt véo-von.

Sơ-tâm ông có phải muốn làm nhà văn-sĩ đâu. Tự thuở nhỏ ông đã có thói quen giữ một quyển nhật-ký, hằng ngày ghi chép những sự cảm-tưởng của mình. Trong sách «Tiểu-thuyết đứa trẻ con» (*Roman d'un enfant*), tức là bộ tiểu-sử của ông thuở đồng-ấu, ông nói rằng: «Từ khi còn nhỏ tôi đã thích viết rồi, nhưng viết để xem riêng một mình, giấu kỹ không cho ai biết. . . Cái đời trẻ con của

tôi còn có chuyện gì nữa mà biên vào nhật-ký, nhưng biên là biên những sự cảm-tưởng phát-phơ, như buồn-rầu lúc buổi chiều, thương-nhớ mùa hạ cũ, mơ-tưởng những cõi xa. . . » Sau lớn lên đi tòng-quân khắp mọi nơi, cũng không hề đời quyền nhật-ký, duy những sự cảm-tưởng phát-phơ lúc thuở nhỏ thành những sự cảm-tưởng thống-thiết của một người rất giàu cái lòng từ-bi bác-ái, rất sành cái giọng vịnh-thán tư-ta.

Những tập nhật-ký ấy, chủ-ý chỉ để xem riêng một mình, sau có người khuyên đem công-bố cho đời, từ đấy mới in thành sách, chứ sơ-tâm ông có phải là làm sách để đem bán đâu. Cho nên trong bài diễn-thuyết của ông ở Hội Hàn-lâm, buổi ông được nghênh-tiếp vào chân Hội, có câu nói rằng : « Tôi bình - sinh có làm sách bao giờ đâu ; chỉ khi nào trong bụng tôi băn-khoăn về một sự gì, trong lòng tôi đau-đớn vì một điều gì, tôi mới cầm bút viết mà thôi, — cho nên trong sách của tôi chỉ nói chuyện tôi nhiều. . . » (1)

(1) Je n'ai jamais composé un livre, moi ; je n'ai jamais écrit que quand j'avais l'esprit hanté d'une chose, le cœur serré d'une souffrance, — et il y a toujours beaucoup trop de moi-même dans mes livres.

Bao nhiêu sách ông, toàn là nhật-ký của ông cả, dẫu có giã ba quyền đổi tên người, đặt chuyện khác đi, nhưng cũng là những sự kinh-lịch cảm-tưởng riêng của ông xếp-đặt lại mà thôi.

Nhưng có sao ông dụng-tâm bút-ký như thế? Là ông cho rằng cuộc đời như một giấc mộng, mà *nhân sinh thiên địa gian chi nhất nghịch lý*, bao nhiêu những sự xảy ra, bao nhiêu những cảnh bày ra, cho đến người ta chịu đựng những sự ấy, cảm-giác những cảnh ấy, đều là vi-vút như bóng bạch-câu, long-lanh như sương buổi sớm, phút còn phút biến, ví tai ta nghe, mắt ta trông, lòng ta cảm, mà ta không có cái gì ghi nhớ lấy, thời hết thấy sự-vật là hư-không cả, mà thân ta cũng chung-qui chốn hư-không. Ông nói rằng: « Cầm bút viết là để chống nhau với cái cuộc phù-sinh bèo-ảnh này, để cố lưu lại cho nó dài thêm lâu thêm ra một chút những cái vang cái bóng thoáng qua, những cái mà lòng tôi đã luyến-ái, bụng tôi đã cảm-thương.»

Biết cuộc đời là mộng-ảo, cõi thế là sắc-không, mà không thể không đem lòng lưu-luyến, theo như lời thơ tây nói rằng:

Aime ce que jamais tu ne verras deux fois.

(Nên yêu mến cái gì không trông thấy hai lần).

Yêu mến những cái gì không trông thấy hai lần, thì trong sự yêu-mến ấy đã có ý xót-sa thương-tiếc rồi. Cho nên phạm văn-chương tả cảnh tả tình của Loti đều có cái vị thừa cay-đắng, cái tiếng rớt ngậm-ngùi, lại càng thêm sức cảm-động vậy.

Có nhà phê-bình đã nói rằng: « Văn-chương của ông Loti là một bài trường-hận-ca về sự chết. » Sự chết là gì? là sự chuyển qua từ chốn hiện-tại đến cõi hư-vô. Mỗi cái lá rụng, mỗi cái hoa tàn, mỗi buổi ác tà, mỗi buổi trắng lặn, mỗi cái tình-cảm phai đi, mỗi cái nhớ thương nhạt đi, là một cái cảnh chết cả, đối với người đa-cảm cũng thấm-thê bi-đát như cái chết hiển-nhiên ghê-gớm kia, nó làm cho « méo mồm, trợn mắt, cứng tay, đờ chân », biến thân-thể người thành một đồng thối trùng ăn. Cảnh-sắc dầu đẹp đến đâu, người ta dầu khôn đến đâu, cảm-tình dầu sâu đến đâu, ân-ái dầu nặng đến đâu, rồi cũng có một ngày, một giờ, một phút, một giây, qua từ chốn có đến cõi không, rơi vào cái vực sâu thiên-cổ kia, không còn để lại chút tăm-tích gì. Cái ngày, cái giờ, cái phút, cái giây ấy, lúc nào ta cũng như nôm-nớp, không biết nó trúng vào lúc nào. Nay muốn cho cái kỳ-hạn đó dài nó xa ra một chút, thời « những người những vật thoáng qua trước mắt ta » (*Figures*

et choses qui passaient, tên sách của ông), «những bóng những vang lướt qua trên đường ta » (*Reflets sur la sombre route*, tên sách), ta nên cố ghi lấy, để khi đến lướt ta có qua đi, cũng còn để ti dấu-vết lại.

Ấy cái thâm-ý văn-chương của Loti như thế, nên cái đặc-sắc văn-chương ấy là sự thành-thực. Có thành-thực mới cảm-động người ta được như thế. Sách ông công-bổ cho thiên-hạ xem mà tựa-hồ như chỉ viết riêng cho một mình, lời lời như ở trong quả tim, trong khối óc mà truyền ra, cho nên cũng cảm sâu đến quả tim khối óc của người đọc. Văn-chương như thế không biết có thể gọi được là «văn-chương» nữa không, vì tính-cách của văn-chương là xếp đặt những lời hay ý đẹp để cho khoái-trá người ta, nhưng tác-giả đây có quản gì đến người đọc người xem đâu, viết ra chẳng qua chỉ là để ghi lấy những cái bóng cái vang nó thoáng qua tai mắt mình, cái tình cái cảm nó lướt qua tâm-tư mình mà thôi !

Cho nên một nhà phê-bình nữa lại có câu nói rằng : « Loti tiên-sinh là biệt-lập ra ngoài cõi văn-chương. Tiên-sinh là một ngọn cô-phong độc-tú. Ai dám gọi tiên-sinh là một nhà văn-sĩ, nhà tiểu-thuyết tầm-thường, tiên-sinh không phải là nhà tiểu-thuyết, nhà văn-

sĩ như người ta. Tiên-sinh là một bậc tuyệt-phẩm tao-nhân, tiên-sinh là một bậc giáo-sư của hồn mộng (*un prêtre du rêve*). Tiên-sinh không phải là người hiểu-kỳ cạm-cụi mà khảo-sát sự-vật, không phải là người trí-thức mùa bút mà thảo-luận nghĩa-lý; tiên-sinh là tình, là cảm, là tuệ-nhỡn, là linh-hồn. Cái gì đã xúc-động đến cảm-tình tiên-sinh, cái gì đã cảm-khích đến linh-hồn tiên-sinh, thì tiên-sinh truyền-đạt tới tâm-tư trí-não ta bằng một phép thần-thông huyền-diệu, khiến cho ta như đặt mình vào giữa những sự cảm-giác ấy và nâng ta lên những cõi tuyệt vời.... »

Lại nói rằng: « Bao nhiêu sách của tiên-sinh, xếp cả trước mặt tôi đây, từ quyển đầu-tiên tới quyển mới xuất-bản vừa rồi. Trong thư-viện tôi, mấy bộ sách đó là phần sáng-sủa nhất. Ba-mươi quyển sách ấy, là gồm cả cái cảnh-thú trong trời đất, cả cái khổ-não của loài người, cả cái ái-tình trong mộng-thế (*Ces trente volumes contiennent toute la féerie du monde, toute la souffrance humaine et tout l'amour*). Tôi không hề cầm tới mà không cảm-động. Bất-cứ quyển nào, mở ra đọc cũng là làm cho tôi xôn-xao trong lòng; bất-cứ quyển nào cũng là xúc-động tới quả tim tôi như động vào cái giây đàn, có thể làm cho tôi mê hồn, cũng có thể làm cho tôi đứt ruột; không có sách nào của nhà văn nào có cái sức thần-thông mà cảm tôi được sâu

như thế, sâu tới nơi mầm-rễ của tình-tình, tới nơi phát-động ra những tình sâu-thẳm, thương-nhớ, mến-yêu ; mà quyền nào cũng có cái khi-vị buồn, buồn đến xé ruột ra, buồn vì nỗi quang-âm vi-vút, người yêu cảnh đẹp không bền, hồ gió tay ra đón lấy thời chỉ còn có chút gió thoảng hơi qua mà thôi, cùng với nỗi thương-tiếc nhớ-nhung nó nung-nấu trong lòng... » (1)

Ấy cái ảnh-hưởng văn-chương ông Loti như thế.

Trong bài diện-thuyết của ông ở Hội Hàn-lâm, ông có tự-khiêm mà nói rằng : « Nhà văn-sĩ nào đem cái tài văn-chương của mình để cổ-động cho một cái thuyết luân-lý, nếu cái thuyết ấy lại là hay và chánh-đáng, thì còn có giá-trị hơn là những kẻ làm văn kia, dầu có làm được cho người ta vui tai khoái trí, nhưng không chứng-giải được điều gì, — vi như kẻ đương nói đây, không hề kết-luận điều gì, chỉ biết tỏ tấm lòng sợ-hãi ở trước cảnh vũ-trụ bao-la, thở những tiếng kêu ai-oán đối với cái chết hãi-hùng. . . » (2)

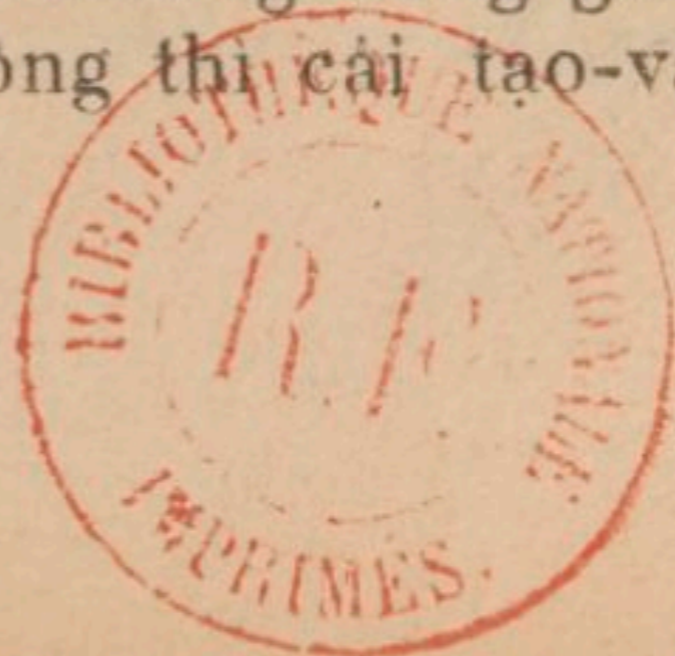
(1) Paul-Faure, *Méditation sur Loti*. (1921)

(2) Lorsqu'un écrivain met son talent, ses dons rares au service d'une thèse morale qui lui tient au cœur, si en outre elle est excellente, il me paraît que cela lui crée une supériorité sur ceux qui charment peut-être, mais qui ne prouvent rien, — par exemple sur celui qui parle en ce moment, et qui, sans jamais essayer de rien conclure, n'a su que chanter son admiration épouvantée devant l'immensité changeante du monde, ou jeter son cri de révolte et de détresse devant la mort.

Ông nói vậy, nhưng một kẻ tao-nhân có cần gì phải nghị-luận, miễn là cảm-động được người ta là đủ. Nay văn-chương ông đã có cái sức cảm-động như thế, dầu không tăng-tiến được phần *tri*, đã mở rộng được phần *hồn*, huống lại có những cái đặc-sắc thanh-cao nhã-thú như trên, tưởng còn siêu-việt hơn những lối văn nghị-luận, văn cổ-động gấp mấy mươi lần vậy.

Vả ông nói rằng ông không hề kết-luận điều gì bao giờ; nhưng mà những đoạn văn như đoạn sau này, há chẳng phải là những lời kết-luận rất thiết-tha và rất thâm-trầm dư? Cuối sách « Viếng cảnh đền Đế-Thích nước Cao-miên » (*Le Pèlerin d'Angkor*), có một đoạn văn tuyệt-bút, ở sau cùng có kết một câu rằng:

« — Ôi ! cái thần Đại-Từ Đại-Bi, càng ngày tôi lại càng đem lòng tin, tôi muốn giơ tay lên để cầu-cứu, vì tôi từng khổ-não đã nhiều, đi khắp gầm trời, trải khắp cảnh lạ, chỗ đẹp như bông-lai, chỗ ghê như địa-ngục, đi đến đâu cũng thấy người đau khổ, đi đến đâu cũng thấy người than khóc, đi đến đâu cũng thấy người cầu-nguyên. . . Cái thần Đại-Từ Đại-Bi kia, phải có mới được, dù gọi tên gì mặc lòng, phải có để những khi sinh-tử biệt-ly, đứng đây mà nghe lấy những tiếng gào khóc vô-hạn thâm-thê, không thì cái tạo-vật kia



không thể cho là giống vô-tri vô-giác được nữa, hèn quá xấu quá, thành ra cái oan-nghiệt vô-ngần. . . » (1)

Văn-chương mà đã đến một bậc thâm-trầm thống-thiết như thế, thời tưởng cồ-kim Đông Tây cũng ít có vậy.

Nói thế không phải là tán-dương hảo. Văn-chương Pháp, tôi đọc cũng đã nhiều, mà văn LOTI tôi cho là một món thần-phẩm, kể về cái sức cảm-động thì thật cồ-kim tưởng không có văn nào bằng.

Tôi còn nhớ hồi mới bắt đầu xem văn tây, đọc bộ tiểu-thuyết « Gái chán đời » (*les Désenchantées*) của ông; không đầy một ngày đọc hết hơn 400 trang, càng đọc càng như phá quả tim, đến sau không thể cầm lòng nhìn khóc được. Ngày nay hồi-tưởng lại cái nước mắt thừa 17, 18 tuổi ấy, nghĩ cũng buồn cười, thực là :

(1) « La Souveraine Pitié, j'incline de plus en plus à y croire et à lui tendre les bras, parce que j'ai trop souffert, sous tous les ciels, au milieu des enchantements ou de l'horreur, et trop vu souffrir, trop vu pleurer, et trop vu prier. . . Il faut qu'elle existe, quelque nom qu'on lui donne ; il faut qu'elle soit là, capable d'entendre, au moment des séparations de la mort, notre clameur d'infinie détresse, sans quoi la création, à laquelle on ne peut raisonnablement plus accorder l'inconscience comme excuse, deviendrait une cruauté par trop inadmissible, à force d'être odieuse et à force d'être lâche. . . » (*Le Pèlerin d'Anqkor*).

Khéo du nước mắt khóc người phương Tây !

Vì cứ như cái tình-cảnh người mình bây giờ, những nỗi đáng thương, đáng khóc, đáng thờ dài, tưởng cũng chẳng thiếu gì, còn đâu là nước mắt thừa mà khóc thay mấy cô con gái Thổ-nhĩ-kỳ trong bộ tiểu-thuyết nọ? Tuy vậy, dầu đến ngày nay, gặp những lúc tê-tái trong lòng vì những điều trông thấy, giận người đời không biết bao nhiêu mà kể, tình-cờ mở một quyển sách của ông, bất-cứ sách nào, đọc độ mười lăm trang, bao nhiêu nỗi cảm-hồn tiêu-tán đi hết cả, mà cái tình thương nhân-loại như lai-láng khắp trong lòng. Dù là những bài văn nhỏ vặt, thuật chuyện con chó con mèo, tả cảnh đi rừng đi núi, hay là những trường-thiên đại-đoạn, cùng những tiểu-thuyết ba bốn trăm trang, sách nào của ông cũng như chan-chứa một cái giọng từ-bi bác-ái, một tấm lòng ta-ngã ái-tha. Văn-chương của các danh-gia khác, có lẽ thâm-trầm hơn, diễm-lệ hơn, hàm-súc hơn, hùng-hồn hơn; không văn nào có cái giọng thiết-tha cảm-động bằng văn ông. Dầu người rất vô-tình, đọc đến cũng phải cảm vậy.

*
* * *

Toàn-tập của Loti có tới hơn ba mươi quyển. Những sách có tiếng nhất là : *Pêcheur d'Islande*, *Mon Frère Yves*, *Matelot*, là mấy bộ tiểu-thuyết

về nghề di bề; — *Roman d'un enfant, Prune jeunesse*, là hai tập tiểu-sử của ông lúc thừa nhỏ; — *Roman d'un spahi*, tiểu-thuyết về Phi-châu; — *Aziyadé, Fantôme d'Orient, les Désenchantées*, là mấy bộ tiểu-thuyết về Thổ-nhĩ-kỳ; — *Ramuntcho*, tiểu-thuyết về xứ *Basque* (miền tây-nam nước Pháp); — *Figures et choses qui passaient, Le Livre de la Pitié et de la mort, Propos d'Exil, Reflets sur la sombre route*, là những tập văn đoản-thiên; — *le Désert, la Galilée, Jérusalem*, là mấy tập du-ký ở nơi Thánh-mộ Gia-tô; — *La mort de Philæ*, về Ai-cập; — *l'Inde sans les Anglais*, về Ấn-độ; — *les Derniers jours de Pékin*, về Tàu; — *Madame Chrysanthème, Japoneries d'automne, La Troisième jeunesse de Madame Prune*, về Nhật-bản; — *Turquie agonisante, Suprêmes visions d'Orient*, về Thổ-nhĩ-kỳ, v. v. . . — Trong tập *Figures et choses qui passaient* và *Propos d'Exil*, có mấy thiên về nước Nam ta, là cái nhật-ký của ông hồi mấy năm 1883-1884 ông tòng-quân ở chiếc tàu chiến đóng tại cửa Hàn.



TỰ - VỰNG

Quốc-ngữ — Chữ Hán — Chữ Pháp

(Thích nghĩa các chữ khó trong sách này)

Bác-nhã 博雅 = Nói về người học rộng mà có tư-cách cao-thượng. — CULTIVÉ ET DISTINGUÉ.

Bạch-câu 白駒 = Chính nghĩa là con ngựa trắng. Sách *Sử-ký* của Tàu có câu: *Nhân sinh nhất thế gian, như bạch-câu quá khích* 人生一世間如白駒過隙. Nghĩa là: Đời người ta qua mau như con ngựa trắng qua cái khe cửa. Nay dùng điển con ngựa trắng để nói thời-giờ qua mau. — *Litt.* CHEVAL BLANC; Allusion littéraire sur la rapidité du temps, comparable à celle d'un cheval blanc qui passe à travers l'interstice d'une porte.

Bàng-quan 旁觀 = Đứng bên mà xem, không dự-sự. — ASSISTER EN SPECTATEUR, SANS PRENDRE PART A UN ÉVÉNEMENT; SPECTATEUR.

Bào-ảnh 泡影 = Cái bọt cái bóng. Nói về cái gì hư-huyễn, không có thực. — ILLUSION, ILLUSOIRE.

Bảo-chủng 保種 = Giữ-giữ cho giống nòi. — CONSERVER LA RACE.

Bi-thái 否 泰 = Tên hai quẻ *bĩ* quẻ *thái*. Trời đất giao-thông được như thường là *thái*; trời đất giao-thông không được như thường là *bĩ*. Hai chữ này dùng để nói vận-số khi cùng khi thông, khi xấu khi tốt. — VICISSITUDES DE LA FORTUNE.

Biện-nạn 辨 難 = Kiểm lễ để biện-bác. — CHERCHER A CRITIQUER.

Biệt-hiệu 別 號 = Tên riêng đặt ra (của nhà làm văn, làm sách). — PSEUDONYME.

Cô-phong độc-tú 孤 峯 獨 秀 = Ngọn núi chon-von, nổi lên một mình, cao hơn và đẹp hơn hết cả. Vì người có tài khác thường, biệt-lập một mình. — PIC SOLITAIRE. SE DIT D'UN ÊTRE D'EXCEPTION, D'UN HOMME DE GÉNIE QUI SE DISTINGUE NETTEMENT DES TALENTS ORDINAIRES.

Châm-ngôn 箴 言 = Lời dạy bảo khuyên-răn. — CONSEIL, ENSEIGNEMENT, PRÉCEPTÉ.

Chấn-loát 振 刷 = Phấn-phát mở-mang lên. — DÉVELOPPER, DONNER UNE IMPULSION PLUS GRANDE; ACCROÎTRE L'ACTIVITÉ.

Chiết-trung 折 中 (hay là 衷) = So-sánh lấy cho thích-trung, vừa phải, không thái-quá, không bất-cập. — CHOISIR AVEC ÉCLECTISME; ÉCLECTIQUE.

Danh-công cự-khanh 名 公 鉅 卿 = Những người chức-vị cao. — HAUTS DIGNITAIRES, GRANDS PERSONNAGES.

Diễm-lệ 豔麗 = Đẹp-đẽ, chải-chuốt, bóng-bầy. —
BEAU, ÉLÉGANTE, BRILLANT.

Doanh-hư 盈虛 = Khi đầy khi vơi. Nói sự đời
bất-thường. — INCONSTANCE DE LA FORTUNE.

Duy ngã độc tôn 惟我獨尊 = Duy ta là
tôn. Lời của đức Phật Thích-ca-mâu-ni. Dùng
rộng nghĩa để chỉ cái thái-độ duy-kỷ, chỉ
biết tôn-trọng một mình mình. — ALLUSION
A UNE PAROLE DE BOUDDHA : « *Moi seul suis
digne d'être honoré* » POUR DÉSIGNER UNE
ATTITUDE, UNE DOCTRINE ÉGOCENTRIQUE ;
ÉGOCENTISME, ÉGOTISME.

Đại-quan 大觀 = Tóm-tắt lại cho xem một lượt
mà biết được đại-thể. — VUE GÉNÉRALE, VUE
D'ENSEMBLE ; APERÇU GÉNÉRAL.

Đảng-phái 黨派 = Bè-đảng, môn-phái. — PARTI,
SECTE.

Đạo-tình 道情 = Nói về tình, tả về tình. Nói về
lối văn-chương tả-tình. — QUI PEINT LES
SENTIMENTS. SE DIT D'UNE LITTÉRATURE
SENTIMENTALE OU ROMANESQUE.

Điện-nhã 典雅 = Đứng-đắn nhã-nhận. ; nèn. —
QUI A DE LA TENUE, DE LA DISTINCTION ; QUI EST
DE BON GOÛT, DE BON TON.

Đồn-tỏa 頓挫 = Chính nghĩa là : Gim xuống,
dương lên, cũng như *ức-dương* 抑揚, nói về
âm-điệu cao thấp, như lời văn lời thơ,

vân có điệu, lên bổng xuống trầm. — Nhưng thường dùng lạm-nghĩa để chỉ sự đê-nén, áp-ức, làm cho khó chịu. Bị đốn-tỏa, là bị đê-nén, uất-ức, không được thư-xương. — DÉPRIMÉ, ACCABLÉ.

Giả-nghĩ 假擬 = Nghĩ hộ, làm hộ người khác. — ECRIRE, COMPOSER POUR UN AUTRE.

Giản-ước 簡約 = Dễ-dàng văn-tắt. — SIMPLE ET CONCIS.

Giáo-đồ 教徒 = Người tin theo một tôn-giáo nào. — ADEPTE, FIDÈLE D'UNE RELIGION.

Hàm-súc 涵蓄 = Đầy-dủ súc-tích; nói về văn-chương có tình-ý, tư-tưởng nhiều. — RICHE EN IDÉES, EN SENTIMENTS.

Hiện-tại 現在 = Cái hiện ở ngay bây giờ. — LE PRÉSENT.

Hùng-hồn 雄渾 = Mạnh-mẽ trôi-chảy. — ELOQUENT, IMPRESSIONNANT, PRESTIGIEUX (Se dit d'un discours, d'un style)

Hùng-thiên 雄篇 = Thiên sách, bài văn hùng-hồn. — PAGE ÉLOQUENTE; CHEF-D'ŒUVRE.

Hư-vô 虛無 = Chỗ không có gì cả, cũng như hư-không. — LE NÉANT.

Kinh-cức 荆棘 = Cây-cối chằng-chịt gai-góc. Nói sự khó-khăn nguy-hiểm. *Phá kinh-cức* là chặt gai-góc, dọn đường cho người sau dễ đi. — Litt. BROUSSAILLES; *par ext.* DIFFICULÉS: *Phá kinh-cức* DÉBROUSSAILLER, APLANIR LES DIFFICULTÉS.

Kinh-quá 經過 = Đi qua, trải qua. — TRAVERSER.

Khẩu-đầu 口頭 = Câu ở đầu miệng, câu sáo. —
FORMULE TOUTE FAITE ; CLICHÉ.

Khi-vận 氣運 = Khi-sở vận-hội; nói về tình-trạng một nước gặp cơ-hội thịnh suy thế nào. —
ENSEMBLE DE CIRCONSTANCES CONTRIBUANT À
FORMER L'ÉTAT GÉNÉRAL D'UNE ÉPOQUE.

Khoái-trá 膾炙 = Chính nghĩa là : Thịt nướng
trả, đồ ăn ngon lành ai cũng thích. Nói
văn-chương hay, người ta thích đọc, cũng
gọi là làm cho người ta khoái-trá. — QUI
PLAIT COMME UN METS RECHERCHÉ.

Khoảnh-khắc 頃刻 = Một chốc, một lát, một
phần nhỏ trong thời-gian. — UN INSTANT, UN
MOMENT, PETIT ESPACE DE TEMPS.

Khoát-nhiên đại-ngộ 豁然大悟 = Vụt tỉnh
ra, sáng-suốt như người mở rộng cho trông
thấy. — ILLUMINATION BOUDDHIQUE.

Khởi-điểm 起點 = Chỗ bắt đầu. — POINT DE
DÉPART.

Khuyết-phạp 闕乏 = Thiếu-thốn, không được
đầy-đủ. — INSUFFISANT.

Manh-nha 萌芽 = Mọc mầm ra. Nói cái gì mới
bắt đầu mầm-mống ra. — GERMER ; COMMENCER
A APPARAÎTRE.

Môi-giới 媒介 = Mối-lái : đứng giữa mà đưa dẫn
cho hai bên. — INTERMÉDIAIRE ; ENTREMISE.

Môn-hộ 門戶 = Chính nghĩa là cửa-ngõ. Dùng rộng nghĩa là chia ra nhiều môn nhiều phái tranh nhau. — ECOLES, SECTES DIVERSES OU ADVERSES.

Nỗ-lực 努力 = Gắng sức, ra sức mà làm việc gì. — S'EFFORCER, DÉPLOYER SES EFFORTS POUR ARRIVER A UN BUT.

Nội-thuộc 內屬 = Nói một nước nhỏ bị kiêm-tính thuộc vào một nước lớn. — SE DIT D'UN PAYS CONQUIS PAR UN GRAND EMPIRE ET QUI EN FAIT PARTIE COMME UNE DÉPENDANCE.

Ngạo-cốt lăng-tăng 傲骨凌層 = Nói cái tính ngạo-nghẹ đầy người. — ORGUEIL SUPERBE.

Ngưng-trệ 凝滯 = Đình đọng lại, không lưu-thông đi được. — FIGÉ.

Nhã-thú 雅趣 = Phong-thú nhã-nhận. — CHARME DISTINGUÉ.

Nhân sinh thiên-địa gian chi nhất nghịch-lữ 人生天地間之一逆旅 = Người ta ở trong trời đất cũng như ở nơi nhà trọ. — L'HOMME N'EST SUR LA TERRE QU'UN HÔTE DE PASSAGE. (Fragilité de la vie).

Nhân-tình thế-thái 人情世態 = Lòng người thời đời. — LE CŒUR HUMAIN ET LES MŒURS DU SIÈCLE.

Nhập-diệu 入妙 = Vào được chỗ thần-diệu, thâm-hiểu lắm. — PÉNÉTRER JUSQU'AUX ARCANES D'UNE SCIENCE, D'UN ART ; COMPRENDRE PARFAITEMENT.

Nhất-lãm (biểu) 一覽表 = Cái biểu tóm-tắt
cả lại, để nhìn một lượt mà lĩnh-lược được
hết. — TABLEAU GÉNÉRAL RÉCAPITULATIF.

Nhật-tụng (kinh) 日誦經 = Quyển kinh
thường ngày tụng đến, quyển sách thường
ngày đọc đến, không dờ tay. — BRÉVIAIRE ;
LIVRE DE CHEVET.

Nhuệ-khí 銳氣 = Cái khí tinh-anh sắc-sảo. —
ARDEUR, FOUGUE, VIVACITÉ.

Phách-lực 魄力 = Sức mạnh-mẽ kiên-gan. —
ENERGIE, FERMETÉ, PUISSANCE.

Phát-huy 發揮 = Bày rõ, mở-mang ra. —
DÉVELOPPER, MANIFESTER.

Phê-bình (văn-học) 批評 (文學) = Bình-phẩm
xét đoán về các sách văn-chương. — CRITIQUE
LITTÉRAIRE.

Phong-hội 風會 = Thời-thế, cơ-hội. — ETAT
GÉNÉRAL D'UNE ÉPOQUE.

Phóng-tâm 放心 = Lòng phóng-dật, tự-do,
không kiểm-thúc. — CŒUR LÉGER, VOLAGE ;
DÉRÈGLEMENT, LICENCE.

Phôi-thai 胚胎 = Mới gây-dựng lên, như cái thai
mới thành. — COMMENCEMENT, DÉBUT, NAIS-
SANCE.

Quá-độ thời-đại 過渡時代 = Phạm sự-vật
từ cái địa-vị, cái trạng-thái này mà chuyển
sang địa-vị trạng-thái khác, lúc còn đương
chuyển-dịch đó, gọi là *quá-độ*, cũng như từ

bờ bên này đưng qua cầu, qua đò sang bờ bên kia. Như lúc hai cái văn-minh mới cũ giao nhau, cái mới đã gần mất, cái cũ chưa gầy thành, gọi là buổi quá-độ (quá-độ thời-đại). — EPOQUE DE TRANSITION.

Quốc-túy 國粹 = Cái tinh-túy của một nước, như lễ-tục, văn-hóa nước ấy. — PRINCIPE SPIRITUEL D'UNE NATION ; ESPRIT NATIONAL.

Sản-xuất 產出 = Sinh-sản ra, tạo-thành ra. — PRODUIRE, ENGENDRER.

Sáp-nhập 插入 = Giáp vào, ghép vào, hợp lại làm một. — INTRODUIRE, RATTACHER, ASSIMILER.

Sĩ-phu 士夫 = Chính nghĩa là người đàn ông. Dùng nghĩa rộng là chỉ những người có học-thức trong một nước. — CLASSE INTELLECTUELLE ; INTELLIGENTSIA.

Siêu-quần bạt-tụy 超羣拔萃 = Tài giỏi hơn người thường. — QUI SORT DE L'ORDINAIRE ; QUI A DES TALENTS EXCEPTIONNELS.

Sưu-tầm 搜尋 = Tìm-tòi tra-cứu. — RECHERCHER.

Ta ngã ái tha 嗟我愛他 = Than thân mình, thương kẻ khác. — Nói về lối văn-chương cảm-thán. — SENTIMENTAL, ÉLÉGIAQUE.

Tả-thực 寫寔 = Tả giống như thực. Lối văn-chương lấy tả giống như thực làm hay. — RÉALISME ; PEINTURE, LITTÉRATURE RÉALISTE.

Tao-nhân 騷人 = Người làm thơ. — POÈTE.

Tịch Đàm vong-tổ 籍談忘祖 = Tịch-Đàm là tên quan đại-phu nước Tấn về đời Xuân-thu, đi sứ sang Chu, vua Chu hỏi về việc nước Tấn, Đàm không nói được, vua chê là người quên tổ. Điển này thường dùng để chỉ những người không biết lịch-sử phong-tục nước mình. — SE DIT DES HOMMES QUI OUBLIENT LEUR PATRIE ET LEURS ANCÊTRES.

Tiền-bồi 前輩 = Người về lớp trước, bậc hơn tuổi mình. — GÉNÉRATION PRÉCÉDENTE, LES AÎNÉS.

Tiền-định 前定 = Đã định trước. Nói về cái thuyết cho là muôn sự đã do trời định sẵn, sức người không thay đổi đi được. — PRÉDESTINATION.

Tín-nhiệm 信任 = Tin mà ủy cho việc gì. — CONFIER UNE CHARGE, FAIRE CONFIANCE.

Tu-tề 修齊 = Sửa mình và trị nhà. — SE PERFECTIIONNER SOI-MÊME ET BIEN ADMINISTRER SA FAMILLE.

Túc-tích 足跡 = Vết chân đi đến đâu. Nói những xứ mình đã đi qua. — TRACES DES PAS (se dit des régions qu'on a parcourues).

Tuệ-nhôn 慧眼 = Con mắt sáng-suốt. Nói về cái trí thông-minh sáng-suốt (chữ Phật). — INTELLIGENCE (*sens bouddhique*).

Tùy-bút 隨筆 = Tùy ngọn bút mà biên-chép. Lối văn tạp-ký. — NOTES ET COMMENTAIRES ÉCRITS AU COURANT DE LA PLUME.

Tuyệt-luân 絕倫 = Tài giỏi tốt đẹp hơn hết cả. —
EXCEPTIONNEL, SUPÉRIEUR, HORS LIGNE.

Tứ diệu-đề 四妙諦 = Bốn lẽ mầu-nhiệm của đạo Phật là : sinh, khổ, diệt, đạo. — LES QUATRE DOGMES ESSENTIELS DU BOUDDHISME, appelés les “quatre vérités” : la naissance, la souffrance, l’extinction (du désir et de la souffrance), le salut (par la connaissance de la loi bouddhique.)

Thăng-mặc 繩墨 = Thừng mực, đồ để đánh dấu cho thăng. Nói rộng nghĩa là cái gì dùng làm phép-tắc. — PRINCIPE, RÉGLE, NORME.

Thâm-mĩ 審美 = Xem - xét phán-đoán về sự đẹp. *Thâm-mĩ-học* là khoa học nghiên-cứu về tinh-chất cùng phép-tắc của sự đẹp sự xấu. — ESTHÉTIQUE.

Thần-phẩm 神品 = Cửa báu, cửa đẹp, đáng là của thần-tiên. — MERVEILLE (de l’art, de la poésie).

Thất-vọng 失望 = Mất lòng hi-vọng. — DÉSES-PÉRER, DÉSESPOIR.

Thi-xã 詩社 = Hội các nhà làm thơ, cùng một tư-tưởng, cùng một chí-thú với nhau. — CÉNACLE POÉTIQUE, PLÉIADE.

Thích-dáng 適當 = Vừa phải xứng-dáng. — CONFORME, CONVENABLE.

Thiên-cổ 千古 = Nghìn xưa. Nói về thời-đại xa-xôi. — ÉTERNITÉ.

Thoát-li 脫離 = Dời thoát ra được. — SE SÉPARER, S'ÉCHAPPER, QUITTER, ÉVITER.

Thô-hùng 粗雄 = Mạnh-mẽ mà có ý thô-tục một chút. — D'UNE FORCE UN PEU FRUSTE ; PUISSANT MAIS SANS RAFFINEMENT.

Thống-nhất 統 — = Gồm cả lại làm một, qui cả vào dưới một quyền chủ-trương. — METTRE SOUS UNE MÊME AUTORITÉ ; UNIFILR.

Thừa-trừ 乘除 = Nhân lên và trừ đi. Xan-xẻ cho bằng nhau. — ÉGALISER, UNIFORMISER.

Thưởng-thức 賞識 = Xem-xét mà biết thưởng cái hay cái đẹp. — GOÛTER, APPRÉCIER, JOUIR (d'une beauté).

Trật-tự 秩序 = Thứ-tự trên dưới đầu vào dấy nghiêm-chỉnh. — ORDRE, HIÉRARCHIE.

Trung-gian 中間 = Khoảng giữa. — INTERVALLE.

Trường-hận-ca 長恨歌 = Tên một bài ca của thi-nhân nhà Đường Bạch Cư-Dị. Nói rộng là bài ca than-thở. — COMPLAINTÉ ; CHANT DOULOUREUX, MÉLANCOLIQUE.

Ủy-mĩ 委靡 = Tồi-tàn, suy-sút, kém hèn. — DÉLABRÉ, EN RUINE, SANS ÉNERGIE.

Văn-pháp 文法 = Phép làm văn, phép văn-chương. — GRAMMAIRE, RHÉTORIQUE, SYNTAXE.

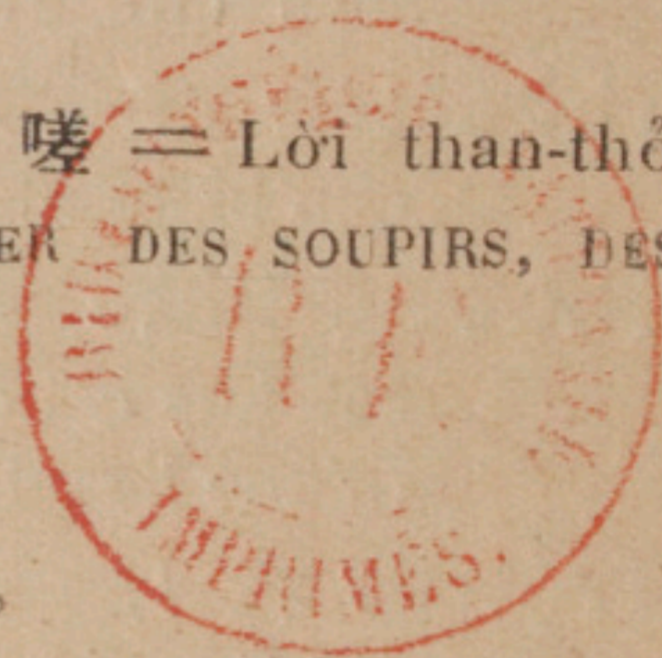
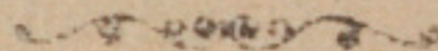
Van-the 問世 = Đem ra hỏi đời. Nói về thơ văn đem công-bố ra cho người đời khen chê. — RENDRE PUBLIC, SOUMETTRE A L'APPRÉCIATION DU PUBLIC UNE PRODUCTION LITTÉRAIRE OU POÉTIQUE.

Vận-văn 韻文 = Văn có vận, có điệu. —
LITTÉRATURE POÉTIQUE ; POÉSIE.

Vật-liệu 物料 = Nói chung những vật-chất dùng
để làm một cái công-trình gì. — MATÉRIAUX.

Vi-ngôn đại-nghĩa 微言大義 = Những lời
nói xa-xôi, những ý-nghĩa cao-rộng. —
PAROLES SUBTILES ET FORTES PENSÉES (l'essence
d'une doctrine).

Vịnh-thán tư-ta 詠歎咨嗟 = Lời than-thở
ngậm - ngùi. — EXHALER DES SOUPIRS, DES
PLAINTES.



DẪN-MỤC

Để tra chữ Pháp ra Quốc-ngữ

(Muốn biết rõ nghĩa phải xem *Tự-vựng* trên kia)

Accablé = Đổn-tỏa.

Accroître l'activité = Chấn-loát.

Adepté d'une religion = Tin-dồ.

Aînés (Les) = Tiền-bồi.

Aperçu général = Đại-quan.

Aplanir les difficultés = Kinh-cức (Phá).

Apprécier = Thưởng-thức.

Ardeur = Nhuệ-khí.

Assimiler = Sáp-nhập.

Assister en spectateur = Bàng-quan.

Beau = Diễm-lệ.

Bon goût = Diễm-nhã.

Bon ton = Diễm-nhã.

Bréviaire = Nhật-tụng (Kinh).

Brillant = Diễm-lệ.

Broussailles = Kinh-cức.

Cénacle poétique = Thi-xã.

Chant douloureux, plaintif = Trường-hận-ca.

Charme distingué = Nhã-thú.

- Chef d'œuvre littéraire** = Hùng-thiên.
Choisir avec éclectisme = Chiết-trung.
Circonstances (Ensemble de) = Khí-vận.
Classe intellectuelle = Sĩ-phu.
Cliché (formule toute faite) = Khẩu-đầu.
Cœur humain et mœurs du siècle = Nhân-tâm thế-thái.
Cœur léger, volage (sans direction morale) = Phóng-tâm.
Commencement = Phôi-thai.
Commencer à apparaître = Manh-nha.
Complainte = Trường-hận-ca.
Composer pour un autre = Giả-nghĩ.
Comprendre parfaitement (une vérité, une doctrine) = Nhập-diệu.
Concis = Giản-ước.
Confiance (Faire) = Tín-nhiệm.
Confier une charge = Tin-nhiệm.
Conforme = Thích-dáng.
Conseil = Châm-ngôn.
Conserver la race = Bảo-chủng.
Convenable = Thích-dáng.
Critique littéraire = Phê-bình (văn-học)
Critiquer (Chercher à) = Biện-nạn.
Cultivé = Bác-nhã.

Débroussailler = Kinh-cức (Phá).

Début = Phôi-thai.

Délabré = Uỷ-mĩ.

Départ (Point de) = Khởi-điểm.

Dépendance = Nội-thuộc.

Déployer ses efforts = Nỗ-lực.

Déprimé = Đổn-tỏa.

Dérèglement = Phóng-tâm.

Désespérer, Désespoir = Thất-vọng.

Développer = Chấn-loát.

Difficultés = Kinh-cức.

Dignitaires (Hauts) = Danh-công cụ-khanh.

Distingué = Bác-nhã, điền-nhã.

Echapper (s') = Thoát-li.

Eclectique, électisme = Chiết-trung.

Ecoles = Môn-hộ.

Ecrire pour un autre = Giả-nghĩ.

Efforcer (s') = Nỗ-lực.

Egaliser = Thừa-trừ.

Egocentrique, Egocentrisme = Duy ngã độc
tôn.

Egotisme = Duy ngã độc tôn.

Élegant = Diễm-lệ.

Elégiaque = Ta-ngã ái-tha.

Eloquent = Hùng-hồn.

- Eloquente (Page)** = Hùng-thiên.
Energie = Phách-lực.
Energie (Sans) = Ủy-mĩ.
Engendrer = Sản-xuất.
Enseignement (Conseil) = Châm-ngôn.
Entremise = Môi-giới.
Epoque de transition = Quá-độ thời-dại.
Espace (Petit) de temps = Khoảnh-khắc.
Esprit national = Quốc-túy.
Essence d'une doctrine = Vi-ngôn đại-nghĩa.
Esthétique = Thẩm-mĩ.
Etat général d'une époque = Khí-vận;
phong-hội.
Eternité = Thiên-cồ.
Eviter = Thoát-li.
Exception (Etre d') = Cô-phong độc-tú.
Exceptionnel = Tuyệt-luân.
Exhaler des soupirs, des plaintes = Vinh-
thán tư-ta.
Fermeté d'âme = Phách-lực.
Fidèle d'une religion = Tin-dờ.
Figé = Ngưng-trệ.
Formule toute faite = Khẩu-đầu.
Fort mais fruste = Thô-hùng.
Fougue = Nhuệ-khí.
Fragilité de la vie = Nhân sinh thiên địa gian
nhất nghịch-lũ.

Génération précédente = Tiên-bối.

Génie (Homme de) = Cô-phong độc-tú.

Germer = Manh-nha.

Gôter = Thưởng-thức.

Grammaire = Văn-pháp.

Hiérarchie = Trật-tự.

Hors ligne = Tuyệt-luân.

Illumination bouddhique = Khoát-nhiên đại-
ngộ.

Illusion, illusoire = Bào-ảnh.

Impressionnant = Hùng-hồn.

Impulsion (Donner une) = Chấn-loát.

Inconstance de la fortune = Doank-hư.

Instant = Khoảnh-khắc.

Insuffisant = Khuyết-phạp.

Intellectuelle (Classe) = Sĩ-phu.

Intelligence (sens bouddhique) = Tuê-nhữn.

Intelligentsia = Sĩ-phu.

Intermédiaire = Môi-giới.

Intervalle = Trung-gian.

Introduire = Sáp-nhập.

Jouir (d'une beauté) = Thưởng-thức.

Léger (Cœur) = Phóng-tâm.

Licence = Phóng-tâm.

Littérature poétique = Vận-văn.

Livre de chevet = Nhật-tụng (Kinh).

Manifester = Phát-huy.

Matériaux = Vật-liệu.

Merveille (de l'art, de la poésie) = Thần-phẩm.

Mettre (sous une même autorité) = Thống-nhất.

Moment = Khoảnh-khắc.

Naissance = Phôi-thai.

Néant = Hư-vô, hư-không.

Norme = Thẳng-mặc.

Notes et commentaires (écrits au courant de la plume) = Tùy-bút.

Ordre = Trật-tự.

Orgueil superbe = Ngạo-cốt lãng-tăng.

Oublier sa patrie et ses ancêtres = Tịch
Đàm vong tổ.

Paroles subtiles et fortes pensées = Vi-
ngôn đại-nghĩa.

Parti = Đảng-phái.

Pénétrer les arcanes (d'une science, d'un art)
= Nhập-diệu.

**Perfectionner (Se) soi-même et bien administrer
sa famille** = Tu tề.

Personnages (Grands) = Danh-công cự-khanh.

Pic solitaire = Cô-phong độc-tú.

Plaintes (Exhaler des) = Vịnh-thán tư-ta.

Plait (Qui) comme un mets recherché = Khoái-trá.

Pléiade = Thi-xã.

Poésie = Vận-văn.

Poète = Tao-nhân.

Point de départ = Khởi-diểm.

Précepte = Châm-ngôn.

Présent (Le) = Hiện-tại.

Prestigieux = Hùng-hồn.

Principe (règle) = Thẳng-mặc.

Principe spirituel d'une nation = Quốc-túy.

Produire = Sản-xuất.

Pseudonyme = Biệt-hiệu.

Public (Rendre) un écrit, un ouvrage = Văn-thế.

Puissance = Phách-lực.

Puissant mais sans raffinement = Thô-hùng.

Quatre (Les) dogmes ou quatre vérités bouddhiques = Tứ-diệu-đề.

Quitter = Thoát-li.

Rapidité du temps qui passe = Bạch-câu (Bóng).

Rattacher = Sáp-nhập.

- Réalisme** = Tả-thực.
Rechercher = Sưu-tầm.
Règle = Thẳng-mặc.
Rhétorique = Văn-pháp.
Riche en idées, en sentiments = Hàm-súc.
Romanesque (Littérature) = Đạo-tình (Văn).
Secte = Đảng-phái; môn-hộ.
Sentiments (Qui peint les) = Đạo-tình.
Sentiments humains et mœurs du siècle
= Nhân-tình thế-thái.
Sentimental (Style) = Đạo-tình (Văn).
Séparer (Se) = Thoát-li.
Simple = Giản-ước.
Sort (Qui) de l'ordinaire = Siêu-quần bát-tụy.
Spectateur (Assister en) = Bàng-quan.
Soumettre à l'appréciation du public (un ouvrage) = Văn-thế.
Soupirs (Exhaler des) = Vịn-thán tư-ta.
Supérieur = Tuyệt-luân.
Syntaxe = Văn-pháp.
Tableau général, récapitulatif = Nhất-lãm (Biểu).
Talents exceptionnels (Qui a des) = Siêu-quần bát-tụy.
Temps (Le) qui passe avec rapidité = Bạch-câu (Bóng).

Tenue (Qui a de la) = Điền-nhã.

Traces des pas = Túc-tích.

Transition (Epoque de) = Quá-độ thời-đại.

Unifier = Thống-nhất.

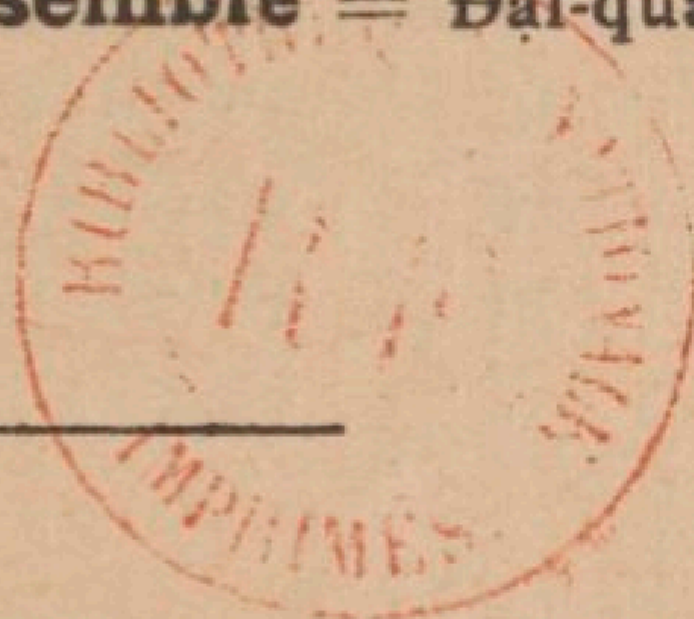
Uniformiser = Thừa-trừ.

Vicissitudes de la fortune = Bĩ-thái.

Vivacité = Nhuệ-khí.

Volage (Cœur) = Phóng-tâm.


Vue générale, d'ensemble = Đại-quan.



CÁI-CHÍNH

Sách này có mấy chỗ in lầm, nên xem biểu
cải-chính đây cho đúng :

Số trang	Số dòng	Chữ in lầm	Chữ cải-chính cho đúng
28	22	HENRI	HENRI
43	15	văn, hay	văn hay,
44	17	rành-rẽ.	rành-rẽ.
«	20	chủ-chương	chủ-trương
49	28	cái-lý	cái lý-
53	9	yêm-bác	yêm-bác,
60	13	cho được.	cho xác được.
76	24	xử thể	xử-thể
79	18	thành tựu	thành-tựu
85	7	cổ thụ	cổ-thụ
Tự- vưng			
VII	14	批 平	批 評



 Dépôt légal effectué en conformité des
 dispositions de l'art. 5 de la loi du 19
 juillet 1851. Chiffre du tirage s'élevait
 à Trois mille exemplaires

Hanoi le 15 Mars 1927
 Lê van Thuân, Imp. Ind. de Tonkin
 111, rue de Catin



đọc sách Tây, không cần phải đọc sách Tàu. chỉ biết chữ quốc-ngữ cũng có thể thông-hiểu được các điều nghĩa-lý làm gốc cho văn hóa đời xưa đời nay.

Chúng tôi ước-ao rằng sau này người An-Nam chỉ học bằng tiếng An-Nam có thể trở nên được người thông-hiểu, chỉ đọc bằng sách quốc-ngữ cũng đủ bổ ích được cho trí khôn, ngày ấy thời sự khai-hóa trong nước mới thật là có kết-quả vậy.

Muốn cho đạt được mục-dịch đó, điều thứ nhất là cần phải có sách, không phải là sách « văn chương chơi », mà là những sách thật có giúp được cho sự học.

Những sách ấy hiện nay còn thiếu lắm.

Bộ « Nam-Phong Tùng Thư » này đặt ra là để bổ cho sự khuyết đó.

Chúng tôi định xấp bản thành sách mỗi quyển chừng 120 trang, bán-bạc giáng giá về khắp các vấn-đề văn-học, khoa học, triết-học, hoặc là biên-dịch, hoặc là soạn-thuật, cốt là cầu lấy cho rõ-ràng dịch xác, có thể làm bộ sách nghiên-cứu để cống hiến cho các đồng-bào hiếu-học — Sau mỗi quyển lại phụ thêm mấy trang « Tự-vựng » giải nghĩa rõ các danh-từ mới và dịch ra tiếng Pháp. Mong rằng sách ra hợp-thời, sẽ bổ ích được ít nhiều cho các bạn đọc-giả.

NAM - PHONG TÙNG - THƯ

PHẠM QUỲNH Chủ-nhiệm

Bộ « Tùng-Thư » này xuất-bản thành sách, mỗi quyển chừng 120 trang, có tư-vụ các danh-lữ mới, mỗi quyển giá 0\$40.

Những sách đã xuất-bản và sắp xuất-bản như sau này :

- | | |
|---------------------------|----------------|
| I. Văn-minh luận | (đã xuất bản) |
| II. - Ba tháng ở Paris | (-) |
| III. - Văn-học nước Pháp | (-) |
| IV. - Chính-trị nước Pháp | (sắp xuất-bản) |
| V. - Khảo về Tiểu-thuyết | (-) |
| VI. - Lịch-sử thế-giới | (-) |
| vân-vân. | |

NAM-PHONG TẠP-CHÍ

Sáng-lập từ năm 1917,
mỗi tháng xuất-bản một kỳ
có ba phần Quốc-ngữ, Hán-văn và Pháp-văn

PHẠM QUỲNH Chủ-bút

Mỗi năm 12 số, giá đồng-niên là 6\$00

Nửa năm 6 — giá nửa năm — 3.00

Mỗi số giá 0\$50.

Bán tại Đông-kinh ấn-quán (Imprimerie Tonkinoise), 80-82, Rue du Chanvre, Hà-nội